

BÁCH KHOA

11

15 THÁNG SÁU 1957

Trong số này :

PHAN-VĂN-TRÍ *Bảy nguyên-tắc Hợp-tác-xã Rochdale*

HOÀNG-MINH-TUYNH *Rút-Xô với bộ Dân-trước luận*

PHẠM-NGỌC-THẢO *Vấn-đề xử-dụng người*

NGUYỄN-HIỂN-LÊ *Tinh-cách truyền-thống và chánh-trị của Nho-giáo*

THIÊN-GIANG *Ích-lợi tân giáo-dục đối với sự phát-triển của trẻ em*

TRỰC-ĐỊNH *Một vạt ý-định nhân ngày kiệu Minh Thánh Chúa*

Bác-Sĩ T *Bệnh Cúm*

NGUYỄN-HUY THANH *Vấn-đề bảo-hiêm (tiếp theo)*

CÀM-VÂN *Trăng thôn-dã (thơ)*

VÔ-PHIẾN *Dung (chuyện ngắn)*

TÙ-VU
(bản dịch của Vi-Huyền-Đắc) *Nhất gia (truyện dài)*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

- | | |
|--------------------------|---|
| HUỖNH-VĂN-LANG | : <i>Kinh-tế Việt-Nam đi về đâu.</i> |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : <i>Chế-độ dân-chủ cổ-điển : chủ-trương của phái Trọng-Nông.</i> |
| PHẠM-NGỌC-THẢO | : <i>Lực-lượng quân-sự địa-phương và lực-lượng quân-sự cơ-động.</i> |
| PHAN-LẠC-TUYÊN | : <i>Cuộc khấn-hoang miền Lục-tỉnh của binh-sĩ V.N thời xưa.</i> |
| Cô THOẠI-NGUYỄN | : <i>Tân giáo-dục do đâu mà có ?</i> |
| HÀO-NGUYỄN
NGUYỄN-HÓA | } <i>Thử tóm tắt học-thuyết Kant.</i> |
| BÌNH-NGUYỄN-LỘC | : <i>Không chủ-đích (kịch)</i> |
| LÊ-VĂN | : <i>Con chó bé-đẽ</i> |



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

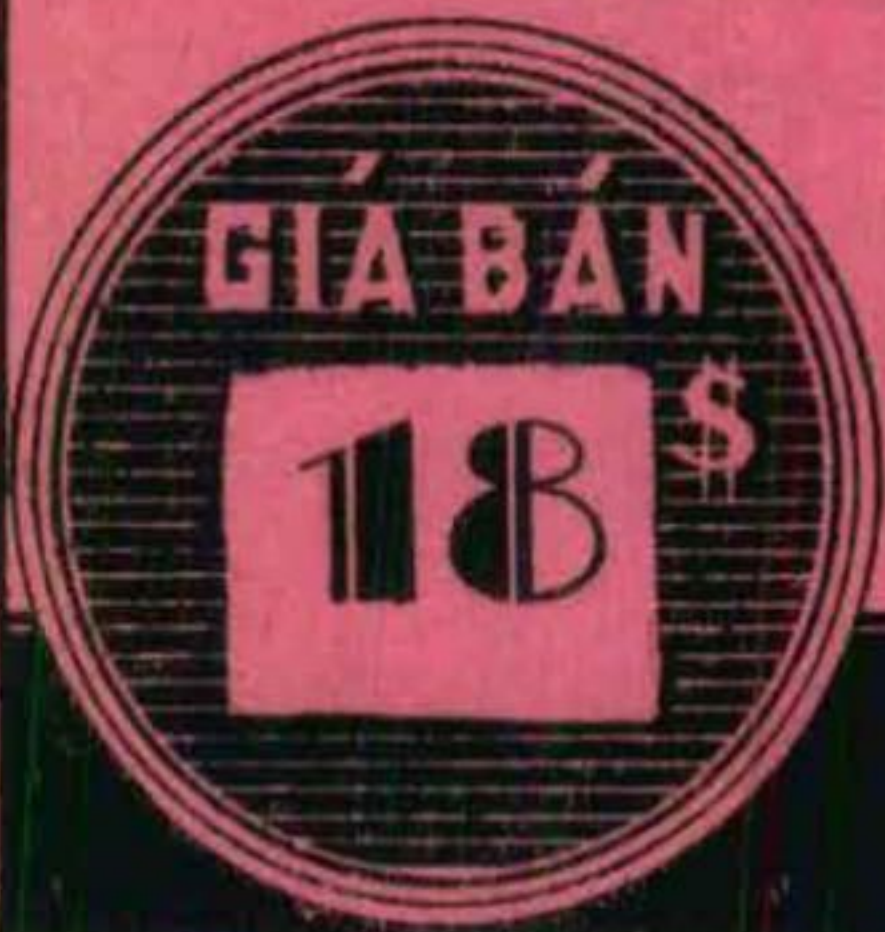
Giá tiền trên đã tính cả cước - phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

DU-NGOẠN

Huế và Đà Nẵng

Các chuyến sắp tới :

Thứ bảy 29-6-57

Thứ bảy 13-7-57

Thứ bảy 27-7-57

Đi : Thứ bảy 6 giờ sáng

Về : Thứ hai 12g15 trưa

\$ 3.400 mỗi người

Nhatrang

Kể từ ngày 8-6-57

Đi : Trưa thứ bảy 12 giờ 30

Về : Chiều Chúa-nhật 17 giờ 40

\$ 1.500 mỗi người

Giá tính chung \$ 3.400. — (Huế và Tourane)

và \$ 1.500. — (Nhatrang)

Kể cả tiền vé máy bay khứ-hồi, ăn ở, du-ngọa
có hướng-dẫn viên

Muốn biết rõ chi-tiết xin hỏi :

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại - lộ Nguyễn-Huệ

Đ.T. 21.624 - 25-26, 22.446 - 22.447

BẢY NGUYÊN-TẮC HỢP-TÁC-XÃ ROCHDALE

PHAN - VAN - TRÍ

Lời nói đầu

TRƯỚC khi nghiên-cứu những nguyên-tắc do Hội-nghị Liên-Minh Hợp-tác-xã Quốc-Tế ấn-định từ năm 1937, ta cũng nên trở lại dĩ-vãng tìm biết qua những nguyên-tắc tiên-phong Hợp-tác-xã từ năm 1844 như :

- 1º) Nguyên-tắc Đại-đồng.
- 2º) Nguyên-tắc Dân-chủ.
- 3º) Nguyên-tắc Công-bằng.
- 4º) Nguyên-tắc Kinh-tế.
- 5º) Nguyên-tắc Quảng-bá.
- 6º) Nguyên-tắc Thống-nhất.
- 7º) Nguyên-tắc Tự-do.

Những nguyên-tắc ấy đã được áp-dụng từ cuối năm 1844, khi Hợp-tác-xã Rochdale khởi sự hoạt-động. Tuy về sau, Liên-Minh Hợp-tác-xã Quốc-Tế đã sửa đổi ít nhiều, nhưng không ai có thể phủ-nhận bảy nguyên-tắc ấy là những bạn đường lý-tưởng, đã giúp đề-cao tinh-thần xây-dựng và đoàn-kết của 28 Hội-viên Hợp-tác-Xã Tiên-phong, đã căn-bản-hóa những chính-sách hoạt-động, hay nói một cách khác, đã đem thành-công rực-rỡ lại cho phong-trào Hợp-tác-xã.

I.) NGUYÊN - TẮC ĐẠI - ĐỒNG

Nhìn quá xa vào tương-lai, đặt nhiều tin-tưởng và hy-vọng vào kết-quả của phong-trào Hợp-tác-xã về mai hậu, các vị Tiên-phong HTX Rochdale đã thiết-lập nguyên-tắc **Đại-Đồng**. Ông Mercer, tác-giả cuốn « Nền-Tảng Hợp-tác-xã » (Foundation of Cooperation) đã nói : « Sự áp-dụng Nguyên-tắc Đại-Đồng ấy đã chứng tỏ một tấm lòng nhân-loại vĩ-dại chưa từng có ». Quả thật vậy, các vị Tiên-phong HTX Rochdale là một đoàn-thể đầu tiên, dựa trên căn-bản bình-đẳng, đã quyết mở rộng cửa HTX để thâu-nhận hết

những ai muốn gia-nhập, không phân-biệt chủng-tộc, quốc-lịch, tôn-giáo và nam-nữ. Nói tóm lại, những ai đã gia-nhập HTX đều có quyền hạn ngang nhau và được kể như anh chị em của một đại gia-đình. Như thế có lẽ các vị Tiên-phong Rochdale đã muốn dùng giải-pháp HTX để đem công-bằng, để mưu cầu hạnh-phúc, cũng như để duy-trì tự-do và hòa-bình cho toàn thể nhân-loại.

2.) NGUYÊN-TẮC DÂN-CHỦ

Nguyên-tắc thứ 2 cũng không kém phần ý-nghĩa, đã được công-nhận và áp-dụng do các vị Tiên-phong Rochdale, đây là Nguyên-tắc **Dân-Chủ**.

Vì không muốn lệ-thuộc người ngoài, các vị này đã quyết-định không chịu vay vốn của người không phải hội-viên. Họ cũng đã quyết-định :

a) Mọi người đều được quyền bỏ 1 phiếu trong các cuộc Hội-nghị ;

b) Tất cả hội-viên dù đàn ông hay đàn bà đều có quyền hạn ngang nhau ;

c) Việc quản-trị cần được giao cho một số hội-viên lập-thành Ban Quản-trị. Ban này được bầu-cử do Đại-hội. Thành-phần, quyền-hạn, nhiệm-kỳ của Ban Quản-trị cũng do Đại-hội quyết-định.

Các vị Tiên-phong HTX đã liệt nguyên-tắc này vào loại các nguyên-tắc căn-bản của HTX, vì đối với họ, Dân-Chủ không phải chỉ có thể áp-dụng trong sự điều-hành một Hợp-tác-xã, nhưng Dân-chủ còn tiêu-biểu cả Quyền-hạn của Con Người nữa. Vì thế họ đã quyết-định, những ai là Con Người và là hội-viên của HTX đều được đồng quyền điều-khiển Hội, không phân-biệt số tiền vốn xuất cho hội ít hay nhiều.

3.) NGUYÊN-TẮC CÔNG-BẰNG

Công-bằng là nguyên-tắc thứ ba mà cũng là một trong những nguyên-tắc căn-bản của HTX Rochdale. Đối với HTX, công-bằng nghĩa là ngay thẳng, không thiên-vị. Công-bằng cũng bao-hàm ý-nghĩa bình-quyền. Nó là trọng-tâm của một nền Dân-Chủ chân-chính, bởi thế Công-bằng cần phải đi đôi với Nguyên-tắc Dân-chủ. Để đem Nguyên-tắc này từ lý-thuyết tới thực-hành, HTX Rochdale đã đặt ra một điều-khoản trong nội-quy : « Đo đủ, đóng đầy và cung-cấp thực-phẩm hạng tốt cho xã-viên » là ba điểm cần được Ban Giám-đốc quan-tâm nhiều.

Thêm vào đây, dựa trên Nguyên-tắc Công-bằng và Dân-Chủ, Hợp-tác-xã Rochdale cũng đã đặt thêm các khoản sau đây:

1.) Số tiền thừa trội của xã-viên sẽ được hoàn lại tùy theo số giao-dịch của mỗi xã-viên với HTX.

2.) Hạn-định bách-phần lời hàng năm cho số vốn của xã-viên góp vào HTX.

3.) Dung-hòa chế-độ lương-bổng giữa HTX và nhân-viên cũng như nhân-công.

4.) Khuyến-khích nhân-viên và nhân-công HTX biến thành xã-viên.

4.) NGUYÊN - TẮC KINH - TẾ

Đề tăng thêm ý-nghĩa của tinh-thần **Dân-Chủ** và **Công Bằng**, Hợp-lác-xã Rochdale đã đặt ra nguyên-tắc **Kinh-Tế**, do đó mọi giao-dịch mua bán giữa xã-viên với HTX chỉ có thể thực-hiện bằng tiền mặt. Người ta đã viện nhiều lẽ như:

a) Mua bán chịu sẽ sai với Nguyên-tắc **Kinh-Tế**, vì làm phí thì giờ, tổn thêm sổ sách kế-toán, và làm cho giá vốn thực-phẩm cũng sẽ tăng thêm.

b) Mua bán chịu sẽ sai với Nguyên-tắc **Công-bằng**, bởi lẽ HTX không thể một lúc bán chịu cho nhiều xã-viên. Như vậy, nếu Ban Quản-lý không xét kỹ tình-trạng và nhu-cầu của người xin mua chịu có khi sẽ mang tiếng là thiên-vị và bất-công. Hơn nữa, thể theo tinh-thần trách-nhiệm liên-đới của toàn-thể xã-viên, nếu một người mua chịu không thể trả nợ cho HTX vì lý-do chính-đáng, thì sự thiệt-hại ấy sẽ do toàn-thể xã-viên chịu. Như thế không những sẽ gây tổn-hại cho ngân-quỹ của Hội mà còn làm giảm bớt giá-trị của Nguyên-tắc Công-bằng.

c) Mua bán chịu cũng sẽ sai với Nguyên-tắc **Dân-chủ**, vì nếu **Công-bằng** bị xâm-phạm thì **Dân-chủ** cũng phải chịu ảnh-hưởng một phần nào.

5.) NGUYÊN-TẮC QUẢNG-BÁ

Với mục-đích tích-cực truyền-bá phong-trào HTX sâu-rộng trong giới cần-lao nói riêng và toàn dân nói chung, HTX Rochdale đã công-nhận nguyên-tắc **Quảng-bá**, một nguyên-tắc cũng rất cần-thiết cho phong-trào và cho các tổ-chức có tinh cách dân-chủ.

Theo theo tinh-thần Nguyên-tắc này, các vị Tiên-phong HTX đã quyết-định:

— Tất cả những thành-công hay thất-bại trên đường tổ-chức, tất cả những khoản lời-lỗ do kinh-doanh của HTX, nói tóm lại hết mọi hoạt-động của HTX, đều phải được báo-cáo trước Đại-hội cũng như đại-chúng. Họ muốn đem hết mọi việc làm ra ánh sáng, bóng tối đối với họ là kẻ thù, họ cho rằng hề ở đâu có bóng tối, là có gian-đối, lừa-lọc và hối-lộ.

— Đối với hệ-thống Tư-bản, người ta ưa giữ kín những bí-quyết thành-công và kinh-nghiệm phá-nghề. Nhưng đối với HTX không có gì là bí-mật và cần giữ bí-mật. Tất cả những biên-bản

Hội-nghị, các bản kết-quả Niên-độ, kết-toán Niên-Đế và các phức-trình khác liên-hệ đến mọi hoạt-động của HTX đều phải được công-bố minh-bạch với mục-đích gây tín-nhiệm và ảnh-hưởng sâu-rộng trong quần-chúng để bảo-tồn phong-trào Hợp-tác-Xã.

6.) NGUYÊN-TẮC THỐNG-NHẤT

Theo tinh-thần Nguyên-tắc **Đại-đồng** vừa nói trên, các vị Tiên-phong HTX Rochdale chỉ kêu gọi cá-nhân gia-nhập HTX, không phân biệt nam nữ, chủng-tộc, tôn-giáo và quốc-tịch.

Nhưng nhận thấy sự đoàn-kết nhiều cá-nhân thành các đoàn-thể vẫn chưa đủ, nên HTX Rochdale đã lập thêm Nguyên-tắc **Thống-nhất** để kêu gọi sự liên-kết nhiều HTX thành các liên-đoàn HTX, và tổng-hợp các liên-đoàn thành một Tổng Liên-đoàn Hợp-tác-xã của một Quốc-Gia. Sau này người ta đã thực-hiện được cả một chương-trình vĩ-đại là liên-kết phong-trào HTX của nhiều Quốc-Gia trên thế-giới thành một Liên-Minh Hợp-tác-xã.

Liên-Minh Hợp-tác-xã Quốc-Tế được thành-lập năm 1895, Trụ-sở Trung-Uơng đặt tại Luân-Đôn, nước Anh. Cứ 3 năm một lần Liên-Minh HTX nhóm đại-hội giữa đại-diện các Quốc-gia Hội-viên.

Liên-Minh Hợp-tác-xã là một Tổ-chức không có mục-đích kinh-doanh nhưng có những mục-đích và trách-nhiệm sau đây :

- 1.) Truyền-bá Nguyên-tắc và phương-pháp tổ-chức HTX ;
- 2.) Phái-động Phong-trào HTX trên khắp lãnh-thổ các Quốc-gia ;
- 3.) Bảo-vệ tình hữu-nghị giữa các nước hội-viên của Liên-Minh Hợp-tác-xã Quốc-Tế ;
- 4.) Bảo-vệ quyền-lợi của phong-trào HTX nhất là của giới Tiểu-thụ ;
- 5.) Cung-cấp tài-liệu và khuyến-khích tìm hiểu Phong-trào HTX ;
- 6.) Xây-dựng mối giao-thương giữa các tổ-chức HTX khắp các Quốc-gia.

7.) NGUYÊN-TẮC TỰ-DO

Với mục-đích bảo-vệ quyền tự-do cá-nhân của mỗi người trong HTX, các vị Tiên-phong đã thiết-lập thêm nguyên-tắc **Tự-do**.

Dựa theo tinh-thần Nguyên-tắc này, các xã-viên có thể :

- a) Tự-do mũi mũi là Hội-viên của HTX hoặc tự-do xin ra khỏi hội.
- b) Tự-do tín-ngưỡng.
- c) Tự-do làm bất cứ một hay nhiều việc gì, miễn là những việc ấy không tổn-thương đến quyền-lợi và danh-dự của Hợp-tác-xã.

Hợp-tác-xã không bắt buộc hội-viên phải mua thực-phẩm của HTX, cũng như các Liên-đoàn HTX không bắt buộc các HTX hội-viên phải giao-dịch với Liên-đoàn. Nói tóm lại, xã-viên cũng như HTX, luôn luôn được tự-do trong mọi giao-dịch mua bán tùy theo nhu-cầu và sở-thích của mỗi cá-nhân hay mỗi đoàn-thể.

Ông Mercer, tác-giả cuốn « Nền-tảng Hợp-tác-xã » nói : « Có nhiều xã-viên cho rằng Nguyên-tắc Tự-do là một nhược-diểm có thể làm cho nền tài-chánh của HTX yếu dần và có thể đem HTX tới thất-bại ». Ông nói tiếp : « Họ cho rằng bắt buộc hội-viên phải giao-dịch với HTX và Hợp-tác-xã phải giao-dịch với Liên-đoàn HTX, là một việc cần phải có để bảo-lồn Phong-trào Hợp-tác-xã. Nhưng tiếc rằng Phong-trào HTX không thể xây-dựng trên Nguyên-tắc Bắt-buộc mà chỉ có thể trên Nguyên-tắc **Tự-do** ».

Trái lại, có người thì cho rằng, chính Nguyên-tắc **Tự-do** là một lợi-khí để bảo-đảm sự sống còn của Phong-trào HTX. Vì nếu người ta có được tự-do tìm-hiểu và có nhận thấy sự cần-thiết phải ủng-hộ Hợp-tác-xã, thời sự ủng-hộ ấy mới được lâu bền mà có nghĩa-lý. Nếu người ta bị bắt buộc phải ủng-hộ, nghĩa là phải giao-dịch với HTX, cũng như các HTX bị bắt buộc phải giao-dịch với các Liên-đoàn, thời sự ủng-hộ ấy đâu có cũng chỉ trong phạm-vi nhỏ hẹp và khó được lâu bền.

Có người đã nói rằng quyền **Tự-do** mỗi cá-nhân ở trong xã-hội loài người chỉ có thể được đầy-đủ nếu thứ Tự-do ấy được hợp-lý, hợp-tình, có đủ tinh-cách xã-hội, và kinh-tế. Bởi vậy không có thứ Tự-do nào hoàn-bị bằng thứ Tự-do mà con người được hưởng trong công-bình và bác-ái giữa một thế-giới tự-do.

Ông Mercer nói : « Bảy Nguyên-tắc trên cũng vì như vậy vì sao cùng chiếu thẳng vào Phong-trào Hợp-tác-xã ; nếu bảy Nguyên-tắc ấy đồng thời được đem áp-dụng cho mỗi đơn-vị HTX, thời chắc-chắn một đại gia-đình Hợp-tác-xã sẽ được xây-dựng trên một nền tảng kiên-cố và bất-di bất-dịch.

Kết - luận

Sau khi trình-bày bảy Nguyên-tắc Hợp-tác-xã Rochdale cùng quý vị độc-giả, kẻ viết bài này càng quan-niệm rõ-rệt sự cần-thiết của một trương-trình giáo-dục Hợp-tác-xã, như đã đăng trong BÁCH-KHOA số 6.

Nếu khi cất một ngôi nhà để ở, mà người thợ hồ cần phải khởi sự đào móng xây nền cho vững-chắc, thời trong công-cuộc

phát-động phong-trào xây-dựng ngôi nhà HTX trong lý-tưởng các cấp lãnh-đạo HTX ở Việt-Nam, chắc hẳn một chương-trình giáo-dục HTX phải được kể như những công việc đào móng xây nền của ông thợ hồ trên kia.

Như thế, chúng ta có thể ví 7 Nguyên-tắc HTX là những phần cần phải có của một ngôi nhà HTX. Còn giáo-dục HTX cũng ví như một nền móng lõi-cần trong việc xây-dựng những phần của ngôi nhà ấy vậy.

PHAN-VĂN-TRÍ



Danh - ngôn, danh - lý trong số này quy về ý chính
« CUỘC ĐỜI VÀ NHIỆM-VỤ »

☆ **KHÔNG** phải lập được những kỳ-công, cuộc đời mới thành tốt đẹp. Nhiệm-vụ thường nhật, dù nhỏ-mọn, cũng đủ làm cho cuộc đời có một ý-nghĩa và trở nên tốt đẹp.

HENRY BORDEAUX

☆ **NGƯỜI** nào bỏ những công việc nhật-dụng thường-hành, chỉ chăm làm những việc kỳ-dị, quái-gở để lờ thiên-hạ, thì chẳng khác nào như người thợ vẽ, chỉ vẽ ma vẽ quỷ, chứ không chịu vẽ chó, vẽ ngựa, nghĩa là tránh cái khó mà làm cái dễ vậy.

CỒ-HỌC TINH-HOÀ

☆ **T**a cố gắng làm việc tầm-thường để trở nên phi-thường.

Nữ tu-sĩ ROSALIE

RÚT-XÔ VỚI BỘ DÂN-U'ỐC LUẬN

HOÀNG-MINH-TUYNH biên khảo
(Tiếp theo)

**Chủ-quyền nhân-dân là chủ-quyền không thể
di - nhượng và không thể phân - chia**



HEO Rút-xô, chủ - quyền nằm trong đoàn-thể xã-hội do các công-dân hợp-thành nên chủ-quyền không thể di-nhuợng bằng cách cử người đại-biểu mà cũng không thể phân-chia bằng cách phân-quyền.

Nói vậy có phải là bảo rằng đoàn-thể xã-hội không cần có Chính-phủ nữa không ?

Cổ nhiên, đoàn-thể xã-hội cần phải có một Chính-phủ, nhưng Chính-phủ đây không phải là đứng bề trên nắm giữ một phần chủ-quyền mà chỉ là khí-cụ của chủ-quyền dùng để quản-trị dân.

Chủ-quyền phô-diễn, biểu-thị bằng ý-chí chung, và Chính-phủ chỉ có việc thừa-hành ý-chí chung ấy mà thôi. Không thể nói tới việc ủy-quyền hay phân-quyền.

Bản thể chủ-quyền hoàn-toàn ở trong đoàn-thể xã-hội và chỉ ở trong đó. Chỉ có

ý-chí chung mới phô-diễn, biểu-thị được chủ-quyền. Bởi thể di-chuyển đi hay phân-cắt ra, chủ-quyền sẽ biến-mất và thay-thế vào đây, sẽ có một chủ-quyền bất-hợp-thức.

Khi ta thấy Rút-xô phân-loại các chính-thể, ta không nên lầm tưởng về chính-ý của ông. Đối với Rút-xô : chính-thể dân-chủ là một chính-thể trong đó công việc quản-trị quốc-gia trao cho toàn-dân hay cho đa-số nhân-dân, chính-thể quý-tộc là chính-thể trong đó công việc quản-trị quốc-gia trao cho một nhóm người và chính-thể quân-chủ là chính-thể trong đó việc quản-trị quốc-gia trao cho một người. Chính-phủ, trong trường-hợp nào cũng vậy, chỉ là một cơ-quan có nhiệm-vụ thi-hành ý-chí chung. Còn sự phô-diễn, biểu-thị ý-chí chung là việc của toàn-thể quốc-dân. Vậy, thật ra, chỉ có một chính-thể hợp-thức và chính-dáng

đó là chính-thề dân-chủ, đúng hơn là chính-thề dân-chủ trực-tiếp, chứ theo Rút-xô, dù trong chính-thề quân-chủ, việc lập-pháp vẫn là việc của toàn-dân, ông vua chỉ là người thừa-hành mà thôi.

Đó là chính-ý của Rút-xô : chủ-quyền một nước không thể phân-chia, không thể di-nhượng chút nào.

Tuy nhiên, trong thực-tế, quan-niệm của Rút-xô chưa bao giờ có thể thi-hành triệt-đề. Người ta chỉ dựa theo nguyên-tắc chủ-quyền không thể phân-chia, không thể di-nhượng mà áp-dụng một cách gia-giảm. Vì thật ra việc toàn-dân hành-sử trực-tiếp chủ-quyền và việc quốc-hội hành-sử trực-tiếp ý-chí chung đều là những việc không thể làm được trong bất-luận một nước nào có bờ-cõi rộng-lớn một chút.

a) Về quan-niệm chủ-quyền không thể di-nhượng của Rút-Xô — quả-nhiên người ta thấy quan-niệm của Mông-tét-ky-ơ về việc bầu cử để chỉ định người đại-biểu cho quốc-dân dạng biểu-thị ý-chí chung là việc không thể thực-hiện được. Nhưng có thể giữ cho chủ-quyền tính-chất bất-khả di-nhượng bằng cách trao việc hành-sử quyền lập-pháp cho các đại-biểu, song các người này chỉ là người thừa-ủy của cử-tri, do cử-tri chỉ-thị bằng một ủy-nhiệm chỉ-mệnh và chỉ được quyết-dịnh theo chỉ-thị của cử-tri. — Ở điểm này ta thấy Rút-Xô đối-lập với Mông-tét-ky-ơ : một bên chủ-trương cử người đại-biểu, một bên chủ-trương cử người thừa-ủy.

b) Về quan-niệm chủ-quyền không thể phân chia — người ta cho rằng chủ-quyền một nước nằm trong luật-lệ nước ấy, và hành-sử luật-lệ với tham-dự chủ-quyền là hai việc khác nhau. Bởi vậy

Chính-Phủ (theo Rút-Xô) chỉ là thừa-ủy của cơ-quan lập-pháp ; chỉ có việc thừa-hành chứ không có quyền hành-pháp, nên không thể là một cơ-quan trị được dự vào việc hành-sử chủ-quyền.

c) Do những điều gia-giảm trên, ta thấy hai chủ-trương của Rút-Xô về chủ-quyền không thể di-nhượng và chủ-quyền không thể phân-chia, khi áp-dụng, đã biến-dạng đi rất nhiều. — Nó đã từng đưa tới một tổ-chức chính-trị điều-hành bằng một mớ ủy-nhiệm chỉ-mệnh, nhân-dân ủy-nhiệm việc hành-sử chủ-quyền cho Quốc-hội ; Quốc-hội ủy-nhiệm việc thi-hành luật-pháp cho Chính-phủ. Từ cơ-quan này tới cơ-quan kia, phải có sự kiểm-soát hết sức nghiêm-nhật. — Đó chính là đại-quan chể-độ thành lập do Hiến-pháp của Đảng Mông-ta-nhơ trong cuộc cách-mạng nước Pháp năm 1793, một đảng quá-khích, hằng suy-tôn Rút-xô là bậc tiền-bối của đảng-mình.

Ảnh-hưởng của Rút-xô

Xét toàn-thể nội-dung tư-tưởng chính-trị của Rút-xô ta thấy cách luận-lý của ông trên dưới, trước sau, đều tương-hợp. Đối với ông không có gì là đối-lập giữa một bên là tự-do, bình-dẳng và một bên là quyền-uy toàn-năng của xã-hội. Nếu quốc-gia được quản-trị một cách đúng-dắn bằng ý-chí chung thì không thể nào có sự áp-bức.

Tuy nhiên kinh-nghiệm lịch-sử đã chứng tỏ luận-lý của Rút-xô đã sai lầm, vì một xã-hội do ý-chí chung, nghĩa là do đa số quản-trị, rất có thể bị áp-bức. Cho nên ta không lấy làm lạ khi thấy sau này sự tiến-hóa về chính-trị đã phân tư-tưởng của Rút-xô ra làm hai tào-lưu, mặc dầu ở trong trí của Rút-xô hai ý-

niệm vốn tổng-hợp làm một và không thể tách rời khỏi nhau.

10) RÚT-XÔ, NGƯỜI KHAI-SINH RA CHỦ-NGHĨA CÁ-NHÂN TỰ-DO

Trào-lưu tiến-hóa thứ nhất là trào-lưu dân-chủ cổ-diễn rút trong tác-phẩm của Rút-xô những quan-niệm về tự-do và quyền cá-nhân.

a) — *Về quyền cá-nhân.* — Chủ-nghĩa dân-chủ cổ-diễn rút của Rút-xô ý-niệm về sự liên-quan giữa người với nhau và giữa người với quyền-uy của xã-hội. Sự liên-quan này dựa trên cái lược - đồ khế-ước xã-hội. Cổ nhiên không ai tin, — Rút-xô cũng như mọi người, rằng có một lúc nào đó trong lịch-sử, loài người đã kết-thúc với nhau một khế-ước — Song khế-ước xã-hội chính là hình-thức hợp-lý duy-nhất về sự liên-quan giữa loài người với nhau trong xã-hội. Nếu gác ra bên ngoài cách căn-cứ vào tôn-giáo (như bảo rằng mọi sự nằm trong kế-hoạch của Thiên-Chúa đã trù-liệu từ trước vô cùng) hoặc cách căn-cứ vào luật mạnh được yếu thua mà giải-thích sự hợp-quần trong xã-hội, thì ta phải công-nhận rằng chỉ giả-thuyết khế-ước xã-hội mới biện-minh nổi cho quyền-uy ngày nay có lý-do quản-trị các phần-tử trong xã-hội.

Bởi vậy người ta cho rằng quyền của người có trước quyền của xã-hội. Vì xã-hội chính là do cá-nhân mà ra chứ không phải cá-nhân do xã-hội mà ra. Xã-hội chỉ có lý-do tồn-tại là để duy-trì và bảo-toàn quyền của người — Khi nào quyền-uy động tới quyền của người, thì quyền-uy sẽ tức-khắc mất hết mọi quyền ra lệnh và buộc người phải tuân lệnh. Đó chính là cốt-yếu của « *thuyết nhân-*

quyền » mà sau này cuộc Cách-mạng Mỹ-Châu và cuộc Cách-mạng Pháp đã rút ra và bổ-cứu thêm : « Mọi người sinh ra đều tự-do và bình-dẳng về pháp-luật... mục-dích của mọi hiệp-hội chính-trị là duy-trì quyền tự-nhiên và tuyệt-đối của người ».

b) — *Chủ-quyền của toàn-thể quốc-dân.* — Ý-niệm về chủ-quyền đã có từ trước Rút-xô vì ngay từ khi mới lập, nền quân-chủ Pháp đã từng biết phân-biệt chủ-quyền với ông vua ; ông vua tuy nắm chủ-quyền nhưng chủ-quyền không phải là ông vua ; chủ-quyền trọng hơn ông vua và ông vua chỉ là hiện-thân của quốc-gia mà thôi.

Duy đến Rút-Xô thì ý-niệm chủ-quyền lại đổi « *chủ* » và đó chính lại là ý-niệm sau này của cuộc cách-mạng Pháp. Đối với Rút-Xô thì chủ-quyền vẫn là cái quyền điều - khiển tối - cao độc - lập không lệ-thuộc bên trong cũng như bên ngoài, nhưng quyền ấy không phải của một người nữa mà của toàn-thể quốc-dân. Hay nói một cách khác ý - niệm chủ-quyền ngày xưa đặt ra đề trên đầu ông vua cốt đề củng-cố cho chính-thể quân - chủ, đến Rút - Xô thì ý-kiến ấy chuyển đi và được đặt trên đầu mọi công-dân trong nước.

c) *Luật-pháp biểu-hiệu ý-chí chung.* — Rút-Xô còn có một ý-niệm nữa được người đời sau đặc-biệt lưu - ý. Đó là ý-niệm luật-pháp biểu-hiệu ý-chí chung ; luật-pháp là do quốc-dân lập ra và thi-hành cho toàn-thể quốc-dân, nên luật-pháp biểu-hiệu được ý-chí chung. Quốc-dân, thật ra, hành-sử chủ - quyền bằng cách gì ? Còn bày cách gì khác hơn là đặt ra cái « *phép chung cho thiên-hạ* »

nghĩa là luật - pháp thi - hành cho mọi người. — Ta chớ lầm tưởng các Tòa-Án hoặc các nha hành-chính áp-dụng pháp-luật là hành-sử chủ-quyền. Thật ra thì có cơ-quan lập-pháp mới thật sự hành-sử chủ-quyền và bởi thế cơ-quan này có một quyền-uy đặc-biệt, các cơ-quan khác đối với cơ-quan này bao giờ cũng vẫn ở địa-vị bực dưới. — Chính các lý-thuyết về pháp-lý (như nguyên-tắc hợp-pháp) về chính-trị (như chủ-quyền Nghị-viện) phần nhiều đều do tự các quan-niệm của Rút-Xô mà ra cả.

d) *Hiến-pháp là một thứ khế - ước xã-hội cải-bổ.* — Sau hết, ý-kiến khế-ước xã-hội đưa người ta tới chỗ ý-thức rằng sự liên-hệ giữa một bên là các công-dân với nhau, một bên là cơ-quan nắm giữ quyền-uy, phải làm sao đặt trên một nền-tảng vững chắc, nền-tảng ấy là một hiến-ước hay minh-ước. — Ngày xưa nền-tảng ấy là một hiến-ước bất thành-văn, ngày nay phải là một hiến-ước định-lập hẳn-hoi bằng một văn-cụ pháp-lý đàng-hoàng. Chính Tiền-đề bản Tuyên-ngôn nhân-quyền là do ý-niệm trên của Rút-Xô phát-xuất ra vậy.

2o) RÚT-XÔ, NGƯỜI KHAI-SINH RA CHỦ-NGHĨA DÂN-CHỦ TUYỆT-ĐỐI

Ngoài việc phát-khởi trào-lưu thứ nhất, trào-lưu của thuyết dân-chủ cổ-diễn chủ ở cá-nhân tự-do, Rút-Xô còn là người khai-sinh ra chủ-nghĩa dân-chủ tuyệt-đối. Tuy-nhiên trào-lưu này rất khó theo dõi bởi vì nó tiến - triển ngấm, ít khi hiển-hiện trên mặt cho ta dễ nhận biết, và mãi về sau mới bành-trướng mạnh.

Ta sẽ bàn về trào-lưu này trong thiên nói về quan-niệm dân - chủ đối-lập với quan-niệm dân-chủ cổ-diễn.

Nhưng ngay bây giờ, ta có thể nói phác qua vài thâm - ý của Rút - Xô về khía-cạnh đó. Điềm căn - bản trong tư-tưởng của Rút-Xô là ông hoài-bảo một trạng - thái xã - hội hoàn - mỹ trong đó quyền-uy của xã-hội và tự-do của người công - dân chỉ là hai phương-diện của một thực-thể. — Bình-dẳng coi như linh-hồn của dân-chủ ; bình-dẳng toàn vẹn sẽ đưa tới dân-chủ toàn-vẹn và giải-quyết mọi đối-nghịch giữa cá-nhân và xã-hội.

Một trăm năm sau, Các - Mác đề-xướng lên một lý-thuyết tương-tự, đặt sự bãi-bỏ giai-cấp làm điều-kiện *sine qua non* để thiết-lập một chế - độ dân-chủ thật sự. Cố-nhiên tư-tưởng của Mác phức-tạp và bao-quát hơn tư-tưởng của Rút-Xô, vì Mác có một quan-niệm về tổ-chức kinh-tế, còn Rút-xô thì không ý-niệm gì về kinh-tế cả. Tuy nhiên, cả hai ông cùng theo đuổi một tin-tưởng căn-bản là *hoạt-bảo một xã-hội mà sự bình-dẳng sẽ khiến cho người ta chẳng những được hoàn-toàn tự-do, lại sinh-hoạt thành xã-hội tổ-chức.* — Nhưng Rút-xô bởi sống trong hoàn-cảnh xã-hội Âu-Châu giữa thế-kỷ XVIII, lúc mà trong quốc-dân Pháp còn đầy dẫy những bất bình-dẳng về pháp-lý (quốc-dân chia ra làm ba giai-cấp : giáo-đoàn, quý-tộc và đệ - tam giai-cấp), chỉ nhằm vào sự bình-dẳng về quyền. Mác, trái lại, sống trong hoàn-cảnh tư-bản Âu-Châu giữa thế-kỷ thứ XIX, thấy những bất-bình đẳng trong xã-hội về kinh-tế, lại coi bình-dẳng về *sinh-hoạt xã-hội* là điều-kiện căn-bản để thiết-lập dân-chủ thật sự. Rút-xô chủ-trương : *bãi bỏ đặc-quyền.* — Mác chủ-trương : *bãi bỏ giai-cấp.* — Tự-trung ý-tứ căn-bản của hai ông vẫn chỉ là một mà thôi.

HOÀNG-MINH-TUYNH

XỬ - DỤNG NGƯỜI

PHẠM-NGỌC-THẢO



Đũa tre vót thô-sơ tuy chắc nhưng đặt lên bàn của những người giàu sang bên cạnh muông bạc chén ngọc, ắt coi không được. Thiếu-nữ yêu-kiểu tay dịu như gió, da mịn như đào, bắt đi gánh nước, giã gạo, ắt cũng không xong. Tuy vậy, cò phải là càn vút đi những đũa tre kia, những cò gái nọ hay không? Nhứt định là không. Mọi vật trên vu-trụ đều hữu-dụng; sáng-suốt là kẻ biết dùng người và vật vào đúng chỗ của nó. Đối với những đồ vật như bàn-ghế, chén-bát, nếu cò vút đi một cách vô-lý, tai-hại tương-đối không quan-trọng lắm. Nhưng đối với con người tức đồng-loại của mình, việc đó đáng chú-ý hơn.



Xã-hội Việt-Nam xưa kia sống dưới chế-độ phong-kiến pha lẫn ảnh-hưởng của tư-bản thực-dân, nên những cá-nhân trong dân-tộc Việt-Nam gặp phải những cơ-hội phát-triển rất chênh-lệch nhau. Người được sanh-trưởng trong gia-đình giàu sang, có nhiều cơ-hội thuận-tiện để học-hỏi và được giáo-dục theo một phong-độ mà ta cho là đúng-đắn. Kẻ khác tuy xuất-thân nghèo-khó, nhưng nhờ một vài may-mắn tình-cờ nên cũng được

dịp thi-thố tài-năng mình. Một số ít, nhờ chí-khí xuất-sắc của mình đã nhoi lên được giữa trăm ngàn khó-khăn vật-chất lẫn tinh-thần. Song bên cạnh số người kể trên, còn bao nhiêu người Việt-Nam, tuy không ngốc, nhưng phải chịu cảnh ngu-dốt, tuy không hèn, nhưng phải chịu cảnh mắng-nhiếc, tuy là người, nhưng phải đóng vai trâu ngựa...

Bàn đến vấn-đề dùng người trong nước Việt-Nam hiện-tại, cần nhớ kỹ sự-kiện trên mới hy-vọng tìm được lối ra.

Việc dùng người, trong thực-tế, thường do một cá-nhân định-đoạt, vì thế, nó có tánh-chất hết sức chủ-quan.

Người trọng đạo-đức mô-phạm xét kẻ cọng-sự với mình thường lấy đức-tành đó làm căn-bản; hạ-cấp dù có làm việc giỏi đi nữa cũng đừng mong được trọng-dụng, nếu tư-cách thiếu đúng-đắn. Rủi-ro có phạm trùng lỗi thiếu đạo-đức thì sẽ bị phạt rất nặng. Việc dùng người thiếu đạo-đức đối với họ là một vấn-đề đối-phó, miễn-cưỡng, thiếu hẳn tinh thân-thiết giữa người đồng nghề-nghiep.

Người trọng văn-hóa cao thường chỉ chú-trọng về bằng-cấp. Loài người

đối với họ có thể phân ra từng cấp, và được đánh giá tùy theo họ có tốt-nghiệp Trường này hay Trường kia, hay không có qua Trường nào cả. Theo quan-niệm họ, người ít biết chữ, có thể làm những việc thuộc hạ-tầng cơ-sở. Các vị-trí then-chốt, đều phải phân chia cho những bạn của họ tốt-nghiệp Trường này hay Trường nọ. Công-sự-viên của họ có đầy-đủ cấp-bằng là họ thỏa-mãn, còn năng-lực thực-tế ra sao thì họ ít chú-ý. Nếu phải phân-công cho một nhân-viên một việc mà người này làm được nhưng thiếu cấp-bằng thì họ khờ-sở lắm. Cũng có khi họ khen người làm việc giỏi mà không bằng-cấp vậy, song họ cho đó là ngoại-lệ thôi.

Người trọng cao-niên trong ngạch-trật lại có một quan-điểm dựa vào hệ-thống ngạch-trật. Đối với họ, người «thượng tài» nhất định phải thuộc ngạch «thượng hạng». Họ sẽ núp sau hệ-thống ngạch-trật để đánh lui kẻ nào muốn nhẩy rào. Họ đã khờ-sở và rã xương sống leo từng nấc trên cái thang ngạch-trật đó, nên họ thành-thật muốn cho đàn em noi theo gót họ để bảo-vệ cái «trật-tự sẵn có».

Người tự xưng là cách-mạng, đặc-biệt hơn nữa, chỉ trọng người mà họ cho là «người dám làm, dám đập-phá cái cũ, dám xây-dựng cái mới». Cái mới đó ra sao? Chính bản-thân họ có khi cũng không rõ. Họ là những người hoạt-động có hiệu quả lúc thời-loạn, và lúc thời-bình họ vẫn muốn giữ nguyên tiêu-chuẩn dùng người như thời xưa. Họ có những ý rất mới lạ, nên cần người dám đánh-bạo thí-

NGHIỆM những ý-định mới và những kế-hoạch chưa từng thấy.

Một số khác lấy công-lao thành-tích cũ để làm nền-tảng cho tiêu-chuẩn xử-dụng người. Nhưng, công-lao thành-tích đây có thể có nhiều ý-nghĩa. Có khi là công-lao đối với quốc-gia nói chung, có khi là công-lao đối với riêng cá-nhân một người hay một nhóm người có tổ-chức hay không tổ-chức. Sự việc đã qua được chú-trọng hơn sự việc hiện-đại. Năng-lực tái-ba thực-tại của một số nhân-viên bị thành-tích công-lao trong quá-khứ của một số nhân-viên khác lấn-áp.

Điềm sơ qua vài khuynh-hướng dùng người cũng đủ thấy sự phức-tạp của vấn-đề. Trong các khuynh-hướng vừa nêu qua, cái nào đúng hay tương-đối đúng, cái nào sai ít, cái nào sai nhiều? Có lẽ khó mà trả lời rõ-ràng. Có người đã nặng về một khuynh-hướng nào đó mà thành-công. Nhưng có người cũng nặng về khuynh-hướng ấy mà thất-bại. Đó là vì còn phải xét hoàn-cảnh bên ngoài trong thời-gian áp-dụng chánh-sách dùng người. Có lẽ vì vấn-đề dùng người quá phức-tạp và tùy-thuộc rất nhiều về bản-tính chủ-quan của mỗi người nên không có trường nào chỉ-dạy cách dùng người cho dứt-khoát, như chỉ-dạy khoa toán-học hay vật-lý-học chẳng hạn.

Mẫu-chốt của vấn-đề có lẽ không phải là có thể lựa-chọn hẳn một tiêu-chuẩn gì dứt-khoát. Vì nếu lấy tiêu-chuẩn Đạo-Đức chẳng hạn làm căn-bản để đặt vấn-đề dùng người, cũng chưa chắc là đúng hoàn-toàn.

Giữa một cô gái giang-hồ, lang-thang ngày đêm ngoài đường phố, ăn nói

tục-lưu, bộ - điệu lả-loi và một người đàn-bà bề ngoài có vẻ chánh-đáng đoan-trang, lời-lẽ tuyệt-diệu, giàu sang phú-quý nhưng thích làm cho đàn-ông theo đuổi mình, đùa-cợt với tình-dục, ai đáng bị chỉ-trích nặng hơn ? Cô gái nọ luôn-luôn bị cô-đơn và hất-hủi trong xã-hội hay bà kia tự nhỏ tới lớn được mọi điều-kiện xung-quanh hướng-dẫn trong đường lành ? Đối với nhà sùng-kính đạo-đức, có lẽ ngồi tiếp chuyện vài phút với cô gái điếm kia là một việc làm do-bần đến cá-nhân họ. Nhưng họ có nghĩ đâu nếu họ ở vào hoàn-cảnh gia-đình của một số cô gái điếm kia có chắc gì ngày nay họ không rượu-chè, cờ-bạc điếm ? Đây không phải là vấn-đề dung-túng những kẻ phạm tội-xấu trong xã-hội, hay suy-xét giá-trị của những bà giàu-sang lộng-lẫy bên ngoài mà tâm-hồn bên trong còn đen-tối hơn những gái điếm nơi lẽ - đường xó - chợ, nhưng vấn-đề trên chỉ nêu lên để cho ta nghĩ đến giá-trị tương-đối của những tiêu-chuẩn có thể làm căn-bản cho chánh-sách dùng người.



Chính vì mỗi người có một khuynh-hướng dùng người riêng biệt theo ý mình nghĩ, có khi đúng nhiều, có khi đúng ít, có khi sai, nên mấu-chốt của vấn-đề dùng người không phải là bắt-buộc phải theo một tiêu-chuẩn gì dứt-khoát ; mà dù có bắt-buộc cũng không hiệu-quả. Mấu-chốt của vấn-đề dùng người là quan-niệm của mình về giá-trị con Người.

Trước hết, cần thấy giữa người và người trên đời này không có gì hơn kém tuyệt-đối. Người có học-lực cao phải cố

tìm cái hay của những người dốt-chữ ; Người có đạo-đức tốt, phải bình-tĩnh tìm hiểu tại sao người có những tánh hư-xấu đã đến tình-trạng đó ; người có ngạch-trật lớn, cần kiểm-điểm cách lên chức-tước của mình và của những người xung-quanh mình công-bằng đến mức nào ; người sĩ-quan được may-mắn học-tập nhiều lý-thuyết quân-sự phải nghĩ đến những bạn đồng-đội cặm-cui tại chức-vụ, mà đừng tự cho mình là người xứng-đáng lãnh nhiều bổng mai hơn kẻ thiếu học-tập ; người nắm nhiều quyền-hạn trong tay đừng nên coi thường đám thường dân. Không phải vì có điều-kiện được ký vài chỉ-thị hay thông-tư mà có thể tự cho mình là sáng-suốt hơn kẻ cùng-định suốt ngày đi tìm nguồn sanh-sống trong những thùng rác hôi-thúi. Suy nghĩ đến chân giá-trị của mình và người xung-quanh mình không phải để đem bi-quan rồi từ bỏ trần-gian mà chính để bồi-dưỡng lòng tin-tưởng ở mình, bằng một sự tin-tưởng ở những người xung-quanh mình. *Yếu-tố thiết-giữa của một chánh-sách dùng người tốt-đẹp là biết dung-hòa đều-dặn sự tin-tưởng ở mình và sự tin-tưởng ở cộng-sự-viên của mình.*

Có những vị chỉ-huy hằng ngày chỉ làm việc qua-loa, không băn-khoăn gì cả đối với công-việc. Họ là những người không tin-tưởng ở mình, nên không thấy trách-nhiệm mình. Họ nghĩ nếu mai kia họ mất đi thì trái đất cũng không có gì thay đổi, quốc-gia cũng sẽ tiếp-tục sống như thường-lệ.

Có những vị chỉ-huy trái-ngược lại, làm việc quên ăn quên nghỉ. Cái gì

cũng muốn coi, cái gì cũng muốn trực-tiếp giải-quyết. Họ đặt trách-nhiệm họ quá cao, và hạ trách-nhiệm cộng-sự-viên họ quá thấp. Họ có tin-tưởng ở họ nhưng không tin-tưởng ở người xung-quanh họ. Họ nghĩ mang-máng, tuy không dám nói ra, nếu họ mất đi thì thiệt-thời lớn cho trái đất, hay cho quốc-gia, hay cho cơ-quan họ phụ-trách.

Hai thái-cực trên đều dẫn đến chỗ làm hư bản-thân họ, hư người cộng-sự của họ, hư luôn cả việc làm.

Cách đây hơn hai mươi thế-kỷ, nhà luật-pháp trứ-danh Hàn-Phi-Tử có viết :

*« Nếu phải đợi có một thân cây ngay-
« thẳng sẵn-sàng thì trăm đời ta cũng
« không làm được một cái tên. Nếu
« phải đợi một khúc gỗ tròn sẵn-sàng,
« thì ngàn đời ta không làm nổi một
« bánh xe. Vậy mà trong bao thế-hệ,
« người ta vẫn đi xe và người ta vẫn
« bắn cung. Đó là vì người ta biết dùng
« thuật uốn-nắn gỗ ».*

Áp-dụng lời bình-luận của Hàn-Phi-Tử vào vấn-đề tin-tưởng ở cộng-sự-viên, ta thấy Nước Việt-Nam mình trải qua non một thế-kỷ làm nô-lệ cho Đế-Quốc, đã bị hư-hao về tài-sản rất nhiều, mà còn bị hư-hao về bản-thân con người là điều đáng chú-trọng hơn nữa. Nếu muốn đòi-hỏi ở cộng-sự-viên mình tất cả những điều-kiện họ phải có thì thật là một sự quá đáng. Nếu cho rằng họ kém quá nên không tin-tưởng nơi họ thì cũng là tỏ ra không tin-tưởng ở dân-tộc Việt-Nam và không hiểu-biết về lịch-sử của Nước Nam. Cần quan-niệm rõ-ràng và thành-thật. Người Việt hiện nay, trong

mọi ngành, từ cao đến thấp, có thể là những người tài-ba nhưng còn ở trong giai-đoạn tập-sự. Nếu ta biết hết lòng tương-trợ lẫn nhau, thành-thật thương-mến nhau, và khiêm-tốn chỉ-bảo cho nhau thì người sẽ nên và việc sẽ thành. Còn dù bản-thân một cá-nhân có giỏi khả-nhiều đi nữa, nếu không tin-tưởng ở mình và không tin-tưởng ở người xung-quanh mình, thì không thể nên việc, không thể nên người.

Một điểm nữa cần chú-ý trong việc dùng người, là cần nghĩ đến tương-lai của họ. Nếu xây-dựng được một kỳ-công như Kim-Tự-Tháp ở Ai-Cập mà phải hy-sinh mấy vạn con người để chết như kiến, như trùng, thì dù kỳ-công đó có lưu-danh của kẻ xây-dựng nó trong lịch-sử loài người, chắc-chắn, đối với người biết suy-nghĩ và có lương-tâm cũng không thể nào cho là một danh tốt-đẹp. Có những người muốn cho cơ-quan mình nổi tiếng, cho cá-nhân mình được khen-tặng, khéo-léo khuyến-khích nhân-viên mình bằng phương-pháp này hay phương-pháp khác, làm việc bất-chấp đến tương-lai họ.

Những vị chỉ-huy này cho rằng nhân-viên mà mãi-miệt suốt ngày tại cơ-quan là nhân-viên tốt. Họ coi nhân-viên như một cái máy, như một vật chết. Làm sao cho người, tức là cái máy, quay thật mau, thật đều, « hiệu-xuất » thật cao. Đến khi nào nó hư thì sẽ vứt máy đó, dùng máy mới tức là sa-thải người đó, tuyển-mộ người khác. Có lo gì, máy mới cũng dễ mua, người thất-nghiệp cũng dễ mộ. Họ say-mê với công việc, nên đứng giữa đám cộng-sự-viên, họ không thấy đó là đám người có

thể-xác, có tinh-thần, có hinh-hồn, có vợ-con chờ-đợi họ về vui chung, có tim và có tâm-hồn đòi-hỏi những phút sống có ý-nghĩa. Họ không hiểu rằng con người muốn làm việc có ý-nghĩa và có hiệu-quả cần thấy trước mắt mình một tương-lai có triển-vọng, và chính phận-sự người chỉ-huy, đồng-thời với sự đòi-hỏi năng-xuất, là cần giúp đỡ nhân-viên mình ngày càng giỏi thêm, ngày càng tốt thêm, chứ nào phải chỉ lo cho công-việc mà thôi.

Đặc-biệt trong một nước mới thu-hồi độc-lập, việc vạch đường đi trong tương-lai cho nhân-viên, lại còn cần-thiết hơn nữa. Cần nhớ kỹ là luật-lệ đặt ra hồi thời bị đô-hộ là những luật-lệ có che-dấu một chủ-trương bất đường tiến của cấp dưới, dành đặc-ân cho kẻ trên. Vì quá quen-thuộc với những luật-lệ ấy nên có khi mình lầm-tưởng, nó là đúng, là công-bình hay ít nhất là hợp-lý. Nhưng nếu chịu khó mà cân-nhắc lại trên một quan-điểm bình-đẳng thì sẽ thấy ần-ý xấu-xa của nó. Nói qua một việc trong ngàn triệu việc còn tồn-tại cũng đủ thấy : Một nhân-viên cao-cấp có thể lãnh bốn năm ngàn đồng phụ-cấp xe hơi dù trong tháng đi ít hay đi nhiều ; còn một tùy-phái làm quá một số giờ phụ-trội nào đó thì phải có đủ chứng-chỉ đặc-biệt mới được lãnh thêm vài chục đồng. Nếu đặt vấn-đề đó để thảo-luận trong một giờ luân-lý giữa những học-sinh chưa bị nề-nếp cũ ảnh-hưởng, chắc-chắn là sự giải-quyết phải trái không thể nghi-ngờ. Nhưng đối với những người bị ảnh-hưởng của xã-hội hiện tại xuyên-tạc nhận-thức lành-mạnh, có những việc bất-công

mà được cho là thông-thường và hợp-lý. Chánh-sách dùng người trong giai-đoạn hiện-tại của Nước Nhà bị phong-tục lỗi-thời tồn-tại gây một trở-ngại lớn.

Những luật-lệ đó làm cho người cấp dưới giúp việc mà không thấy triển-vọng trong tương-lai.



Người xuất-chúng trên đời không mấy khi có. Nếu đứng đầu mỗi cơ-quan lớn và nhỏ mà phải tìm những người thông-thạo, rành-rẽ, năng-lực đúng mức, thì là một việc khó, nhất là đối với hoàn-cảnh lịch-sử của Nước ta. Vì thế, nếu quan-niệm dùng người được đúng-đắn, thì dù có kém mà cộng-tác chặt-chẽ với mười kém khác, cũng có thể làm được việc và cũng có thể lần lần làm cho mười kém đó trở nên mười ngày mai giỏi. Còn một giỏi mà cô-đơn thì một giỏi đó sẽ lần lần hao-mòn và cũng sẽ không có giỏi nào thay thế. Do đó, rốt-cuộc, việc không thành mà người cũng hư luôn.

Có lẽ những thất-bại trong chánh-sách dùng người thường bắt-nguồn ở thái-độ không chịu tìm-hiểu những người cộng-sự với mình. Vì không tìm-hiểu thì làm sao thấy được cái hay và dở của người ta. Còn nếu có tìm-hiểu mà giữ thái-độ không khiêm-tốn thì cũng chỉ thấy được một mặt là mặt dở của người ta và mặt hay của mình mà thôi.

Đời Tống có người đang cày ruộng. Ở giữa ruộng có một cây. Bỗng có con thỏ chạy tới va đầu vào cây mà chết.

Người cày ruộng bỏ cày, lại sau cày rình thỏ. Nhưng không bắt được con nào khác, lại còn bị đời chế diễu.

Việc dùng người ngày nay không thể giống việc dùng người ngày xưa. Trong thời-kỳ đô-hộ, dùng người là cai-trị dân nô-lệ. Ngày nay, dùng người đòi-hỏi mình phải thương người, kính người, tin-tưởng nơi người, và hết tâm giúp đỡ người.

Làm cách khác thì ít nhất, như người cày ruộng kia sẽ bị người đời sau chế-giễu. Cần gần-gũi những người cộng-sự

với mình, thì người chỉ-huy mới có thể thu kết-quả trong chánh-sách dùng người. Và dùng người đúng theo một quan-niệm cao-quý và lành-mạnh, chẳng những sẽ đem lại một sự phấn-khởi cho kẻ dưới, mà bản-thân mình sẽ cảm thấy một sự sung-sướng đã góp sức giải-thoát con người của mình, và con người của đồng-nghiep mình ra khỏi lãnh-vực u-tối, để đi đến một mối tình tốt-đẹp giữa người và người, hòa-thuận nhau, thương-mến nhau, giúp đỡ nhau.

PHẠM-NGỌC-THẢO

☆ **BIẾT** lo toan chu-đáo công việc nhỏ-mọn, với tầm mắt xa - rộng. Đó là bi-quyết để mưu-đồ đại-sự.

☆ **ĂN** không ngồi rồi là cái cửa những điều ác. — Cửa ấy người giỏi vào đến lúc ra thì đỡ; người lành vào đến lúc ra thì mê; người cương-trực vào đến lúc ra thì liệt-nhược; người thanh-khiết vào đến lúc ra thì ô-uế.

LÃ-ĐỒNG-LAI

☆ **TÔI** ước mong trọn đời chỉ làm những công việc nhỏ-mọn, nhưng làm với một tâm-địa rộng-rãi quang-minh.

MAGGY

☆ **MỌI** sự có thể đổi thay ở xung-quanh ta xong nếu ta cố bám, chặt lấy lý-lường ta để sống ta sẽ vẫn mãi là ta.

☆ **Ở** đời chết vì thuốc độc, muôn người họa mới có một người; chớ chết vì ăn không ngồi rồi thì thật nhiều. Cái độc « ăn không ngồi rồi » rất thâm rất hại.

LÃ-ĐỒNG-LAI

Tính-cách truyền-thống và chính-trị của Nho-giáo

NGUYỄN-HIỂN-LÊ



KHÔNG-TỬ có công làm cho Nho-giáo thành một hệ-thống tư-tưởng. Công đó rất lớn, cho nên người đời sau thường gọi Nho-giáo là Không-

giáo, rồi lần lần có người tưởng lầm rằng Không-Tử đã sáng-lập ra đạo Nho. Sự thực thì trước Không-Tử đã có đạo Nho, cũng như trước Thích-Ca đã có đạo Bà-La-Môn, trước Giê-Du đã có đạo Do-Thái. Đại-loại đạo Nho hồi nguyên-thủy gồm những điểm chính dưới đây :

— Vũ-trụ mới đầu là một cuộc mờ-mịt chứa một cái « lý » linh-diệu gọi là Thái-cực, Thái-cực biến-hóa ra thành âm và dương, rồi âm-dương biến-hóa mãi ra thành vạn-vật.

— Ở trên cả, có Trời và quỷ-thần, dưới quỷ-thần là người. Trời như một ông vua, coi mọi việc ở trần-gian, cho nên gọi Trời là Đế, là Thượng-Đế.

— Người được bẩm-thụ tính của Trời cho nên thiên-đạo và nhân-sự quan-hệ mật-thiết với nhau ; mà việc gì hợp với thiên-lý là phải, trái với thiên-lý là sai. Thiên-lý là lẽ phải, cho nên

ý của dân hợp với lẽ phải tức thị là ý của Trời.

— Người phải thờ phụng Trời và cúng quỷ-thần, nhưng chỉ có Thiên-Tử — người thay Trời trị dân — mới được tế Trời còn chư-hầu thì tế Thần bốn phương và thường dân thì tế Tồ-tiên trong nhà.

— Xã-hội là một xã-hội phong-kiến rất có trật-tự, ở trên có nguyên-hậu — sau gọi là Thiên-Tử — rồi tới các vua chư-hầu, dưới nữa là các đại-phu, kẻ sĩ và thường dân. Chính trong giai-cấp đại-phu và sĩ đó xuất-hiện bọn Nho : họ đều giỏi văn-chương và lục-nghe (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số) làm cố-văn cho giai-cấp trên, tức Thiên-tử và vua chư-hầu. Tư-tưởng của họ có tính-cách rất thực-tế — một phần lớn vì họ là quan-liêu — gồm lại thành một học-thuyết mà Không-Tử có công sắp-đặt, hợp-lý-hóa, rồi phát-huy trong những lời giáo-huấn cùng sách-vở của ông.

Những sách này gồm sáu bộ : **Dịch, Thư, Thi, Lễ, Nhạc, Xuân-Thu** (1).

(1) Sau vì mất-mat đi nhiều, kinh Nhạc chỉ còn một thiên phụ vào kinh Lễ, thành-thứ ceteri năm kinh : Dịch, Thư, Thi, Lễ, Xuân-Thu.

thì năm bộ trên đều là công-trình sưu-tầm và chú-thích : kinh **Dịch** do Văn-Vương đời Chu diễn ra khi bị giam ở ngục Dữu-Lý, sau Chu-Công cắt-nghĩa văn-tắt rồi Khổng-Tử lấy những sự thiết-thực mà giải-thích cho thêm rõ-ràng ; kinh **Thư** chép những điển, mô, huấn, cáo, thệ, mệnh, tức những tài-liệu về chính-trị và sử từ đời Nghiêu-Thuấn đến đời Đông-Chu, không thêm bớt chút gì ; kinh **Thư** là một tập sưu-tầm tuyển-lựa những bài ca, bài dao từ đời thượng-cổ đến đời vua Bình-Chương nhà Chu ; kinh **Lễ** và **Nhạc** chép lễ-nghi và nhạc của các đời trước. Chỉ riêng kinh **Xuân-Thu** là có thể coi là một Công-Trình sáng-tác của Khổng-Tử, nhưng thực ra phần sáng-tác rất ít, vì Kinh đó là một bộ sử biên-niên, giá-trị ở tư-tưởng chỉ ở chỗ nó ngầm chứa một chủ-trương về chính-trị, tức chủ-trương chính-danh, định-phận, ngụ bao-biếm.

Vậy lời của Khổng-Tử : « *Ta thuật đạo cổ-nhân mà không sáng-tác gì mới* » trong Luận - ngữ (Thuật nhi bất tác) không phải chỉ là một lời nói nhún ; mà Herlee Glessner trong đoạn dưới đây đã định được đúng địa-vị của Khổng-Tử trong Nho-giáo.

« *Khổng - Tử chỉ là người cuối cùng và tài giỏi nhất trong số các nhà đó (tức các nhà Nho đời nhà Chu). Một phần do ông xuất-hiện vào cuối thời-kỳ thứ nhất của truyền-thống Nho-giáo và tóm-tắt truyền-thống đó, cho nên ông thành một đại - biểu danh-tiếng cho Nho-giáo (...)* Hầu hết những điểm trong triết - lý của Khổng - Tử đều do phái Nho-gia sinh trước ông đề lại (1).

Tóm lại, Khổng - Tử đã tập-kỳ đại-thành của người trước. Đó là điều thứ nhất ta nên luôn luôn nhớ khi tìm hiểu Nho-giáo. Nếu quên rằng Nho-giáo là một truyền-thống tín-ngưỡng và triết-ly của một dân-tộc, mà cứ tưởng nó hoàn-toàn là tư-tưởng của một nhà sáng-lập — Khổng-Tử — thì ta sẽ không nhận được tại sao nó không có tính-cách Tôn-giáo mà lại ảnh-hưởng rất mạnh, không kém một Tôn-giáo, tới hàng chục, hàng trăm triệu người trong mấy ngàn năm như vậy.



Điều thứ nhì còn quan-trọng hơn, mà tôi muốn đặc-biệt nhấn mạnh ở đây là tính-cách chính-trị của Nho-giáo.

Nhiều học-giả xét về Nho-giáo, coi những tư-tưởng chính-trị trong đạo ấy là kết-quả của những tư-tưởng triết-ly và đạo-đức (2). Tôi không thể bảo rằng kiến-giải đó sai vì chính-trị Nho-giáo đặt cơ-sở trên đạo-đức ; nhưng tôi nghĩ đạo-đức của Nho-giáo có mục-dịch chính-trị, và Nho-giáo dùng chính-trị để gây đạo-đức, cho nên phải đặt vấn-đề ngược lại, coi phần chính-trị là phần quan-trọng nhất trong đạo Nho, mà những quan-niệm về giáo-hóa, về học-vấn, về cách thao-thủ... là kết-quả của những tư-tưởng chính-trị, thì mới

(1) Chinese thought, from Confucius to Mao Tse-Tung, — The University of Chicago Press 1953.

(2) Chẳng hạn Trần-Trọng-Kim trong 140 trang bản về đạo Khổng, chỉ đề ra 15 trang cuối xét tư-tưởng chính-trị, sau khi đã phân-tích tỉ-mỉ quan-niệm quân-tử và tiêu-nhân, sự học-vấn và cách thao-thủ của người quân-tử, sự giáo-hóa của Khổng-giáo. (Coi trong Nho-giáo — Quyền thượng — của Nhà Tân-Việt xuất-bản).

là thấu cái thâm-ý của đạo Nho, mới thấy được chân-tướng của nó.

Thực vậy, đạo Nho là một triết-lý chính-trị trước hết. Tôi xin dẫn chứng :

1^o) Ở đoạn trên, tôi đã nói những Nho-gia đầu tiên xuất-hiện trong giai-cấp quan-lại (nhất là trong giới sử-quan), thông văn-chương và lục-ngệ, cho nên tư-tưởng của họ rất thực-tế, nhằm mục-đích an-dân tế-thế, tức mục-đích chính-trị.

2^o) Xét ngũ-kinh của Khổng-Tử thì trừ kinh **Thi** ra, kinh nào cũng có mục-đích chánh là dạy về chính-trị ; mà ngay trong kinh **Thi**, ý-tưởng chính-trị cũng tiềm-tàng, có khi lộ-liễu. Xét tứ-thư thì **Đại-học** là sách dạy cách sửa mình để « bình thiên-hạ », còn ba cuốn kia (**Luận - ngữ, Trung - dung, Mạnh-Tử**) bàn về chính-trị rất nhiều. Mà chẳng riêng gì Nho-giáo, đến Lão-giáo... cũng có tính-cách chính-trị. Đó là một ảnh-hưởng của hoàn-cảnh : thời Xuân-Thu và Chiến-quốc là thời loạn, nên triết-gia nào cũng muốn cứu loạn, mà cứu loạn thì chính-trị là gấp nhất.

3^o) Những ông Thánh của Nho-giáo không phải là những nhân-vật lý-tưởng — có khi thần-bí — xuất-thể hoặc nhấn-nhục hy-sinh cho nhân-loại, mà đều là những vị xử-thế và làm chính-trị, tức như vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Văn, vua Vũ, Chu-Công, Khổng-Tử, Mạnh-Tử.

4^o) Quan-niệm về Trời và người của Nho-giáo cũng rất đặc-biệt. Người Trung-Hoa cho Trời là ông vua của Vũ-Trụ, nên gọi Trời là Đế, là Thượng-Đế, như trên tôi đã nói, và cho loài người là dân của Trời. Quan-niệm đó hiện rất

iminh-bạch trong câu : « *Đức Thượng-Đế rất lớn, soi xuống rất rõ-ràng xem-xét bốn phương để tìm nỗi khốn-khò của dân mà cứu giúp.* » (Hoàng-tử Thượng-Đế, lâm hạ hữu-hách, giám quan tứ phương, cầu dân chi mạt — Thi kinh). Độc-giả nhận thấy câu đó dùng chữ **dân** là người dân, chứ không dùng chữ **nhân** là người. Trong Ngũ-kinh, ta ít khi gặp chữ **nhân** mà rất thường gặp chữ **dân** : « *Trời sinh dân* », « *Trời yêu dân lắm* »... Sách Tả-truyện cũng viết :

« *Trời sinh dân mà đặt ra vua để làm lợi cho dân.* » (Văn-Công năm 13). « *Trời sinh dân mà đặt ra vua, sai các quan chăn-nuôi dân* » (Tương-Công năm 14).

Cơ-hồ quan-niệm : Trời là vua, người là dân, cũng là một quan-niệm truyền-thống, đặc-biệt của dân-tộc Trung-Hoa.

5^o) Đạo-đức, theo Nho-giáo, có mục-đích chính-trị tức như ý trong những câu : « *Hiếu là đề thờ vua* » (Hiếu giả, sở dĩ sự quân giả). (Đại-học). « *Đạo người thì chính-trị là lớn* » (Nhân-đạo chính vi đại — Lễ-ký) ; nhất là trong đoạn đầu Đại-học :

« *Đời xưa, muốn làm sáng đức trong thiên-hạ thì trước phải tự nước mình ; muốn trị nước mình thì trước phải tề nhà mình ; muốn tề nhà mình thì trước phải sửa thân mình* ».

(Cồ chi minh minh đức ư thiên-hạ giả, tiên trị kỳ quốc ; đức trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia ; đức tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân).

Nghĩa là : tu-thân là đề tề-gia, rồi trị-quốc, rồi bình thiên-hạ, rút-cực là đề

làm chính-trị. Vì có quan-niệm đó, cho nên các Nho-gia đều cầu được làm chính-trị: Khổng-Tử bốn-ba non hai chục năm, chu-du các nước, tìm một ông vua biết dùng mình để hành-đạo, gần bảy chục tuổi mới thất-vọng, về Lỗ soạn sách và dạy học; Còn Mạnh-Tử cũng đi khắp Tề, Lương, Tống, Đằng, đem tài hùng-biến thuyết-phục các vua, không được dùng mới về nhà, cùng với môn-đệ trước-tác.

Năm điều vừa kể đủ chứng rằng Nho-giáo trước hết là một triết-lý chính-trị;

và muốn phê-bình Nho-giáo phải đứng về phương-diện chính-trị mà xét thì mới không lầm, mới hiểu rằng sở - dĩ đạo Nho, về một mặt nào đó, không cao-siêu bằng đạo Phật hay đạo Lão, đạo Gia-Tô, chính vì nhà Nho muốn làm những chính-khách, chứ không muốn làm những nhà tu-hành hoặc những triết-nhân thuần-túy.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

☆ **CHẰNG** làm phận-sự vương tròn mỗi ngày, coi ngày đó như ngày chót của mình ở đời, lại mưu-cầu việc xa-vời, tính cho mình sống lâu, thì thật lầm to.

LA-MA DAGPO LHA DJÉ

☆ **ĐANG** khi làm việc chánh-dáng, ta đừng tưởng đến việc khác. Trước phải lo làm tròn một việc và chú-trọng cái tâm vào đó. Như vậy, mọi việc đều sẽ hoàn-thành.

BỒ-ĐỀ HÀNH-KINH

☆ **ĐÃ** sinh ra làm người mà lãng-phí cả đời người để làm cái việc vô-lý, hư-hại và sống một cách lầm-thường rồi chết, chẳng là đáng tiếc lắm sao?

LA-MA DAGPO LHA DJÉ

☆ **CÓ** việc mình chưa xuê, lại còn đòi lãnh phần to hơn nữa, thì có khác nào kẻ yếu đòi vác đồ nặng, tự mình gây nhọc cho mình.

LA-MA DAGPO LHA DJÉ

SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA TRẺ EM

THIÊN-GIANG



ÁP-CHÍ « *Bách-Khoa* »

mới ra đời đã đặc-biệt chú-ý đến vấn-đề giáo-dục trẻ em với loạt bài của các bạn Hoàng-minh-Tuynh, Nguyễn-trung-Nhất, Phạm-tường-Trinh v. v... gây trong lòng độc-giả nhiều hy-vọng ở tiền-đồ giáo-dục nước nhà. Tiếp lời các bạn tôi xin có bài này, hy-vọng « *Bách-Khoa* » sẽ là diễn-đàn chung cho các bạn lưu-tâm đến giáo-dục.

Nói đến tân giáo-dục không thể không đả-động đến cựu giáo-dục, vì tân nối theo cựu như ngày nối theo đêm. Tân giáo-dục ở trong cựu giáo-dục mà ra nhưng rồi quay lại công-kích đả-phá cựu giáo-dục để một ngày kia, nếu xã-hội còn tiến-hóa thì thay thế cho cựu giáo-dục.

Sự tiến-hóa của loài người tất nhiên phải hướng vào con đường cách-mạng đó.

Trước hết chúng ta nhìn lại những tổ-chức giáo-dục cũ, từ trường nhỏ bé trong làng đến trường lớn các đô-thị.

Bước vào các trường đó, ta thấy gì? Dẫu nhỏ dẫu lớn, các trường đó đều tổ-chức giống nhau: một căn phòng hoặc lớn hoặc nhỏ bốn bên bùng-bít, ngăn cấm trẻ em nhìn ra ngoài. Trong phòng bàn sắp thành hàng hai dãy, mỗi bàn bốn năm trò chen nhau. Trước hai dãy bàn là một bảng sơn đen, vừa tối-tăm vừa nghiêm-khắc, cạnh bảng là một bệ cao, trên bệ là bàn của thầy hoặc cô giáo. Nếu trường giàu có thì trên tường treo thêm một mớ bản đồ, tranh vẽ không bao giờ được thay đổi nếu không bị thời-gian hủy-diệt.

Cái trường đó các nhà giáo-dục, cổ-nhiên là tân giáo-dục, gọi là nhà giam của trẻ em. Trẻ em khi được phụ-huynh đưa tới một trường như vậy, phản-ứng của chúng sẽ như thế nào? Cảm-giác của chúng ngày nay, cũng như chúng ta ngày xưa, khi bước vào một trường học như thế là sợ-hãi: sợ thầy, sợ bảng đen, sợ không khí Thâm-nghiêm, sợ Kỳ-luật bố-buộc, sợ luôn cả lũ bạn bè Tinh-ranh « ma cũ hiếp ma

mới ». Chúng sợ nhà trường như tội-nhân sợ nhà tù vậy.

Nội một cảm - giác sợ hãi đó cũng đủ làm nhụt mất thông-minh của trẻ em rồi. Thay vì nảy - nở như hạt giống được ương vào chỗ đủ phân, đủ nước, đủ ánh sáng, đủ khí trời, thì trong cái hoàn - cảnh ràng-buộc, thiếu hết điều-kiện sinh-tồn đó, nó sẽ tàn-lụi đi, hoặc nếu cố gắng mà sống thì thân cây cũng trở nên cằn-cỗi, hoa không thơm, trái không ngọt. Năm thì mười họa mới có một cây ngẫu-nhiên gặp những điều-kiện thuận - tiện mà tươi-tốt được, nhưng cây đó không hẳn đã phát-triển đầy-dủ. Thứ trường học đó, thứ cơ-quan giáo-dục đó, đã làm hại con chúng ta ngay khi chúng còn măng sữa.

Các bạn đã có dịp nhận - xét con mình khi mới đi học tỏ ra thông-minh hoạt - động, nhưng học được ít lâu thì hóa thành ngu-dần chậm-lụt.

Các bạn kết-luận một cách dễ - dãi rằng những đứa trẻ khôn sớm sẽ trở thành đại-dột về sau mà không ngờ nó là nạn-nhân của trường học cũ-kỹ cùng phương-pháp giáo-dục lỗi-thời của nó.

Xét tới phương - pháp giáo-dục lỗi-thời đó chúng ta nói ngay rằng giáo-dục cũ là giáo - dục nhồi - sọ, nghĩa là đem nhét thật nhiều chữ vào đầu trẻ em mà không biết chúng có tiêu-hóa nổi những món ăn đó hay không. Thật là một tấn thảm-kịch mà chúng ta không tả xiết được.

Nhưng nếu chúng ta lấy lương-tri mà xét thì chúng ta không thể quan-niệm được những hành-động mà chúng ta vẫn còn cho là cao-quí : bắt những trẻ em măng sữa còn ham bay ham nhảy

nhốt vào trong những căn phòng bùng-bít để nghe cô giáo hoặc thầy giáo găm-thét, dọa-nạt, mà nhét vào đầu chúng những dấu hiệu kỳ-quái (đối với chúng) mà ta gọi là chữ. Người ta làm như giáo-dục trẻ em là nhồi thật nhiều chữ vào đầu chúng như nhồi thịt vào ruột heo. Nếu trong đám trẻ đó mà có đứa thành người đứng với danh-nghĩa con người được, không phải nhờ thứ giáo-dục đó mà còn nhờ những điều-kiện khác ở ngoài đời. Những điều-kiện đó đã giúp chúng sửa-chữa những tai-hại do nhà trường gây ra cho bản-thân nó.

Thứ giáo-dục nói trên đến thế-kỷ hai mươi này không còn lý-do tồn-tại. Khắp thế-giới đâu đâu người ta cũng lên tiếng công-kích, đả-phá nó, để xây-dựng một nền giáo-dục hợp với sự phát-triển của trẻ em, tức là sự phát-triển của con người, của toàn-thể loài người.

Trường học mới hợp sự phát-triển của trẻ em không giống một tí gì với trường học cũ nói trên. Trường học mới phải được tổ-chức thành một xã-hội nhỏ, trong đó trẻ em được dùng đời để học đời, trong đó hoàn-cảnh học-dường phải hòa lẫn với hoàn-cảnh thiên-nhiên, trẻ em được tiếp-xúc với mọi cảnh, mọi vật, với trời mây, cây cỏ, hoa lá, thú vật, côn-trùng, không bị đóng khuôn ở bàn học để tụng những câu, những chữ mà chúng không vỡ nghĩa. Trong tập sách « *Phụ-huynh nên biết khi cho con em đi học* » sắp xuất-bản, chúng tôi sẽ nói rõ hình-thức tổ-chức trường học mới phải thế nào.

Tổ-chức mới đó phải chứa đựng một nội-dung hoàn - toàn đời mới. Ở các nước Âu Mỹ, phương-pháp Tân giáo-

dục đã được áp-dụng lên tới ban tiểu, trung - học. Và người ta đã có dịp so-sánh kết-quả của hai phương-pháp cũ và mới. Những sinh - viên được đào - tạo trong trường mới đã thành ra người chín-chắn, đã trải qua nhiều thí-nghiệm trong lúc sinh-viên ở trường cũ chỉ thụ được một mớ kiến-thức trong sách vở.

Ở xứ ta, phương-pháp đó mới được đề - cập ở một ít trường mẫu-giáo, (không nói tới những tổ-chức lợi-dụng danh-từ đề thụ học trò).

Ở trường mới cô giáo không đóng vai trò nhồi sọ mà chỉ là người mẹ hiền, người bạn thân hướng-dẫn trẻ em tùy theo hứng-thú của chúng. Ở đó không có chuyện dồn chữ vào trí-óc non-nớt. Các nước Âu, Mỹ trẻ em đến 6, 7, 8 tuổi mới bắt đầu học chữ (có đứa học sớm hơn, nhưng phải tùy khả-năng). Có nhiều nhà giáo-dục chủ-trương đến 12 tuổi học chữ cũng chưa muộn. Ở xứ ta phụ-huynh ham học đến nỗi trẻ em mới lên ba đã vội bắt chúng học chữ và học cả chữ Pháp, chữ Anh. Làm như vậy là phá hoại trí - óc trẻ em một cách vô ý-thức.

Nếu bạn bắt trẻ em chuyên học chữ thì chúng có thể giỏi chữ được, nhưng đứa trẻ giỏi chữ không phải là đứa trẻ được giáo-dục. Dạy chữ chỉ là một phần nhỏ trong công việc giáo-dục nhà trường, và phải đợi cho trẻ em đến tuổi học chữ thì mới dạy, dạy sớm hơn, xin nhắc lại, là làm cho trẻ em về sau phải chậm-lụt dần-độn. Bạn muốn bắt trẻ em đi sớm 1, 2 năm đề rồi thấy chúng trễ 5, 7 năm, nếu không trễ trọn đời.

Bởi vậy nếu thấy ở lớp mẫu-giáo, trẻ em chưa học chữ hay học rất ít,

các bạn đừng ngạc-nhiên. Ở trường mẫu-giáo, nhà giáo-dục lo làm những việc đáng lo hơn hết, như là phát-triển năng-khiếu của trẻ em, phát-triển cái sức mạnh tiềm-tàng mà tạo-hóa đã đặt vào trong người chúng nó từ lúc còn trong bào-thai, từ lúc mới ra đời. Công việc đó, giáo-dục cũ không bao giờ nghĩ tới, và đó là công việc tối quan-trọng, đưa trẻ sau này hay dở là tùy ở những bước đầu này.

Các bạn sẽ hỏi : trẻ em tới trường mà không học chữ thì làm gì ? Xin thưa : chúng tới trường mẫu-giáo để mà chơi. Nhưng bạn đừng ngại, chơi để mà học và chúng chỉ có thể học được trong việc chơi mà thôi.

Sự học của trẻ em khi còn thơ-ấu là dò-dẫm, thí-nghiệm. Bất cứ lúc nào, chúng cần phải tiếp-xúc, cọ-xát, thăm-nhuần hoàn-cảnh chung - quanh, và trong sự tiếp-xúc, cọ-xát đó, chúng luyện các giác-quan, phát-triển cơ-năng, tăng-cường tiềm-lực của mình. Khi tiềm-lực dồi-dào, năng-khiếu phát-triển đầy đủ thì sự học chữ sẽ là một trò chơi dễ-dàng, chữ nghĩa sẽ thâm-nhập vào trí-óc chúng một cách tự-nhiên, không làm cho chúng cực nhọc một chút nào và nó sẽ tiến-bộ một cách suông-sẻ như con diều gặp gió. Nó sẽ lên, lên cao, trước sự ngạc-nhiên của các bạn.

Bởi vậy nhà giáo-dục trước hết phải tạo cho trẻ em một hoàn-cảnh giáo-dục, trong đó chúng có đủ điều-kiện để dò-dẫm thí-nghiệm. Sự dò-dẫm thí-nghiệm thường-xuyên chính là ông thầy hướng-dẫn chúng, là một sức mạnh đào-tạo chúng.

Đứa trẻ ở tân học - đường không ngồi đặt tay lên gối để chờ giờ bài học như ở trường cũ. Ở tân học-đường, chúng là đứa trẻ hoạt-động, ham sống, ham học.

Vì quen với không - khí trường cũ, khi tới tân học-đường, có bạn sẽ kêu lên: Uà, trẻ em ở đây chơi mà! Vâng, thì chúng chơi, nhưng chơi của trẻ em tức là học.

Đầu thế-kỷ này nhà giáo-dục trứ-danh Claparède có đặt ra một câu hỏi: « trẻ em sinh ra để làm gì? » Và ông trả lời: « sinh ra để mà chơi và bắt chước ». Ông lại thêm: Ở trẻ em, chơi tức là học, đối với chúng chơi là điều hay, là bổn-phận, là lý-tưởng của cuộc đời. Chơi tức là bầu không-khí duy - nhất, trong đó bản-thể tâm-lý của trẻ em mới hô-hấp được và do đó chúng có thể hoạt - động.

Ở lớp mẫu giáo, tân học-đường cố tổ chức một hoàn-cảnh giáo-dục đầy đủ chừng nào hay chừng nấy, trong đó trẻ em được tự-do dọ-dẫm, thí-nghiệm tức là tự-do học-tập rèn-luyện để có đủ sức mạnh vươn lên ở cuộc đời.

Một ngôi nhà vững - chắc được hay không là nhờ ở cái nền - móng, con người sau này được cường - đại hay không là do tuổi ấu-thơ. Tuổi ấu - thơ đó mà được hướng-dẫn đúng phương-pháp thì sau này đứa trẻ chắc sẽ sống vững - vàng trong một cuộc đời đầy hạnh-phúc. Cái khó của tân giáo-dục là ở đó, cái hay của tân giáo-dục là ở đó và cái lợi-ích vô cùng của tân giáo-dục là ở đó.

Mọi sự, bước đầu là khó. Công việc giáo-dục càng khó gấp bội. Nó cũng vấp phải sự lãnh-dạ của mọi người của phụ - huynh, cũng như của người có trách-nhiệm trong việc hướng-dẫn đào-tạo trẻ em. Thỉnh-thoảng mới có những tiếng chuông ngân lên để rồi rơi vào quăng văng. Hơn lúc nào hết, lúc này các bạn lưu-tâm đến vấn-đề giáo - dục nên hợp thành một lực-lượng để nhắm vào hoạt-động tích-cực đưa tới những kết-quả tích - cực. Rồi do đó chúng ta cùng thúc-dẩy phong-trào: Phong - trào cải-tiến giáo-dục. Xin các bạn lên tiếng.

THIÊN - GIANG

NHÀ GIÁO - DỤC VÀ PHỤ - HUYNH LƯU - Ý

cuốn « **TÌM HIỂU TÂM-LÝ TRẺ EM để dạy trẻ em** » do **Thiên - Giang** trình-bày, **Nguyễn-Hiến-Lê** xuất-bản — Rõ-ràng, dễ đọc, chỉ dẫn rành mạch cách đối-xử với trẻ em một cách có lợi cho sự phát-triển của chúng.

Cuốn sách đầu giường của mọi người yêu trẻ, vạch rõ con đường hướng-dẫn trẻ em đến một tương-lai hùng-dại.

NHÂN NGÀY KIÊU MÌNH THÁNH CHÚA

TRỰC - ĐỊNH



ANG năm cứ đến ngày này có biết bao nhiêu người công - giáo lấy lòng tôn - kính tới gần Mình Thánh Chúa, để tôn-thờ Chúa ngự trong phép Thánh-Thề...

nhưng đã ngảnh mặt trông đi và đã ruồng bỏ kẻ nghèo bạn manh áo rách. Sau khi họ đã lầm-rẫm trước Mình Chúa rằng: Lạy Chúa tôi, Lạy Chúa tôi! họ có thể thản-nhiên, bình-tĩnh đi rạo-xung-quanh nhà thờ trước gương mặt hốc-hác của kẻ nghèo, gương mặt không còn hình-tượng người ta nữa. Rồi họ nhủ thầm như thánh Phêrô đã từng chối Chúa khi xưa rằng: « Tôi không biết người ấy là ai! »

Ta còn nhận thấy trong nhiều vùng, người ta nhân dịp này đã chăng đèn kết hoa ở trước cửa nhà, để rước Chúa khi kiệu Chúa đi qua, nhưng đồng-thời cũng có biết bao nhiêu người đã khép cửa lại trước một kẻ nghèo tới xin trú-dậu, mặc-dầu trong nhà họ còn dư rất nhiều chỗ cho người ta trú-dậu.

Các người công-giáo ấy tập-hợp nhau quì gối trước một mặt nhật chói-lòa,

xung-quanh nào hoa, nào nến, nào cờ, có biết chăng trong những nơi bùn lầy nước đọng kia, trong những túp lều hôi-hám kia, đang có Chúa ẩn-thân dưới những hình-hài gầy - guộc vì thiếu ăn! Chính ở nơi ấy cũng có Chúa ngự-trị, vì Chúa chính là kẻ nghèo dưới hình-thức kẻ vô lại, kẻ già-lão, kẻ yếu - đau, kẻ mại-dâm, kẻ tù-dẫy, kẻ không nhà, kẻ đói-khát, kẻ tứ-cổ vô-thân. Chúng ta là kẻ chịu lấy Mình Chúa trong phép Thánh-Thề, chúng ta có biết chịu lấy kẻ nghèo của Chúa Giêsu chăng?

Vì chúng ta đừng quên, phàm ai có lòng tôn thờ Mình Chúa đều phải tự mình buộc mình có lòng tận-tụy vị-tha, nghĩa là hết lòng hy-sinh cho kẻ khác. Khi ta chịu lấy Mình Chúa, thì ta cũng phải tự ta buộc ta chịu lấy kẻ nghèo. Chúa Ki-Tô và kẻ nghèo là hai kho-tàng vô-giá Thiên - Chúa đã đặt giữa Hội - Thánh và dạy Hội - Thánh phải coi đó là hai bảo - vật mình có nhiệm-vụ bảo-toàn cho hết sức trân-trọng.

Trước khi lập phép Thánh-Thề, Đức Chúa Giêsu đã rửa chân cho các kẻ nghèo, nên về phương - diện lịch - sử phép Thánh-Thề và kẻ nghèo phải luôn

luôn đi đôi với nhau, như bóng với hình. Chúa phán cùng các Tông-đồ : « Các con hãy làm việc này để nhớ đến ta ». Các Tông - đồ đã tuân lời Chúa trở lại đó, nên trước khi đặt ra sự tôn-sùng Mình Chúa, các đấng đã đặt ra sự tôn-sùng của các kẻ nghèo để nhớ lại « một kẻ nghèo » đã từng là Thiên - Chúa.

Kẻ nghèo là ai ?

Kẻ nghèo là kẻ sống trong cảnh lầm- than không bút nào tả được, họ là nạn-nhân hoàn-toàn thụ-động trong một cuộc sinh-hoạt kinh-tế hạ phẩm-giá con người xuống mức nô-dịch, nếu không phải thì mức súc-vật vô linh-tính. — Để bám lấy sự sống, kẻ nghèo phải bán thân bất cứ cho ai. Họ thường là những kẻ không tiền, nhưng thật ra ở giới nào cũng có kẻ nghèo, và mỗi kẻ nghèo có một hình-thái khác nhau. Hoặc có kẻ động lòng trắc-ân lên tiếng thốt ra lời kêu tuyệt-vọng của họ cho mọi người nghe thấu, chớ họ thì tuyệt-nhiên không biết chi cả, không hay chi hết. — Đau khổ của họ đã tới cực-độ, làm tiêu-diệt hết mọi cảm-giác của họ đi rồi. — Họ thu - động mà sống một cách vô tín - ngưỡng, vô hy - vọng, vô tình - ái. Họ chịu - đựng sự sống như người ta chịu-đựng một ung-nhot vậy.

Trước những cảnh đồ-thán khờ-nhục ấy, Hội-Thánh đã làm gì ? Hội-Thánh có dành-tâm đứng nhìn mà không hành-động gì chăng ? .

Hội-Thánh đã từng bao lần lớn tiếng chỉ-vạch sự trụy-lạc của đám cùng - dân, coi nó như một sự nhuốc-nha đáng làm cho nhân-loại phải tủi - hờ. Đồng thời Hội-Thánh cũng cảnh-tình người công-

giáo, thúc-dục họ phải tích - cực hành-động, làm tròn nhiệm - vụ người công-dân trong xã-hội mình. Hội-Thánh cũng nhắc-nhở những khả-năng tinh-thần của kẻ khó-khăn và chân-phước của những kẻ có lòng khó-khăn. Hội - Thánh trả lại cho kẻ khó-hèn cái chân-tướng xác-thực của họ. Hội-Thánh nguyên-rủa sự « ác » vì nó là nguyên-nhân sinh ra sự « nghèo » cũng bảo mọi người hãy nhớ lại những giá-trị tôn-giáo mà kẻ nghèo ở giữa chúng ta là những hình - bóng ám-chỉ những hiện-thực cao-siêu ấy.

Kẻ nghèo trong Hội-Thánh là những kẻ làm chứng trước thế - nhân về đức nhân-nại của Thiên Chúa, như Thánh-kính đã thuật lại trong suốt cả lịch-sử Tân và Cựu - Ước. Kẻ nghèo cũng là những kẻ làm chứng về hoài-vọng của Thiên Chúa muốn dùng sự bất-an hàng ngày để đưa người ta tới đất Tò-tông đã hứa, và nhắc nhở người ta cái thiên-chức cứu vớt lấy chủng-loại mình.

Kẻ nghèo chính là kẻ làm chứng tố-cáo trước tòa - án lương-tâm của người công - giáo, kẻ nghèo tố - cáo một cách yên-lặng tất cả những sự xa-hoa, ích-kỷ và dong - dưỡng xác-thật của chúng ta ; kẻ nghèo thúc - dục chúng ta phải giữ cho vững tinh-thần khắc-khở, tinh-thần nhiệm-nhật, tinh-thần khó-khăn.

Kẻ nghèo còn là đấng tiên-tri tới để cảnh-cáo chúng ta : sự khó-khăn của họ là những lời kêu gọi chúng ta phải ăn-ở và đối-đãi sao cho công-bình ; sự nín-nhịn của kẻ nghèo chứng-tỏ chúng ta đã giết chết « nhân - phẩm » của họ. Kẻ nghèo là do tội-lỗi của thế - gian, nghĩa là tội-lỗi của chúng ta. — Sự xấu-xa của kẻ nghèo chính là sự xấu - xa của tội-lỗi chúng ta.

Vì đâu có những người sợ rước kẻ nghèo, như sợ rước Minh Chúa ! Họ sợ vì họ e sẽ gặp Chúa ở trong đó chẳng. — Họ sợ con mắt của kẻ nghèo những chàng thanh-niên giàu có trong Phúc-Âm trở lui dưới con mắt buồn rầu của Chúa chân-phúc vậy.

Cũng như Đức Chúa Giêsu trong hình bánh, kẻ nghèo bao giờ cũng im-lặng và bởi càng im-lặng cho nên càng dễ cho người ta xúc-phạm luôn. — Người ta có thể xúc-phạm tới Minh Chúa im-lặng bằng muôn ngàn cách thì người ta cũng có thể xúc-phạm tới kẻ nghèo im-lặng bằng muôn ngàn cách nữa. — Nói với kẻ nghèo bằng một giọng kiêu-căng, khinh bạc ; đến với kẻ nghèo với một bộ mặt cao-kỳ, hống-hách ; ban cho kẻ nghèo trong một giảng điệu ngông-nghênh trịch-thượng, đó đều là những cách xúc-phạm tới kẻ nghèo. — Và trong các cách xúc-phạm tưởng không có cách xúc-phạm nào nặng-nề cho bằng cách lấy tôn-giáo để che-dậy sự lầm-than cơ-cực của kẻ nghèo, hoặc dùng sự lầm-than cơ-cực của họ mà theo đuổi những mục-tiêu chính-trị, hoặc lý-tài. Trong Hội-Thánh từ xưa tới nay đã biết bao nhiêu gương sáng tỏ cho ta thấy những hành-vi thành-kính của những phần-tử thánh-thiện đối với Chúa ở trong anh em khó nghèo. Sự thành-kính của những phần-tử này có thể khiến ta nhận-định rõ những cách xúc-phạm vừa nêu ra ở trên đây.

Không cần phải trở lại những quá-khứ quá xa-xôi, ngay trong thời này vẫn có biết bao nhiêu người đã thâm-nhiễm tinh-thần khó-khăn và đã bày-giải tinh-thần đó trong khắp mọi tầng-lớp xã-hội.

Có những chiến-sĩ, bởi muốn theo đuổi những cuộc tranh-đấu bên cạnh

những anh em thợ-thuyền bị ngược-dãi, đã biết từ-chối một địa-vị cao-sang, — và cũng có những nhà văn, nhà báo đã biết trở thành nông-dân để sống một cuộc đời giản-dị trong nơi ruộng vườn.

Có những người mới trở lại tông-giáo muốn sống cho đúng với lý-tưởng Phúc-Âm, như một phụ-nữ kia đã từng nói rằng : « Tôi chưa thể tự cho mình là một người công-giáo chân-chính, nếu tôi chưa có đủ cam-đảm và hy-sinh cởi tấm áo mới của tôi mà khoác vào người chị em nghèo khó của tôi. » Và còn biết bao người nữa, có học-thức có tiền của, đã biết quên học-thức và tiền-của của mình để làm bạn với kẻ nghèo cùng lấy làm sung-sướng vì thấy sự từ bỏ của mình đã khiến cho kẻ nghèo tới gần mình một cách dễ-dàng hơn.

Lại có những vị linh-mục công-nhân, sinh-hoạt cuộc đời công-nhân để đồng-hoà với công-nhân, minh-chứng cho mọi người hay linh-mục không còn phải là một hạng trí-thức chỉ biết có lý-thuyết viển-vông, sinh-hoạt một cách sung-sướng với những bổng-lộc sẵn-sàng và hậu-hĩ nữa. — Khi mà một đoàn-thể công-giáo sinh ra trong một chế-độ vô-sản, với những linh-mục và giáo-dân khó nghèo, sinh-hoạt đúng với tinh-thần khó-nghèo của Phúc-Âm thì đoàn-thể ấy có thể tự-hào như một đại chiến-sĩ công-nhân kia đã tự-hào bằng một câu nói rằng : « Đây là một đoàn-thể công-giáo khó-nghèo, trong đám dân khó-nghèo — Hội-Thánh này là Hội-Thánh của kẻ khó-nghèo, phụng-sự cho kẻ khó-nghèo. »

Những kẻ nói được những câu trên đây, chỉ những kẻ nói được câu trên đây, mới có quyền nói câu sau này : « Đức Chúa Giêsu là anh em với tôi vì kẻ khó-nghèo là anh em của tôi. »

TRỰC-ĐỊNH

BỆNH CÚM

(GRIPPE, INFLUENZA)

Bác - sĩ T.



ĂM 1957 khác hẳn mấy năm trước, chẳng những bởi sức nóng như thiêu của mùa nắng, mà còn bởi sức lạnh - tràn của « Dịch cúm » trong vòng tháng năm vừa qua.

Đối với anh em nào chưa am - hiểu, dịch cúm là một hiện-tượng kỳ-lạ, và đây có lẽ là lần đầu tiên, nó xuất-hiện ở Nam-phần một cách đột-ngột và mãnh-liệt như thế. Nhưng Y-giới đã biết nó từ lâu vì-nó đã uy-hiếp hơn-loại ở khắp cả hoàn-cầu trong bao thế-kỷ.

Luôn luôn sốt-sắng với nhiệm-vụ, Bộ Y-tế loan-báo những lời giải-thích và cách phòng-ngừa bệnh ấy, nên đánh tan được kịp luồng dư-luận dị-đoan về « Bà co, Ông cúm ».



Nguyên nhân :

— Bệnh phát ra nào phải do sự oán-ghét của « Ông cúm, Bà co » đâu, mà chỉ tại một thứ loại vật vô-hình đối với

mắt ta ; nó còn quá nhỏ hơn thứ loại vi-trùng kia nữa ! Đó là loại Virus-filtrant (Vi-khuẩn, Cực-vi bệnh độc hay Siêu-trùng), có tài đặc-biệt chui ngang qua nòi những bình lọc có tiếng thưở giờ cản ngăn được vi-trùng bệnh. Kiếng hiển-vi thứ thường chưa đủ năng-lực khám-phá ra nó. Người ta phải nhờ thứ kiếng hiển-vi chế tạo riêng — thứ điện-tử — tinh-xảo hơn nhiều, mới trông thấy nó. Thứ vi-khuẩn này có hai loại A và B.



Bạn đọc tự hỏi Vi-khuẩn bệnh-cúm ở đâu ?

Nó ở trong nước mũi, nước miếng, nước đàm của bệnh hơn. Khi họ ho, sặc, nói chuyện... mà không chịu khó bao miệng và mũi cẩn-thận với khăn mu-soa, tức nhiên, vi-khuẩn ấy tung ra không khí ngoài trời, bay luồng khắp mọi nơi. Hễ ai rủi hít lấy thì mang bệnh. Vì thế, nơi mấy chỗ đông người, thưở giờ được sống bình an, mà nay có một bệnh hơn nào bước tới, thì

trong vòng 1, 2 ngày sau bệnh cúm sẽ phát ra nơi đó. (Trường học, rạp hát, chỗ hội-hợp, trên xe đồ, trong xưởng, trong hăng v... v...). Ngay trong nhà ở, nếu có người vướng bệnh, thì tất cả nhà cũng có thể bị lây luôn.



Triệu chứng :

Tuy nhỏ mặc dầu, vi-khuẩn bệnh cúm có sức tấn-công mãnh-liệt. Gắn gũi tạm một bệnh nhưn, người mạnh có thể rước lấy vi-khuẩn bệnh rồi. Từ lúc vi-khuẩn xâm-nhập vào thân-thể, thì độ vài giờ sau cho tới 1, 2 ngày là trễ, bệnh cúm sẽ phát ra.

Bỗng dưng, người ấy thấy mình mệt-mỏi, rêm cả người, tay chơn, khớp xương (xương sống, xương chỏ vai) đều đau nhức rữ-liệt, như mới vừa trải qua một trận đòn dữ-dội. Họ kêu chóng mặt và nhức đầu...

Họ bị nhức ở trước trán, trên chơn mày, hai màng tan; lúc nào cái đầu cũng nặng-trĩu, như bị treo đá. Nước mắt, nước mũi, chảy ra không nhiều thì ít. Hai chơn có khi bại-xụi, không đi được bước nào. Một, hai ngày sau, cơn nóng tới thỉnh-linh, nhiệt-độ lên cao 39° — 40° . Miệng khô mắt đỏ, trong họng bị ngứa, bị rát, bệnh nhưn ho, ho khô-khan, hay có đàm. Họ không ăn uống gì được, miệng hôi, lưỡi dơ, và đóng trắng. Chừng ba bốn ngày, bệnh nhưn mới thấy được mạnh. Mồ hôi tuôn ra, nhiệt-độ hạ xuống mau lẹ, hay từ-từ. Nhưng bệnh nhưn vẫn còn mệt-mỏi và lấy sức lại lâu, không thể làm việc liền được.

Bệnh phát ra với nhiều trường-hợp

nặng nhẹ vô chừng, hoặc với nhiều hình-thức khác hơn. Có khi bệnh biến-chuyển trọn cả 1, 2 tuần-lẽ, rồi mới chịu dứt hẳn.



Nhưng dầu sao, Y-giới cũng đoán ra chắc bệnh cúm, không sai lầm, nhờ « cấy máu » của bệnh nhưn ở phòng thí-nghiệm (Viện Pasteur).



Như thế, chỉ riêng mình nó, bệnh cúm không có gì quá nguy-hiêm. Sở dĩ bệnh nhưn chết là vì tại-hại của những biến-chứng của nó.

Biến-chứng trong bộ máy hô-hấp làm sưng phổi. máu đọng trong phổi, màng phổi có mủ, có nước...

Biến-chứng ở bộ máy tiêu-hóa làm ỉa, mửa, như kiết, đau ruột...

Biến-chứng ở bộ máy tuần-huần làm sưng tim, chảy máu...

Biến-chứng ở bộ thần-kinh, làm đau màng óc, tủy xương sống...

Các cơ-quan khác cũng bị tàn-phá như lỗ tai, mắt, thận...

Trong trường-hợp biến-chứng, có những vi-trùng độc như loại : Streptocoque, Pneumocoque, Bacille de Pfeiffer... hiệp sức với vi-khuẩn bệnh cúm để uyhiếp bệnh nhưn. Biến-chứng nguy-hiêm đáng sợ và thường thấy nhứt đều phát sanh ở tại phổi.



Tất cả người đều có thể làm môi cho bệnh cúm, thứ nhứt, những người trẻ tuổi từ 15 tới 40 tuổi.

Kề ra những người bị vướng nặng là trẻ em mới sanh, những người già

cả, những người đang đau tim, đau thận, đau phổi...



PHƯƠNG-NGỪA

Đã biết cách lây do tại đường hơi thở, tức nhiên người ta áp-dụng phương ngừa trên đường ấy bằng cách khử độc : lỗ mũi và họng.

Đối với người mạnh khỏe :

— Nhỏ vào lỗ mũi, mỗi ngày 6-7 lần (nhiều lần càng tốt), những thứ thuốc có chất sát-trùng mà hiệu thuốc tây thường có bán :

- Huile goménolée,
- Sérum physiologique,
- Tyzine,
- Argyrôphédrine,
- Rhinamide,...
- Argolamide,... vân... vân...

Nhỏ 3, 4 nhều trong mỗi lỗ mũi, rồi bóp vành lỗ mũi cho thuốc thấm vào toàn cả da non trong lỗ mũi. Nếu thuốc có rơi vào họng thì hãy nhổ ra ; rùi lờ nuốt chút ít thì cũng chẳng hại gì.

— Súc miệng : mỗi ngày 6-7 lần với nước nóng. Lúc đang súc miệng, hãy ngược mặt lên trời, để cho thuốc thấm xa vào đốc giọng.

— Hoặc dùng thuốc nước :

- Synthol,
- Eau oxygénée,
- Liqueur de Labarraque, vân.vân...

1 muỗng cà - phê một thứ nào cũng được, pha với 1/2 ly nước nóng.

— Trong cơ-quan làm việc đông người, muốn tiếp - xúc với cồ -ng - bào,

hãy mang vải thưa bịt mũi, và miệng, có tầm nước thuốc sát-trùng.

— Đừng gần bệnh nhơn, đừng gần những người đang ho, hay than nhức đầu mệt mỏi...

— Rửa tay, mặt, trước khi ăn.

— Đừng thức đêm, tránh những chỗ đông người.

— Đừng làm việc nhiều, nên tránh lạnh.

— Thuốc chích ngừa : Mấy năm gần đây, Y-giới có nghiên-cứu thuốc chích ngừa, (Virus - Vaccin) chứa cả hai loại A và B, hiện thông-dụng bên Mỹ.

Chích một lần thôi, 1^{cc}. Chích rồi, 1 tuần - lễ sau, mới có phép miễn-nhiễm, và có hiệu-lực chừng 3, 4 tháng.

Vì lý-do thực - tế và chuyên - môn, thuốc này chưa dùng tại xứ mình.

Đối với bệnh nhơn :

— Dời họ ở riêng hẳn trong 1 căn phòng hay căn nhà.

— Cho họ 1 cái chậu đựng nước sát trùng pha (như Eau de Javel, cứ 1 muỗng súp thuốc pha với 1 lít nước), để họ bỏ khăn mu - soa, khăn ăn, ly, chén, quần áo, tất cả đồ của họ dùng vào đó, rồi sẽ nấu giặt.

— Xịt nước thuốc D.T.T. trong phòng họ.

— Trong cơ-quan nào có bệnh nhơn, tốt hơn đóng cửa, tạm hoạt-động một thời-gian : chợ, trường học, rạp hát, hăng làm việc.

— Mỗi lần muốn ho, hay sặc, bệnh nhơn hãy lập tức dùng khăn mu-soa bao trùm miệng và mũi cho kín, để cản vi-khuẩn bệnh cúm được phần nào khỏi văng tủa đi ra ngoài trời.

Trị-bệnh :

— Bệnh nhơn phải nằm ở giường, ăn toàn đồ nước.

— Khi biết đói bụng, sẽ lần lần ăn cháo, khoai tây tán...

— Khử độc lỗ mũi và họng như trên đây.

— Giác hơi trên ngực.

Tới nay, chưa có thuốc nào đúng-dẫn gọi là chuyên-môn trị diệt bệnh cúm. Chỉ có những thuốc để làm đỡ khổ bệnh nhơn thôi : Aspirine, Antipyrine, Quinine, Caféine..., dùng chung với nhau, để hạ bớt chứng nóng.

Những « thuốc trị cúm » bán ở các tiệm thuốc tây đều có chứa 1 hay nhiều chất thuốc này.

Trong thuốc Sirop dùng đỡ ho thì có : Aconit, Belladone. Thuốc dưỡng tim như Camphre và sinh-tố C dùng được để

giúp bệnh nhơn bớt mệt. Quấn cổ với khăn nhúng nước ấm. Khi bớt nóng uống thuốc xỏ (xỏ dầu, huile de ricin, hay xỏ múi, Sulfate de soude)...

Nếu có biến-chứng, thì cách chữa khó-khăn hơn nhiều, chỉ có thầy thuốc mới đảm-nhận được.



Tóm lại, bệnh-cúm là bệnh do vi-khuẩn gây ra ; nó ở trong nước mắt, nước mũi, trong đàm, nước miếng của bệnh-nhơn. Bệnh lây giữa người và người, lây rất mau lẹ ; lây tại đường hơi thở. Có phương ngừa, và cách trị. Chỉ riêng nó, bệnh cúm không có gì đáng sợ ; những biến-chứng của nó mới thật là nguy-hiêm. Tốt hơn, bệnh nhơn hãy cần nhờ thầy thuốc chăm-nom sanh mạng của mình, mới có thể tránh những điều tai-hại bất ngờ.

BÁC-SĨ T.

★ Học-trò của nhà hiền-triết Aristote.

VUA Philippe II, sau khi sinh con, viết cho nhà hiền-triết Aristote bức thư sau đây :

— Tôi xin trình tiên-sinh biết tôi đã sinh con. Tôi cảm ơn thần-minh đã cho tôi sinh con nhưng tôi còn cảm ơn thần-minh hơn nữa vì đã cho tôi sinh con trong khi nhà hiền-triết Aristote còn sống. Bởi tôi muốn nhờ cậy tiên-sinh đích-thân dạy-bảo con tôi và nhờ sự dạy-bảo của tiên-sinh nó sẽ trở nên xứng-đáng với vinh-quang của cha nó và với thiên-hạ, tôi sẽ nhường cho nó sau này.

Để đáp lại lòng sở cậy chân-thành của vua Philippe, nhà hiền-triết Aristote ra công soạn bộ « nghệ-thuật trị-quốc » cho Thái-tử và chờ mãi tới khi Thái-tử vừa đúng mười ba tuổi mới chịu lãnh lo việc giao huân.

Lên ngôi năm hai mươi tuổi tên học-trò đã tỏ ra xứng-đáng với sự tôn-trọng của ông Thầy và để lại trong lịch-sử một âm-ba không nhỏ. Trò ấy chính là Alexandre le Grand vậy.

VẤN-ĐỀ BẢO-HIỂM (BẢO-KÊ)

L. T. G. — Bài này không có tham-vọng đi sâu triệt vào vấn-đề bảo-hiểm mà là đề giúp qui vị độc-giả có một khái-niệm về vấn-đề này.

NGUYỄN-HUY-THANH

PHẦN THỨ HAI

CHẾ-ĐỘ BẢO-HIỂM Ở VIỆT-NAM (Tiếp theo)

II. — KIỂM-SOÁT CÁC HỘI BẢO-HIỂM



Ự kiểm-soát của Chính-Phủ đối với các hội bảo-hiểm thực-hiện dưới hai hình-thức :

— kiểm-soát trước khi hành-động bằng cách buộc các hội phải được phép hoạt-động.

— kiểm-soát trong khi hoạt-động.

Sự kiểm-soát ấn-định trong nhiều văn-kiện thiếu sự duy-nhất và thay đổi tùy theo ngành bảo-hiểm.

A — Sự ưng-nhận (Agrément) các hội ngoại-quốc

Chiếu đạo luật ngày 15-2-1917, sửa đổi bởi sắc luật ngày 30-10-35 và sắc lệnh ngày 30-7-1942, những hội bảo-

hiểm ngoại-quốc muốn hoạt-động ở Việt-Nam, về những tác-vụ bảo-hiểm thăng hay tái bảo-hiểm, phải được sự ưng-nhận của Chính-Phủ.

Đơn xin ưng-nhận phải nói rõ những ngành bảo-hiểm mà hội sẽ làm. Đơn phải kèm theo :

— một tờ cam-kết lập theo mẫu định,
— danh-sách nhân-viên quản-trị và các giám-đốc (tên, họ, quốc-tịch, địa-chỉ),
— danh-sách những cò-dông-viên (tên, họ, quốc-tịch, địa-chỉ, số cò-phần của mỗi người),

— danh-sách những hội nhận tái bảo-hiểm những công việc bảo-hiểm của đương-sự ở Việt-Nam,

— hai bản điều-lệ hội (một dịch ra tiếng Pháp),

— một giấy chứng nhận do cơ-quan có thẩm-quyền cấp nhận thực là hội đã được thành-lập và điều-hành ở nguyên xứ theo đúng luật-lệ của nước ấy.

Hội thỉnh-cầu lại phải đưa trình đề Chính-Phủ chấp-thuận, một đại-diện ở

Việt-Nam đề tiếp nhận những giấy tờ tổng-đặt hay cung-cấp những tài-liệu cần-thiết.

Hội phải cam-đoan ghi trong một mục-bạ (répertoire) do người đại-diện lập, tất cả những hợp-đồng có liên-quan đến tác-vụ bảo-hiêm ở Việt-Nam, hay tác-vụ tái bảo-hiêm khi có liên-quan đến tài-vật, trách-nhiệm hay người ở Việt-Nam. Mục bộ có đánh số và ký do vị thẩm-phán toà-án thương-mại hay thẩm-phán hoà-giải. Trong mục bộ, ghi ngày tháng và loại bảo-hiêm, danh-hiệu hội bảo-hiêm, tên họ và địa-chỉ người được bảo-hiêm, số tiền được bảo-hiêm, số tiền phí bảo-hiêm và, nếu có, tên họ và địa-chỉ người làm trung-gian.

Những hội làm những tác-vụ bảo-hiêm thăng phải gửi kèm thêm :

— 2 bản mẫu khế-khoán bảo-hiêm mà hội có ý-dịnh đem dùng ở Việt-Nam,

— 1 bản sao (với bản dịch nếu cần) có thị-thực giấy ủy cho những đại-lý ở Việt-Nam được quyền điều-khiển, như ký-kết khế-khoán, phụ-ước, giấy thu nhận tiền và tất cả những giấy tờ có liên-quan đến tác-vụ thực-hiện, thanh-toán những rủi-ro xảy ra, thay mặt trước các toà-án,

— 1 bản sao (có dịch tiếng Pháp) bản tổng-kết đối-chiếu và mục lỗi-lãi của ba niên-khoá sau chót.

Sự chấp-nhận cho một hội bảo-hiêm ngoại-quốc được hoạt-động ở Việt-Nam thuộc quyền chuyên-quyết (pouvoir discrétionnaire) của Chánh-Phủ và không thể khiếu-nại được. Nó có tính-cách chính-trị và dựa vào những lý-do quốc-phòng và bảo-vệ nền kinh-tế trong nước.

Tiền bảo-chứng : chiếu sắc-lệnh ngày 22-10-1931 và các văn-kiến kế tiếp, những hội bảo-hiêm ngoại-quốc hoạt-động ở Việt-Nam ; ngoại-trừ những hội bảo-hiêm nhân-thọ, phải nộp vào quỹ cung-thác (caisse des dépôts et consignations) một khoản tiền bảo-chứng định là 2 triệu đồng. Số tiền bảo-chứng sẽ rút đi phân nửa, nếu hội đã đóng tiền bảo-chứng ở bên Pháp.

B. — Thẻ-thức buộc các hội bảo-hiêm dù ngoại-quốc hay Việt-Nam phải thi-hành trước khi hoạt-động

Thẻ thức này thay đổi tùy theo ngành bảo-hiêm.

I — Hội bảo-hiêm nhân-thọ và tồn-tích. — Theo điều 2 sắc-lệnh ngày 12-4-1916, những hội bảo-hiêm nhân-thọ và tồn-tích trước khi hoạt-động phải xin đăng-ký (enregistrer).

Đơn xin đăng-ký phải gửi đến Bộ Tài-Chánh kèm theo :

- nếu là hội bảo-hiêm nhân-thọ :
- giấy biên-lai đã đóng tiền bảo-chứng vào quỹ cung-thác (xin xem sau),
- bản chính hay bản toàn sao văn-kiến thiết-lập hội,
- bản điều-lệ hội,
- bản giá biểu-phí bảo-hiêm hay tiền đóng góp,
- 1 bản giải-thích cách-thức lập giá biểu-phí bảo-hiêm và căn-bản tính từng loại phí bảo-hiêm.

- nếu là hội tồn-tích :
- giấy biên-lai đã đóng tiền bảo-chứng vào quỹ cung-thác (xin xem sau) ;

— bản chính hay bản toàn sao văn-
kiện thiết-lập hội,

— bản điều-lệ hội,

— bản giá-biểu tiền góp,

— những điều-kiện và những bản triết-
cứu, nếu quy-điều hội dự-liệu việc hoàn
lại tiền bằng cách rút thăm hay bằng
cách nào khác,

— một bản giải-thích cách-thức lập
bản giá biểu tiền góp và những bản
triết-cứu.

Đối với hội ngoại-quốc, hội phải có một
trụ-sở riêng, một kế-toán riêng về công
việc bảo-hiêm ở Việt-Nam.

Bộ Tài-Chánh có một thời-gian là
6 tháng từ ngày đương-sự nộp đơn đề
cho đăng-ký hay từ chối.

Nếu cho đăng-ký thì Bộ Tài-Chánh
sẽ cho đăng vào Công-Báo. Trong hạn
1 năm kể từ ngày sự đăng-ký được
đăng vào Công-Báo mà hội không hoạt-
động thì sự đăng-ký này không có giá-
trị nữa.

Sự từ chối không cho đăng-ký chỉ
có thể dựa vào việc vi-phạm luật-lệ,
chẳng hạn vi-phạm luật-lệ về lập hội
hay vi-phạm vào những điều-khoản của
sắc-lệnh ngày 12-4-1916.

Đương-sự có thể khởi-tổ vì lý-do
vượt quyền (recours pour excès de pou-
voir) trước Tham-Chính-Viện.

Tiền bảo-chứng mà các hội bảo-hiêm
nhân-thọ và các hội tồn-tích phải đóng,
theo điều 23 sắc-lệnh ngày 12-4-1916
sửa đổi bởi sắc lệnh 22-10-1931, ấn-
định như sau :

— nếu là hội bảo-hiêm nhân-thọ Việt-
Nam : 500.000 quan,

— nếu là hội bảo-hiêm nhân-thọ ngoại-
quốc : 1 triệu quan,

— nếu là hội tồn-tích Việt-Nam :
250.000 quan,

— nếu là hội tồn-tích ngoại-quốc :
1.000.000 quan.

Tiền bảo-chứng sẽ đóng hoặc bằng
tiền mặt, hoặc bằng công-trái, hoặc
bằng những giá-khoán có sự bảo-đảm
của quốc-gia, hoặc bằng những trái-
khoán có thể giao-dịch được và đã đóng
đủ tiền của các tỉnh, thị-xã, phòng
thương-mại.

Đối với hội Việt-Nam, tiền bảo-chứng
sẽ hoàn lại, theo quyết - định của Bộ-
Trưởng Bộ Tài-Chánh, trong hạn 1
tháng kể từ ngày sự đăng-ký được
đăng vào Công-Báo hoặc, nếu là từ
chối không cho đăng-ký, 1 tháng kể từ
ngày đương-sự chịu nhận việc bác đơn
xin đăng-ký hay từ ngày mà Tham-
Chánh - Viện bác đơn khởi - tố của
đương-sự.

Đối với hội ngoại-quốc, nếu được
phép đăng-ký, thì tiền bảo-chứng chỉ
hoàn lại khi nào hội thôi không hoạt-
động ở Việt-Nam nữa. Nếu không được
phép đăng-ký thì tiền bảo-chứng sẽ hoàn
lại trong 1 tháng kể từ ngày tổng-đạt
quyết-định từ chối không cho đăng-ký.

2 — Bảo-hiêm tai nạn xe hơi —
Nghị-định ngày 13-9-35 buộc các chủ xe
hơi dùng vào việc vận-tải công-cộng, phải
bảo-hiêm chiếc xe đó tại một hãng bảo-
hiêm được Chính-Phủ công-nhận, để
bảo-hiêm những tai-nạn xảy ra cho hành-
khách đi xe và cho người đệ tam.

Những hội bảo-hiêm muốn hoạt-động
về ngành bảo-hiêm này, phải xin sự
ưng-thuận của Bộ Tài-Chánh. Đơn xin

ưng-thuận lập-thành 2 bản, một trên giấy có giấn con niêm trước-bạ, phải kèm theo :

— tờ cam-kết lập-thành 2 bản, tuân theo những điều-khoản của nghị-dịnh ngày 13-9-35,

— giấy thỉnh xin Chánh-Phủ chấp-thuận đại-diện của hội ở Việt-Nam được giao-phó điều-khiển riêng công việc bảo-hiêm về xe hơi dùng để chuyên-chở công-cộng và được quyền tiếp-nhận những giấy tờ tổng-dạt hay cung-cấp những tài-liệu cần-thiết,

— 5 bản quy - điều hội, kế - khoán bảo-hiêm, giá-biêu và tất cả những tài-liệu cần thiết,

— bản sao (2 bản) bản tường-trình về hoạt - động của hội trong 3 niên - khóa cuối cùng.

Các hội bảo - hiêm ngoại - quốc phải chứng-minh thêm :

— về những công việc bảo-hiêm này, có trụ-sở riêng ở Việt-Nam và có kế-toán riêng,

— giấy chứng - nhận do cơ-quan có thẩm - quyền cấp, nhận thực là hội đã thành-lập và điều-hành ở nguyên-xứ theo đúng luật-lệ của nước ấy.

Ngoài ra, các hội bảo-hiêm lại phải đóng vào quỹ cung-thác một khoản tiền bảo-chứng mới được ưng-nhận.

Tiền bảo-chứng ấn-dịnh là 50.000\$, tùy theo số tiền phí bảo-hiêm hay tiền đóng góp thu được trong năm về ngành bảo-hiêm này, sẽ thêm 25% tính vào phần phí bảo-hiêm hay tiền góp từ 1 đến 100.000\$ và 10% phần phí bảo-hiêm hay tiền góp trên 100.000\$.

Tiền bảo-chứng sẽ ấn - định lại mỗi năm một lần vào tháng năm, căn-cứ số

tiền phí bảo - hiêm hay tiền đóng góp đã thu được trong năm vừa qua.

Tiền bảo - chứng sẽ đóng bằng tiền mặt hay bằng giá-khoán mà danh-sách được định ở điều 11 nghị - định ngày 13-9-35.

Bất cứ lúc nào, sự ưng-nhận cũng có thể thu-hồi được, sau khi hội được báo giải-thích trong hạn một tháng.

C — Kiểm-soát trong khi điều-hành :

1 — Chiếu điều 15 sắc-lệnh ngày 7-11-1922, trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày tường-trình trước đại-hội về tình-hình của hội năm qua, các hội bảo-hiêm phải đăng vào một tờ nhật-báo được phép đăng những bố-cáo pháp-dịnh bản tổng - kết đối-chiếu và mục lỗ - lãi. Một tờ báo này có thị-thực và trước-bạ phải gửi đến Bộ Tài-Chánh.

2 — Chiếu điều 10 sắc-lệnh ngày 12-4-1916, hội bảo-hiêm nhân-thọ và hội tồn-tích phải gửi đến Bộ Tài-Chánh và phòng lục-sự Tòa-Án Sơ-Thâm và Tòa Thương-Mại Sài-gon một tờ tường-trình thường niên về hoạt-động của hội kèm theo các bản phụ-đính.

Các hội lại còn phải gửi đến Bộ Tài-Chánh bất cứ lúc nào và trong thời-hạn do Bộ định, tất cả những tài-liệu cần-thiết.

Bộ Tài-Chánh có thể cử người đến xem xét sổ sách của hội bất cứ lúc nào.

3 — Chiếu điều 12 nghị-dịnh ngày 13-9-35, hội bảo-hiêm hoạt-động về ngành bảo-hiêm xe hơi dùng để chuyên chở công-cộng phải gửi đến Bộ Tài-Chánh :

— trong hạn 4 tháng kể từ ngày kết-hức niên-khoá : một bản-kê từng niên-khoá một, những tai-nạn đã xảy ra ở Việt-Nam và đã khai với hội,

— một bản-kê từng niên-khoá một, những tai-nạn đã thanh-toán xong trong niên-khoá,

— tổng-số tiền phí bảo-hiêm đã thu trong niên-khoá cuối,

— trong hạn 6 tháng kể từ ngày kết-thức niên-khoá : một bản tường-trình về hoạt-dộng của hội trong niên-khoá vừa qua kèm theo bản tổng-kết đối chiếu và mục lỗ-lãi,

— trước ngày 25 mỗi tháng :

— một danh-sách những tai-nạn đã xảy ra trong tháng vừa qua,

— một danh-sách về những tai-nạn đã thanh-toán xong trong tháng vừa qua (kể riêng từng niên-khoá một).

4 — Chiếu điều 2 sắc-lệnh ngày 30-7-1942, đại-diện các hội bảo-hiêm ngoại-quốc ở Việt-Nam phải gửi đến Bộ Tài-Chánh trước ngày 30 tháng sáu mỗi năm một bản tường-trình về những tác-vụ của hội trong niên-khoá vừa qua trong có ghi :

— đối với những tác-vụ bảo-hiêm thẳng :

— tổng-số tiền phí bảo-hiêm đã thu được,

— tổng-số tiền về những tai-họa đã xảy ra.

— Khoản dự-trữ về những rủi-ro có thể xảy ra sau khi kết-thức niên-khoá và khoản dự-trữ về những rủi-ro đã xảy ra còn phải thanh-toán sau khi kết-thức niên-khoá.

Những yếu-tố tích-sản hiện-hữu ở Việt-Nam ngày kết-toán niên-khoá :

— đối với những tác-vụ tái bảo-hiêm :

— Tổng-số phí bảo-hiêm nhận tái bảo-hiêm,

— tổng-số phần phí bảo-hiêm nhượng lại cho hội khác.

Ngoài ra, hội bảo-hiêm lại phải gửi đến Bộ Tài-Chánh trước ngày 1-4 mỗi năm, danh sách những hội nhận tái bảo-hiêm (réassurances) hay hội thu-nhượng (rétrocessionnaires) về những tác-vụ bảo-hiêm trong năm hiện-hành.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-THANH

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được cuốn truyện ngắn « **MƯA Ở ĐỒN** » của **Nguyễn-văn-Long** do tác-giả gửi tặng. Giá 20 \$.

và cuốn :

« **THẾ-GIỚI-SỬ** » lớp Đệ Tứ, của **Cao-hữu-Triêm**, giáo-sư Sử-Địa.

B. K. xin cảm ơn và trân-trọng giới-thiệu cùng bạn đọc.



Trăng

thôn-

dã

Đêm dần xuống êm-êm và dịu-dịu,
Không-gian mờ pha đục một màu sương ;

A...kia rồi !...nhô bóng cuối khu vườn,
Nàng trăng đẹp mỉm-cười nhìn thôn-dã.
Cây sung-sương rung nghìn muôn chiếc lá
Như chào mừng ánh - sáng của trăng trong ;
Lúa reo lên nghiêng - ngã hát quanh đồng,
Sông nhẹ sóng đón trăng vàng ngự xuống.



TRĂNG THÔN-DÃ

Sáng huyền-ảo giữa trời cao vất-vưởng,
Nhìn chung - quanh trăng bỗng nhớ đêm nào,
Có đoàn người chiến-sĩ trải gian-lao,
Mắt sáng-quắc bằng mình vào đêm tối.
Trăng là xuống soi nhanh cho đường lối,
Thương đoàn người vì nước quyết hy-sinh,
Và hôm nay đất Việt nở thanh-bình,
Trăng nghe họ cứ ri lên niềm tin-tưởng.
Khẽ bằng lòng, trăng vui-tươi nhìn xuống :
Trong xóm làng liềng già gạo chày ba.
Người ba miền thân-ái sống chan-hòa,
Cầu vĩ-luyến ven sông đang dựng lại.



Tiếng hát ngân lên ca hò đối-thoại,
Ca vì trăng mà hát cũng vì trăng ;
Thanh-bình ơi ! Thôn-dã tắm trăng vàng
Trong sáng lắm, rớt vàng qua các luống,
Đêm tịch-mịch, trăng lên cao, trăng xuống
Thôn yên lành,

Văng-vẳng liềng hò-mơ :

Hò... ơ... hơ !

« Đồng-Nai uốn-khúc lặng-lờ,

Trăng thanh-bình rọi đôi-bờ ruộng xanh ».

CẨM-VÂN

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne et Lotion

de

PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dân.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn - Phòng Công - Ty
135, Pasteur — SAIGON

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON
29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

- 32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÓN-THÁT-ĐAM

(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

DUNG

VÕ - PHIẾN



RỒI đã sắp tối, buổi lễ vẫn tiếp-tục. Vị sư già vừa quì xuống, Phương nghĩ rằng có lẽ còn lâu. Anh khoanh tay trước

ngực, hích mặt lên và đôi thế đứng cho bớt mỏi...

Bốn chữ « Tam bảo từ tôn » thêu bằng chỉ vàng giăng ngang trước bàn Phật trông vẫn còn rõ. Nhưng những tấm bảng gỗ sơn xanh vẽ hoa sen trắng đóng ở các đầu cột đã mờ mất trong bóng tối. Qua khung cửa sổ anh trông thấy một tàn cây sột-soạt đen-thui, và một khoảng trời xấu-xí có nhiều vệt mây đen lem-luốc to-tướng đứng trên một chỗ hàng năm bảy phút liền. Phương nhìn ra ngoài trời một lát, tiếng tụng kinh của nhà sư nghe nhỏ dần, nhỏ dần, rồi lạc ra ngoài tai anh. Tự-nhiên Phương nghĩ đến bốn câu ca-dao ngộ-ngĩnh :

*Con kiến mày leo cành đào
Leo phải cành cộc leo vào leo ra
Con kiến mày leo cành đa
Leo phải cành cộc leo ra leo vào.*

Bốn câu lục - bát cứ quanh đi quẩn lại trong trí Phương, bắt anh đọc thầm

mãi không dứt. Y như có cây kim chạy mãi trên một đường của cái đĩa hát đã hỏng, lặp lại một câu hát đến mấy chục vòng mà không có ai ngừng cái máy hát hộ cho. Trong khi đó cái cảm-giác buồn-khò rung-rung trong lòng suốt buổi chiều vẫn y-nguyên, không nhòa một chút nào.

Chợt Phương để ý thấy người đàn ông đứng phía bên tả xích sát lại bên anh, và một mùi mồ hôi nồng-nàn phất nhẹ lên mũi. Chính cái mùi mồ - hôi ấy đã lôi anh ra khỏi bốn câu ca - dao, Anh nhích một tí sang bên trái, và để ý thấy ánh đèn ở bàn Phật loé một lần sáng trên mặt gương của tấm hình treo trên tường, gần bên chỗ anh đang đứng. Nét vẽ trên tấm hình trông không rõ nữa, nhưng Phương vẫn còn nhớ tất cả những tấm hình đã trông qua lúc mới bước vào chùa. Bức hình lớn đằng xa kia vẽ Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta bước vào phòng thiền và một lần cuối cùng trước khi từ-gia kinh-thành ra đi. Trong phòng không có ngọn đèn nào, người đàn bà nằm ngủ tiê-tiếp dưới ánh-sáng của ban ngày. Tiếp theo đó là hình vẽ đức Phật trầm-tư dưới gốc bồ-đề. Rồi trên tấm hình loé sáng này là Thái-tử đưa lưới gươm tự

cắt món tóc trên đầu mình trong lúc hai kẻ gia-nhân đang xuống ngựa quì trước mặt xin rước người về. Mới nhìn lần đầu vào bức tranh này Phương đã chú-đến hai cánh tay của đức Phật. Và cho đến bây giờ, mỗi lần quay về phía ấy là anh lại nhớ đến hai cánh tay mềm-mại tròn nung-núc và đỏ hồng-hồng, hai cánh tay con gái hết sức đẹp. Trông thấy cánh tay ấy quơ lên, chỉ có thể nghĩ là trong một điệu múa, có ai ngờ là vùng guơm trong một cử-chỉ dứt-khoát, đoạn-tuyệt với cõi đời phàm-tục.

Một kỷ-niệm thoáng qua trí Phương, anh thấy đau thắt trong lòng rất khó chịu. Anh nhất định không ngừng lại lâu ở cái kỷ - niệm ấy, nhưng vẫn không sao tránh khỏi sự ám-ảnh : cứ lâu lâu anh lại vô tình quay lại về phía tấm hình đức Phật một lần. Và anh lại nhớ đến Dung. Anh nghe như ngoài vườn đang vang lên tiếng con ngỗng hôm nọ kêu cạc-cạc, đi núc-ních, quơ cái cò dài lơ-ngơ, khi anh đi ngang nhà Dung. Hôm ấy anh nhìn qua cửa sổ, thấy Dung đang chải tóc, mặc chiếc áo cánh trắng, để trần hai cánh tay. Hôm ấy mới cách hôm nay có một tuần lễ. Hình ảnh còn rõ-rệt quá. Tiếng con ngỗng kêu, mùi lá ướm của bờ rào chè răng cưa, mùi lá mục, đất ẩm bên đường đi, hình chiếc áo căng-thẳng ở sau lưng và những nét dun lại trên vai áo của Dung khi hai tay vươn lên đầu chải tóc... tất cả, anh vụt thấy, nghe, ngửi lại được tất cả buổi mai hôm đó.

Trước bàn thờ Phật, tiếng nhà sư vừa cất lên cao, có nhiều tiếng phụ-họa. Cái đầu tóc bạc lốm-dốm ở ngay trước Phương cúi gục xuống đôi ba lần. Phương cũng bắt chước cúi đầu theo. Rồi tiếng đọc kinh hạ xuống, trở lại giọng đều-

đều. Ý nghĩ của Phương lại lạc dần ra khỏi nhà chùa, và trong một thoáng hai cánh tay hôm nọ lại lướt qua trí anh làm anh đau thắt trong lòng.

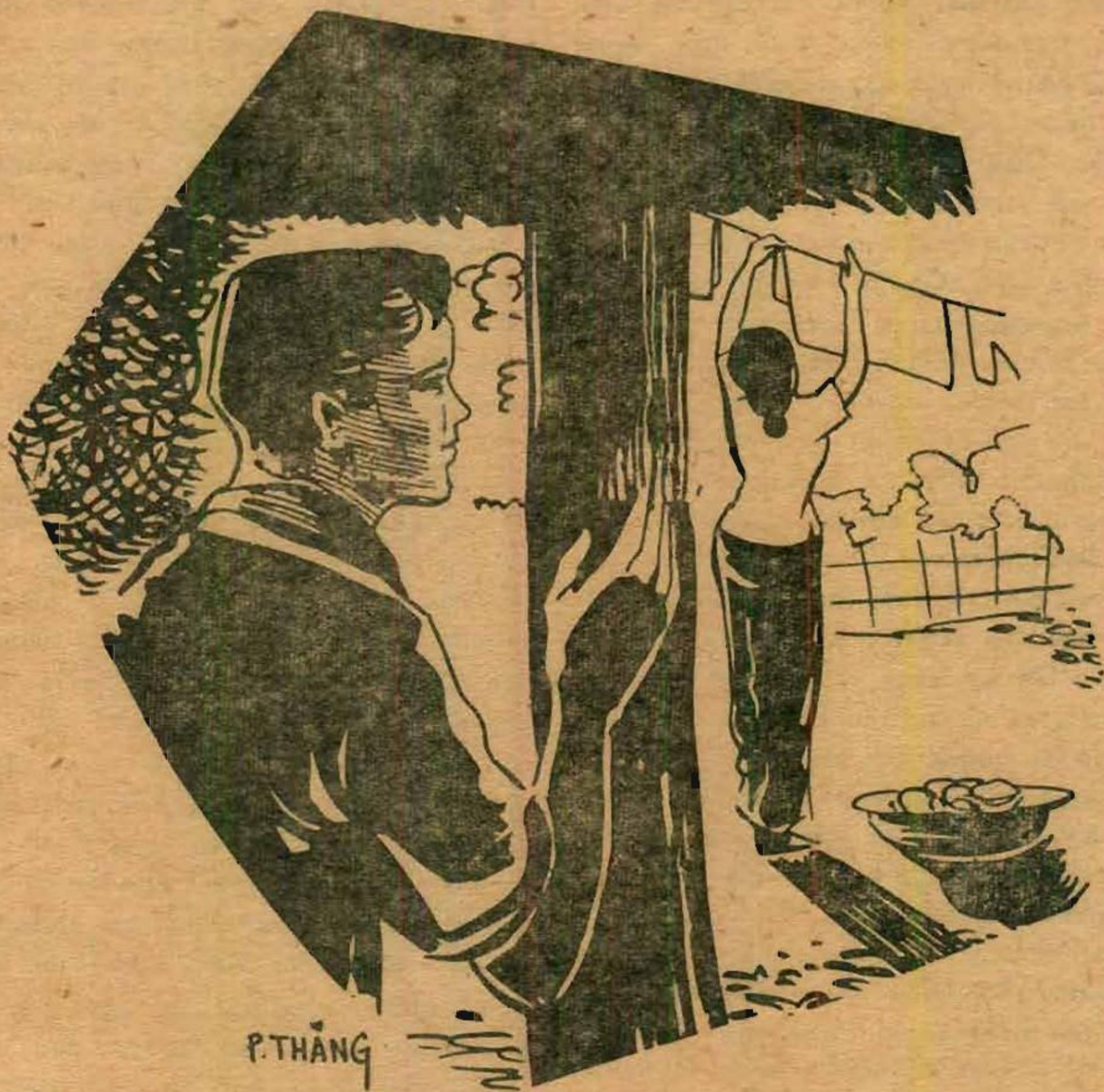
Phương nghĩ rằng dáng - điệu và vẻ mặt của mình lúc này hẳn là cũng nghiêm-trang, thản-nhiên, vô-sự như mọi người. Và anh tưởng-tượng cái kỷ-niệm kia lâu lâu phát lại giống như một làn khói hương thỉnh - thoảng phất qua mũi pho tượng Phật từ-bi thản-nhiên ngồi trên bệ.

Lúc buổi lễ dứt thì bên ngoài trời đã tối hẳn. Anh bước theo mọi người ra khỏi chùa. Giá lạnh, trời mưa lẩn-tẩn. Buổi lễ cầu quốc-thái dân-an hôm nay, đồng-bào và binh-sĩ lại đi dự đông hơn công - chức. Phương ngừng xe đạp nép sang một bên còng, tránh cho bốn, năm chiếc xe « díp » nhà binh đi qua, anh có ý chờ một anh em bạn cùng sở đề rủ đi dạo chơi một lát, nhưng không gặp được ai cả. Phương đành lên xe đạp chậm-chậm về nhà.

Phương không quen có những dáng-diệu thờ - thẩn, uể - oải. Từ ngày thôi học ra làm việc xã-hội đến giờ, anh vẫn giữ được cái vẻ nhanh-nhẹn hồn-nhiên của một học-sinh. Lần đầu tiên, một cảm-giác buồn tê-mê theo đuổi anh suốt mấy ngày liền, không thể đuổi thoát. Ngồi trên xe đạp, đưa mắt ra hứng những giọt mưa li-ti rơi lún-phún, Phương lại có ý - nghĩ rằng nét mặt mình lúc này tê-dại hẳn đi, không biểu-thị chút gì về băn-khoăn khổ-sở trong lòng cả.

Và anh lại tưởng-tượng đến làn khói hương thỉnh-thoảng phất qua mũi pho tượng Phật từ-bi có vẻ mặt bình-thản.





Cách đây mười bảy tháng, khi anh về ở Qui-nhơn thì thành-phố còn hoang-vắng. Xe nhà binh chạy trên đường Phan-bội-Châu, trên đường Tăng-bạt-Hồ... như chạy trên những con đường chiến-lược vừa bị oanh-tạc. Đường Võ-Tánh rộng thênh-thang, hai bên không còn lại một mái ngói. Nhiều ngôi nhà tranh lụp-xụp dựng qua-quýt bên đường như những cái quán nghèo đói nước bán kẹo trong làng nhỏ. Trong số

đó có những ngôi nhà không chủ, do những cán-bộ cộng-sản vừa xây-dựng xong thì bị rút đi tập-kết. Phương đã nhanh chân chiếm-cứ một cái nhà ấy. Gia-đình anh có tất cả bốn người : bà mẹ già, cô em gái mười bốn tuổi, đứa em trai bảy tuổi, và anh. Trước kia cả nhà sống ở Tuy-phước, có ít ruộng làm ăn bằng nghề nông. Nhưng trước đình-chiến một năm, vào mùa đông, trong kỳ thanh-thu thuế nông-nghiệp, thầy Phương bị xi-

vả trước nhà hội và bị đội đá quý một ngày. Sau đó, nộp xong thuế, ông được tha về nhà. Nhưng ông lạng-lẽ tuyệt-thực cho đến chết. Thầy anh tính trầm-tĩnh, ít nói. Ông không chịu cực-nhục được nữa, mà cũng không thể kêu van. Ông chọn một giải-pháp can-dảm, nhưng thái-độ thực là giản-dị. Cho đến những ngày cuối cùng ông cũng không để cho vợ con biết mình cố-tâm tìm cái chết. Ngay đến mẹ Phương cũng cứ tưởng là chứng hen của ông năm nay trở nặng hơn các năm trên và định-ninh rằng ông không ăn được là vì bệnh. Cho đến khi nói câu từ biệt ông mới bộc-lộ tâm-sự. Về sau, cán bộ cộng-sản biết được thái-độ của ông, càng theo-dõi bao vây ráo-riết gia-đình Phương. Nhiều lần họ mang câu chuyện của thầy Phương ra mà tra-vấn Phương, hỏi vặn đi vặn lại, nhưng anh một mực chối dài. Sau hiệp-định Giơ-neo, nhiều lần cán-bộ đến nhà anh thăm-dò ý-kiến, anh vờ bảo rằng nếu không bận-bịu mẹ già và em bé thì anh không ao-ước gì hơn là được theo bộ-đội ra Bắc. Họ khuyên anh ở lại nên mềm-dẻo khôn-khéo với « đối-phương ». Còn hai tháng nữa thì mãn thời-hạn tập-kết cuối-cùng, đột-nhiên họ cho người đến tỏ-ý muốn mời anh đi tập-kết. Phương hoảng-hốt, bỏ nhà cửa, mang cả gia-đình xuống ở Qui-nhơn. Anh nghĩ rằng ở thôn-quê hẻo-lánh, trong những ngày lộn-xộn cuối cùng họ có thể hoặc bắt cóc anh, hoặc âm-thăm thủ-tiêu anh để khỏi sợ về sau anh quay lại trả thù cho cha. Nếu anh đến Qui-nhơn ở gần bên Ủy-Hội Quốc-Tế thì đỡ sợ những hành-động táo-bạo của họ.

Tuy vậy, xuống đến Qui-nhơn, anh cũng vẫn không yên-dạ. Từ đầu tháng năm dương-lịch, mẹ anh lo-lắng không ăn

được cơm. Đêm đến, hai mẹ con thấp-thỏm. Nhiều khi đang khuya, thức giấc dậy nghe có tiếng chân người ngoài đường, Phương hồi-hộp sợ-hãi không ngủ được suốt đôi ba tiếng đồng-hồ, nằm nghĩ vơ-vẩn. Ở khu phố xa hay những làng kế-cận, rập-rình tiếng trống của những cuộc liên-hoan, của các buổi sinh-hoạt văn-ngệ do những đơn-vị quân-đội cộng-sản tổ-chức trước khi xuống tàu. Khuya lắm, gió vẫn hắt lại từng hồi trống và tiếng reo-hò. Gió thổi lá cây chạy trên đường rền-rệt. Tiếng gió thổi lộng giữa đường vắng, giữa trời rộng, tự-nhiên làm cho Phương thấy nôn ruột. Nhiều lúc anh tưởng-tượng một tên công-an cộng-sản đến gõ cửa, dẫn anh ra đi giữa đêm khuya, trong tiếng gió vù-vù ! Đã bao lâu sống trong vòng vây của xã-hội cộng-sản, dưới con mắt kiểm-soát khắt-khe của họ, Phương vẫn bình-tĩnh. Nhưng lúc này, ngày giải-thoát đang bước đến từng bước một, tự nhiên anh run lo cuống-quýt. Anh không thể chịu được những cảm-giác hồi-hộp của các đêm chờ đợi. Ban ngày, dưới ánh sáng quang-đáng mới lo tiêu-tán đi. Nhưng đêm đến là lại bối-rối. Chưa bao giờ anh tự thấy bơ-vơ, bất-lực như lúc này. Anh nhớ lại thái-độ trầm-tĩnh vững-vàng của thầy anh lúc sinh-thời, và thấy mình bé-bỏ quá. Còn một tuần sau cùng, mỗi đêm anh chỉ ngủ ở nhà một nửa, còn nửa đêm nữa thì tìm nơi ẩn-trốn. Có khi anh đến các nhà quen biết chơi đến một hai giờ sáng mới về, rón-rén vào ngủ. Có khi đang ngủ ở nhà, giữa khuya anh thức dậy ra nằm ngoài bãi cát.

Cứ như thế, đêm nào anh cũng đòi chỗ đôi ba lượt. Giấc ngủ chập-chờn, đầy mộng-mị...

Cho đến hôm đó là đêm 16 tháng 5. Chỉ còn có ba ngày nữa. Lúc ấy độ mười một giờ đêm. Phương đang nằm ở nhà. Trong nhà đèn tắt tối-om, mọi người im thin-thít, nhưng Phương biết mẹ chưa ngủ, và mẹ anh nằm ở buồng trong với cô em gái cũng biết Phương còn thức. Giường anh nằm đặt bên hai chiếc cửa sò, một ở phía dưới chân, và một ở bên tay phải. Ở phía chân anh là cái cửa sò ngó ra đường lớn, đóng kín cẩn-thận. Còn cái cửa bên phải thì để mở: phía đó có một con đường hẻm rộng một thước tây, ngăn-cách nhà Phương với nhà người láng giềng. Phương gập đôi chiếc gối lại, kê đầu cho cao, nhìn ra ngoài trời. Anh trông thấy mái rạ đen của nhà bên cạnh cắt một đường đậm rẽ lên trên nền trời, thấy năm bảy ngôi sao nhấp-náy, và một nhánh cây trướng-cá lắc-lư theo gió.

Giáp vách nhà anh, phía trái là gia-đình một người thợ rèn. Hai vợ chồng vừa đánh nhau huỳnh-huỵch ban chiều. Người chồng bỏ đi đâu chưa thấy về. Chị vợ ôm con ngủ trên vóng. Thình-thoảng chị ta đập tổng vào vách nhà Phương để đưa vóng. Phương thấy cả nhà mình rung-rinh.

Phương nằm im-lặng, tưởng-tượng những hoạt-động đang tiến-hành âm-thầm chung quanh anh, nhằm giải-quyết số phận anh một cách lạnh-lùng và tàn-nhẫn. Sau khi gia-đình anh vụt trốn đi, hẳn là cán-bộ thôn đã báo lên xã, ủy-ban xã và chi-bộ xã đã trình lên huyện.

Công-an huyện chắc-chắn đến hôm nay đã báo-cáo lên tỉnh rồi. Và công-an tỉnh chắc là đã bủa-vây một cái lưới rộng lớn để đón anh. Có lẽ nào đến nay mà họ chưa biết mẹ con anh ở đây với việc anh trốn lệnh tập-kết ở Tuy-phước? Người thợ rèn láng-giềng đáng-bộ làm-lỳ cả ngày, rất có thể là một đảng-viên. Nhất định là người ta đã bố-trí hẳn theo-dõi anh. Có lẽ họ chưa hạ-thủ, vì bắt cóc anh đi sớm quá thì mẹ và em anh có thể liệu chạy đến nhờ tổ quốc-tể can-thiệp kịp thời, bắt trả anh lại. Họ sẽ để đến ngày cuối cùng, bắt xong là mang đi ngay, không thể làm gì kịp nữa. Cuối cùng là đêm nay hay đêm mai chăng? Nếu họ đến lúc này thì anh làm thế nào? Cầm đầu chạy liệu hay đi hai ba chục thước, chờ họ bắn một phát đạn vào lưng rồi ngã xuống cho họ vô lấy chăng? Hay là đường-hoàng chào mẹ anh, em gái anh, hôn đưa em trai nhỏ, rồi mang cái mui-dét quần áo đi theo họ? Anh nhìn thấy dáng mình làm-lủi đi trước, tên công-an theo sau. Đường phố vắng-vẽ tối-đen. Gió thổi tạt vào mặt. Anh khom người lại. Một vài nhà bên đường còn lóe những làn ánh-sáng qua khe cửa. Nhưng mọi người đều yên-lặng, không có một cái mặt nào ló ra khỏi nhà nhìn thấy anh đi.

Bàn tay phải của Phương mân-mê cây song cửa lạnh ngắt. Mặt ngửa lên nhìn sững trân-trân ngoài trời như ngây-dại. Chiếc gối bên kê dưới đầu tiết ra một mùi i-i lạnh-lạnh lẫn với mùi sương đêm từ ngoài cửa phất vào...

Bỗng Phương nghe có tiếng chân bước nhẹ-nhàng ngoài đường cái, trước mặt nhà. Tiếng chân ngập-ngừng khác thường.

Phương giật mình. Anh nắm chặt cây song sắt trong tay, nắm im-lặng.

Tiếng chân tiến thẳng đến trước cửa nhà anh. Đầu mũi guốc va nhẹ vào tấm cửa kêu đánh-cụp. Nửa phút rồi, vẫn không nghe tiếng gõ cửa. Nhưng cánh cửa nhún « rắc-rắc » rất khẽ : rõ ràng người ta đang xô thử. Trống ngực Phương đánh đồn-dập, hơi thở tắc-ngẽn lại.

Tiếng chân lại lui ra mấy bước. Không biết đã qua bao nhiêu phút. Lúc này Phương không còn ước-lượng được thời-gian. Phương bị treo lơ-lửng trong một cơn chờ đợi hồi-hộp quá sức. Rồi anh lại nghe cánh cửa sồ dưới chân bị một sức ấn mạnh, nhún kèn-kẹt. Anh biết cửa đóng kỹ, không thể bật được.

Phương cũng không kịp suy-nghĩ, đoán xem ý-dịnh của người ngoài cửa. Nhiều ý-tưởng lộn-xộn vụt thoáng qua trí anh. Chợt anh giật mình hoảng-hốt : nếu người anh ấy vòng về phía tay mặt đi lẫn tới trước cái cửa sồ bở trống này mà nhìn vào ? Anh trở mình một cái, lệ-làng trụt xuống khỏi giường. Chiếc giường tre nghiêng vang lên kèn-kẹt làm cho anh cuống-cuồng. Anh vội-vàng, lướt đi nhẹ-nhàng vào buồng mẹ.

Anh sờ vào vai mẹ, ghé miệng sát tai để nói :

— Có người rình trước nhà.

Mẹ anh ngồi sững im lặng. Phương cố trấn-tĩnh, kéo mẹ đứng dậy, bảo :

— Mẹ ra giường ngoài coi họ định làm gì. Nếu họ có kêu cửa thì mẹ ra mặt. Giọng mẹ anh thều-thào :

— Còn con ?

— Mẹ cứ nói đêm nay con không có ở nhà. Con sẽ thoát ra ngõ sau.

Phương đẩy mẹ đi ra ngoài nhà. Anh lần mò xuống đứng nép bên cửa nhà sau. Anh chợt nghĩ rằng có thể bên ngoài cánh cửa này cũng đang có một người khác đứng rình. Anh không dám động vào then cửa.

Anh đứng nép vào vách một lát lâu. Tự-nhiên anh để ý thấy mình thoát khỏi những cảm-giác hồi-hộp không biết tự bao giờ : anh bắt đầu để ý đến tiếng đưa vồng của chị thợ rèn bên cạnh và tiếng dế kêu từng hồi sau nhà. Thành-linh Phương nghe tiếng mẹ anh hỏi :

— Ai đó ?

Không có tiếng đáp lại. Tiếng vồng của chị thợ rèn vẫn kèn-kẹt đều đều. Mẹ anh mở mạnh cánh cửa sồ và lại hỏi, lần này đồng-dục, mạnh-bạo hẳn lên :

— Này ! Ai đó ? Cô muốn hỏi ai ?

Phương thò ra khoan-khoái, rồi tấm vách tiến thẳng ra nhà trước. Mẹ anh đang rút then mở toát cái cửa giữa. Hai mẹ con bước ra ngoài hè. Một cái bóng đen, một người đàn-bà mặc áo dài đen, đội nón, đang lật-đật bước đi trốn, cách nhà chừng một trăm thước. Phương hỏi : « Con gái hả mẹ ? »

— Ừ. Mẹ thấy tóc kẹp. Không biết cô ta định tìm gì mà có ý-dịnh nhìn vào cửa sồ. Vừa thoáng thấy có người trong nhà cô ta giật mình lui ngay.

Những câu nói ấy người con gái có thể nghe được. Cô ta đi chậm lại, ngập-ngừng, rồi quyết-dịnh dừng hẳn lại. Cuối cùng, cô quay mặt, thông-thả tiến về phía mẹ con Phương. Cô ta lấy chiếc nón xuống, xách lưng-lẳng. Phương thấy một khuôn mặt thật trắng, hai mắt tròn mở to, ngược lên nhìn mẹ anh. Cô ta hỏi :

— Thưa bác, bác vừa mới đến ở đây ?

— Cô hỏi nhà ai ?

Người con gái im-lặng một lát, nhưng khi lên tiếng nói thì giọng rất bình-tĩnh :

— Thưa bác, trước gia-dình cháu ở nhà này... Cháu đi vắng ít lâu. Có lẽ nay gia-dình đã dọn đi nơi khác.

Mẹ Phương mời cô chủ nhà bắt ngõ ấy vào nhà. Phương lấy diêm thắp đèn. Cảm-trưởng đầu tiên của anh khi nhìn thấy người con gái ấy như thế nào, bây giờ không còn nhớ rõ được nữa : có lẽ lúc đó tâm-trí anh chỉ bận-rộn về cái ánh sáng bất-đắc-dĩ phải có trong gian nhà vào một giờ khuya-khoắt, anh đang lúng-túng mong tắt ngay ánh đèn để lại được im-lặng nằm trong bóng tối. Trong sự bối-rối lộn-xộn, anh đã đề ý đến cái vẻ thanh-sạch trên nét mặt Dung, đến cặp mắt đen mở to, đến cái nhìn chân-thật, tin-cần gần như ngây-thơ của Dung, anh đã đề ý đến những cái ấy lúc nào ? Anh không nhớ nữa.

Dung ở lại nhà anh hai đêm và một ngày. Lúc ấy Phương ít khi có mặt tại nhà. Còn giữa mẹ và em anh với Dung có sự dè-dặt, giữ-gìn, xét, nét nhau từng li từng tí.

Khi chính-quyền quốc-gia đã đến tiếp-thu, mọi việc đã yên-xuôi, gia-dình anh trong những lúc rảnh-rỗi, khoan-khoái nhắc lại chuyện cũ. Ai nấy đều suy-nghĩ về tung-tích lạ-lùng của Dung. Mọi người đồng-ý quả-quyết rằng Dung đã nói dối : gia-dình cô ta không từng ở ngôi nhà này. Thái-độ ngập-ngừng lén-lút của cô khi loanh-quanh rờ-rẫm các cánh cửa mà không dám gõ cửa, thái-độ ấy không phải của một người chủ nhà. Thế nhưng tại sao Dung biết đích rằng mẹ con Phương

mới dọn đến ở. Nguyệt, cô em gái của Phương, lại kể rằng trong ngày hôm sau Dung có ý lục-soát tìm kiếm một cái gì khắp nhà. Dung thạo hết mọi xó-xỉnh trong nhà. Lấy cờ quét dọn, Dung cố ý xua ngọn chổi lách vào dưới đáy thùng chứa gạo để mong khều ra một cái gì. Dung sắp lại chồng sách báo trên bàn, lật đi lật lại từng quyển một. Dung xốc cả đồng củi trong bếp để tìm tòi. Đến chiều tối, cô có vẻ thất-vọng ra mặt.

Nhưng ngày 19 tháng 5 đã qua êm-thắm. Ngày nay cả nhà Phương còn ở lại miền Nam yên-lành thì Dung đâu là người thế nào cũng không quan-hệ gì nữa. Tất cả sự bàn-tán có vẻ là câu chuyện của những học-sinh vừa thi đậu kể lại kỷ-niệm các năm vừa qua.

Bây giờ Phương đã làm một cán-bộ hành-chánh trong chính-quyền mới. Anh gặp Tính, một người bạn học cũ, cùng làm việc ở một cơ quan. Tính mới dời đến Qui-nhon, chưa có nhà trọ. Phương rủ bạn cùng về ở nhà mình.

Một đêm, hai người cùng nằm trên chiếc giường tre của Phương. Bên ngoài trăng thág tám sáng vàng-vặc. Đã khuya mà Phương cứ thao-thức mãi không ngủ được. Anh sức nhớ ban chiều có uống một tách trà quá đậm. Bên cạnh, Tính thở đều đều. Đêm nào cũng đến 9 giờ là Tính lên giường ngủ, đúng-dắn như một cái đồng-hồ. Tính săn-sóc rất cần-thận miếng ăn giấc ngủ, nhưng lại rất dễ thức. Từ đầu hôm đến giờ, Phương đề ý thấy anh đã giật mình thức giấc hai ba lần vì tiếng chuột cắn nhau. Lần này lại vừa có tiếng chuột cắn chí-choé và chạy rột-rột trong ruột cây tre đòn tay. Hình như chúng giành nhau xé

một mớ giấy nhét trên mái tranh. Phương sức nhớ đã mấy lần sáng dậy anh thấy rớt trên người, trên giường những mảnh giấy vụn. Phương rón-rén đứng dậy, rướn người lên, vúi lấy một cây đòn tay. Ba con chuột bằng ba hột mít từ trong ruột cây quyết phóng ra, chạy. Phương thò tay vào và rút một tập vở không có bìa, đã rách mất non nửa. Anh giờ đầu chiếu lên, trái quyền vờ trên giường đè lại.

Phương gấp chiếc gối lại làm đôi kê đầu cho cao, nhìn trời qua cửa sổ. Mùi sương ướt lạnh-lạnh lại phất nhẹ qua mũi. Phương bồi-hồi nhớ lại đêm nào anh thao-thức nằm norm-nớp lắng nghe sự động-tĩnh của những hoạt-động công-an cộng-sản âm-thầm bủa vây xung quanh mình...

Trưa hôm sau, nhân giờ mép chiếu lên đề tìm bao thuốc, Phương trông thấy quyền vờ. Anh sức nhớ lại, cầm lên xem. Đó là một quyền nhật-ký đã mất đầu mất đuôi. Phương mở ra đọc. Bên cạnh anh, Tính nằm ngủ trưa.

...Cặp mắt kia có vẻ là một cặp sinh-vật nhỏ bé tự chúng có cá-tính, có đời sống biệt-lập, chứ không phải chỉ là một bộ-phận trong thân-thể của người ấy. Tôi thành-thật nói rằng chiều hôm qua khi tôi bắt gặp cặp mắt kia từ trong góc phòng hội-ng nghị nhắm vào tôi thì tôi chỉ bị cặp mắt lấn-công, quấy-phá, làm cho tôi bối-rối, điêu-đứng mà thôi chứ tôi không hề để ý đến chủ-nhân chút nào.

Cho đến nay tôi mới biết đến khả-năng của một cặp mắt. Tôi không hề trông thấy anh chàng đó. Anh ta ngồi tận cuối phòng, khuất người sau đám

đông. Rõ-ràng những cảm-xúc của tôi chỉ do một cặp mắt mà chẳng do một người đàn ông nào cả. Tôi nghĩ nếu bộ-phận lộ ra là một cái chân, một ngón tay, một cái mũi, một cái miệng v...v...thì chẳng có nghĩa lý gì. Thế mà một cặp mắt thì lại là tất cả.

15 tháng 7 năm 1953. — Hôm nay hán ta lại đến lân-la trò chuyện. Tôi đã sắp quên bằng cặp mắt của hán, thì hán lại vừa đến. Bây giờ tôi xác-định một lần nữa rằng vẫn chỉ có cặp mắt hôm nọ tình-cờ làm xao-xuyến tôi mà thôi. Nói chuyện với hán tôi thấy lại y nguyên con người tâm-thường, gần thô-tục, như tôi đã biết hán từ hồi nhỏ tới lớn.

Thực là rủi-ro cho hán. Nếu hán muốn đề trong tâm-trí tôi một tí mỹ-cảm nào thì lẽ ra hán nên tránh biệt tôi sau cuộc hội-ng nghị hôm nọ.

Thực-tình vừa nghĩ tới cặp mắt hôm nọ, tôi thấy còn một cảm-tình đặc-biệt đối với cặp sinh-vật bé-bỏ, rụt-rè và tha-thiết ấy. (Có lẽ tôi không được can-dảm. Đáng lẽ phải nói có cảm-tình với một thái-độ yêu-đương rụt-rè mà tha-thiết.) Nhưng hôm nay tiếp-xúc với con người tâm-thường của hán thì hết cả.

Rốt cuộc hán không đáng làm cho tôi bận-tâm nữa. Viết chừng này chữ về hán cũng đã là nhiều lắm rồi. Anh Mân ạ! Mai này em đi tiếp - tế cho anh. Em gửi cho anh một cái nón lá, một cái áo sơ-mi, và năm trăm đồng bạc. Không biết lần này cảnh-vệ có nhận đồ ăn không, em vẫn cứ đem một ít theo. Ngày mai là đúng sáu tháng anh bị tập-trung. Kỷ-niệm nửa năm ly-biệt của chúng ta. Em không quên hình

dáng anh, từ cái diềm đen trên chiếc
răng cửa sâu ăn cho đến cái nốt ruồi
ở đầu ngón tay trỏ của anh. Không
có biến-cố nào trong đời làm em quên
anh được,

20 tháng 7 năm 1953.— Lần này
anh Mân bị tập-trung lâu hơn các lần
trước. Đây là lần thứ tư. Kỳ tập-
trung thứ hai anh xa em năm tháng.
Còn những kỳ khác đều từ ba tháng
trở xuống. Sao anh ít viết thư...

(Rách mất một phần ba tờ giấy).

... Không những hấn ta tâm-thường,
thô-tục, hấn lại có cái tính bủn-xỉn, keo-
cú rất khó dung-thứ ở một người con
trai. Người ta có thể thô-bạo một cách
đẹp-đẽ. Nhưng keo-cú nhỏ mọn là một
tính làm tổn - thương đến mỹ-thuật rất
nhiều. Cử-chỉ của hấn không đẹp một
tí nào.

Ban chiều, tôi và mẹ con dì Năm
đi xem con heo định mua ở xóm dưới,
khi về ghé lại nhà hấn thăm cô em
gái hấn bị đau thương-hàn. Hấn tiếp-
dón niềm-nở quăn-quít. Hấn sai đi mua
một gói kẹo và gọi pha trà. Tôi đề ý
đến cử-chỉ hấn, biết ngay rằng đây là
một quyết-định phi-thường quan-trọng.
Hấn cầm từng cái kẹo, xem qua xem
lại rồi dứt tận miệng cho con bé Hoa,
con của dì Năm. Hấn chăm-chú nhìn
con bé Hoa nhai kẹo. như lo-ngại thăm
dò trên vẻ mặt con bé cái cảm-tưởng
đối với miếng kẹo. Hấn nhồm lên, ngồi
xuống, mời đi mời lại chúng tôi mãi,
thật là khàn - khoản. Hấn nghiêng đầu
cắn cái kẹo, và phê-bình tỉ - mỉ, phàn-
nàn chất đường nấu chưa tới. Tôi không
hề mỉm cười để chế-nhạo hấn. Nhưng
tôi lấy làm lạ rằng thái-độ thản-nhiên



đến lạnh-lùng của tôi mâu - thuẫn với
vẻ xun-xoe lẫn - quăn của hấn đến thế
mà hấn không nhận thấy dụng - tâm
của tôi.

Khi hấn ngồi yên-tĩnh ở cuối phòng
mà phóng mắt nhìn tôi thì trong lặng-
lẽ hấn có vẻ tế-nhị, mà lúc hấn quỳnh
lên với những cái kẹo quan-trọng của
hấn thì hấn thô-kệch lạ.

Tôi tưởng-tượng lúc về già, bủn-xỉn,
tần-tiền như hấn, chắc hấn sẽ bắt vợ con
may thật nhiều tút con ở bên trong và
ngoài vạt áo để giấu tiền.

2 tháng 8 năm 1953. — Hấn lại đến
nhà tôi lần nữa...

(Rách mất một phần ba tờ giấy).

... được thư anh. Anh viết ngắn và
giản-dị quá. Em biết tính anh không chịu
được một câu văn-hoa, lãng-mạn trên
giấy... Nhưng giọng rần-rời giản-dị quá
dáng này là tự nhiên hay là cố tâm làm
ra thế, hả anh Mân ?

Em đang hình-dung anh và tưởng-tượng
tâm-trạng của anh lúc viết thư cho em đây.

12 tháng 8 năm 1953. — Hấn có vẻ
liều-lĩnh. Trong cái nhìn của hấn, tôi nhận

thấy thỉnh-thoảng cũng có một vẻ liêu như trong cử-chỉ. Mà đáng lẽ tôi không nên nói đến những cái nhìn của hắn nữa. Đã đến lúc mà hoàn-cảnh đơn-chiếc của tôi thành ra một bất-tiện lớn.

Ban chiều, hắn đến nhà tôi tìm chuyện nói. Trời đã chạng-vạng tối mà hắn còn ngồi trong nhà. Tôi lấy bao diêm đề thắp đèn. Tôi quẹt mấy cái không cháy. Hắn lấy bật lửa của hắn ra đánh lửa, cúi xuống châm ngọn đèn. Tôi nghe hơi thở của hắn nóng bên tai. Tim đèn dầu phung bị lạnh, lâu bắt lửa quá, tôi không chịu được cái cảm-giác ấy, thấy bối-rối, và đặt thếp đèn xuống bàn, lui ra một bên.

Đốt xong đèn, hắn ngẩng lên nhìn tôi bằng một cái nhìn tỏ rằng hắn đã hiểu hết ý-tứ của tôi. Tôi khó-chịu và thẹn, tự thấy bỗng-nhiên, lạng-lẽ cùng với hắn ngẫm hiểu riêng một trường-hợp kín-đáo.

Sau đó tôi mãi nghĩ-ngợi, không nói chuyện tự-nhiên với hắn nữa. Hình như hắn có cảm-tưởng rằng chiều nay tôi nao-núng và bối-rối nhiều lắm vì hắn.

20 tháng 8 năm 1953. — Tôi nghĩ người đàn-bà muốn chọn chồng chỉ cần dọn tiếp người đàn ông một bữa cơm là rõ được tính nết. Cách ăn uống cũng biểu-lộ cá-tính như câu vãn hay nước cờ.

Tôi chưa thấy ai có lối ăn uống tàn-bạo và bủn-xỉn như hắn. Tiếc rằng những nết ấy không biểu-lộ trong cặp mắt.

Vừa đối-diện với mâm cơm, bằng một cái liếc rất nhanh, hắn đã định ngay được giá-trị từng món ăn. Và từ đầu đến cuối bữa ăn, hắn tấn-công vào trọng-tâm một cách kiên-nhẫn, tàn-bạo, nhưng khôn-ngoan lạ-kỳ. Có nhiều người đang ăn vút chú-ý đến món mà mình thích nhất, gấp liên-tiếp năm bảy miếng, ăn lia-lịa. Những

người ấy hoặc quá thật-thà, hoặc lơ-đãng; đôi khi lại là những người chăm nói chuyện, mà ít quan-tâm đến việc ăn. Có người gấp quàng-xiêng tùy hứng không suy-nghĩ. Có người tính-toán rất công-bình. Những người già, những người bạc-nhược ăn-uống yếu-đuối thường ngập-ngừng đưa đôi đũa lưỡng-lự giữa mâm. Hạng lớn tuổi có khi tự-do, thân-mật đến lâm-cầm, phóng đôi đũa ra sát mâm rồi mới chọn lựa. Ngọn đũa của thanh-niên quyết-định nhanh-chóng, không dè-dặt. Người tỉ-mỉ hay sửa-soạn, tén-vén kỹ-lưỡng miếng đồ ăn trước khi bung chén lên và mỗi người có một lối ăn. Riêng hắn thì hắn không tham-lam một cách thực-thà, không bao giờ gấp liên-tiếp món ăn ngon nhất. Nhưng hắn không có một phút lơ-đãng. Hắn tính-toán chu-đáo, gấp khám các đĩa, nhưng tổng-kết lại thì thế nào cũng gấp được món ngon nhiều hơn cả. Và hắn theo-dõi ngọn đũa của tất cả các thực-khách, không dung-thứ cho một người nào hơn mình. Hắn cạnh-tranh kín-đáo nhưng ráo-riết. Hắn bức mình nhất là gặp phải một kẻ lơ-đãng. Kẻ lơ-đãng đôi khi thành-linh tấn-công liên-tiếp vào món ăn ngon, như một cua-rơ tự nhiên bút phá làm cho hắn phải ra sức đuổi theo kèm sát. Có đề ý đến thái-độ của hắn trong những trường-hợp này mới thấy hắn khéo-léo thần-tinh. Hắn lăm-lì như không hề quan-tâm chú-ý đến đối-phương, nhưng hắn suy-tính chín-chắn và phản-công trả đũa, chặn-đứng đối-phương rất nhắm-tâm. Bình-thường thì ngọn đũa trí-trá của hắn thu lại đầy ý-thức chuẩn-bị. Rồi đột-nhiên vụt phóng ra nhanh-nhẹn lạnh-lùng như một con cò già lão-luyện phóng mỏ bắt ruồi, trăm lần không sai đích một lần.

Tôi đã thấy những cái liếc trộm lạnh-lẹ của hắn có ý-nghĩa canh giữ phòng-thủ trên mâm cơm, những thủ-đoạn giả-vờ vô-tâm, dăng-trí của hắn, sự chọn-lựa cân-nhắc tỉ-mỉ của hắn v.v.. Nhưng đáng ghét nhất vẫn là đôi đũa và cái miệng hắn. Vì cặp mắt thì chỉ biểu-lộ cái gì hắn muốn biểu-lộ, còn bàn tay và cái miệng thường vô-tình phản-ảnh cả cái phần vô ý-thức mà hắn quên kiểm-soát dấu-diểm. Người ta thấy đôi đũa của hắn dậm lại trong lòng chén như hai cái chân trước của một con ngựa chấp-chới sắp sửa nhảy qua rào, và mép trên của hắn rung nhấp-nháy, lúc nào cũng đang sửa-soạn. Cái bình-tĩnh bề ngoài của hắn mâu-thuẫn với những nét run khe-khe nóng-nảy ở bàn tay, những giậm-giật nhấp-nháy của đôi đũa và mép, những ham muốn tỉ-tiện dồn-ép bên trong.

Tất cả những cái ấy một người đàn-bà đã tự tay làm ra các món ăn và sắp đặt mâm cơm đều có thể nhận thấy. Đàn ông họ coi như những đĩa đồ ăn tự đứng nở ra lộn-xộn tình-cờ trên mặt bàn không do một sự đặt đề bố-trí có ý-thức, nhiều người không đề tâm đến giá-trị của từng món ăn, nên có lẽ họ không hiểu hết ý-nghĩa từng cử-chỉ, thái-độ của các thực-khách.

(Rách độ 10 hàng chữ)

...hội-ngộ. Khung-cảnh một cuộc hội-ngộ thuận-tiện cho hoạt-động bất-chính của hắn. Hắn có thể lẩn-trốn giữa đông không ai để ý, mở một cuộc trêu ghẹo tôi rất dai-dẳng trong sự im lặng. Nói trêu ghẹo không đúng, hắn không có ý ấy. Sự trêu ghẹo không làm cho tôi bối-rối như thế. Hắn thành-thực bày tỏ một yêu-cầu tha-thiết.

Nay tôi không thấy hắn rụt-rè nữa. Chắc là ban đầu tôi đã lầm. Không phải là rụt-rè mà là những trố-tránh rập-rình của một tâm-hồn trí-trá. Lòng tôi lại nhận ra cái liên-quan giữa lối nhìn và cách ăn uống của hắn. Vẫn cái thèm muốn tha-thiết, một sự tấn-công ương-ngạnh rần-rạn, nhưng kín-đáo lặng-lẽ, nhiều thủ-đoạn trố-tránh ấy. Nhưng trong việc này, đối-tượng không phải là một đĩa đồ ăn, mà lại là tôi.

Tôi đang suy-xét hắn, hiểu hắn như hiểu hết ngón cờ của một đối-thủ vào hạng đàn em. Thế mà lạ-lùng, tôi vẫn không đương nổi sức tác-động kỳ-quái của cặp mắt hắn. Những cử-chỉ của hắn trong mâm cơm tự phơi-bày trước sự phê-phán của tôi, chúng không nhắm đôn vào tôi, còn hoạt-động của cặp mắt thì lại không dành cam chịu sự xét-nét của tôi. Chúng trực-tiếp tuyên-bố một thái-độ cuồng-nhiệt đối với tôi. Không có lời nói nào dữ-dội bằng. Sự hiểu biết của tôi không ăn thua. Tôi phải lùi lại, luống-cuống trước một ý-chí mạnh-mẽ.

Tôi cần phải tuyệt-đối dẹp mọi ý-định tò-mò, nhìn thử vào cặp mắt hắn.

20 tháng 10 năm 1953. — Độ này hắn thường đến nhà tôi quá, đến nỗi tôi không còn thấy thế là chướng nữa.

Tôi chỉ ghét cái lối dai-dẳng ương-ngạnh của hắn. Hôm nọ tôi nghe cô em gái của hắn kể chuyện lại rằng có lần một người thợ may khoét khuy cúc áo cho hắn mà khoét dọc, trái với lời hắn căn-dẫn là khoét ngang. Hắn bực-tức hết sức, cho rằng khuy như thế thì về sau càng ngày càng rộng ra và dễ sờ cúc. Hắn phân-nân dai-dẳng đến nỗi cuối cùng người thợ may phải đền cái áo khác

cho hần. Đối với cái áo hần còn bám-riết đến như thế, huống chi đối với một người!

Con mắt của hần biểu-lộ một sự nồng-nhiệt... (Rách nửa tờ giấy)

... trước cái nhìn của hần tự-nhiên tôi thấy mình bé bỏng, ngượng-ngượng...

— 10 tháng 10 năm 1953. — Anh Mân ơi, lần này anh lâu về quá. Má em thỉnh-thoảng nói bóng gió, khuyên em giữ-gìn trong những năm tháng xa anh. Em mặc-cổ và cười thầm. Sự yêu thương của chúng ta hồn-nhiên và giản-dị đến nỗi má em không trông thấy nó mạnh-mẽ vững chắc đến bậc nào.

Em còn nhớ từ hồi chúng ta yêu nhau mà chưa cưới nhau, em thấy cái nhìn của anh hướng về em vẫn có một vẻ gì bình-tĩnh, trung-thực. Đôi khi một lúc lâu, tự-nhiên em cảm thấy như trời đang sáng bỗng sập xuống râm mát, cái nhìn của anh dịu lại và đắm đuối. Nhưng em không bao giờ thấy bị tấn-công, đón chặn, rình-rập, em không bối-rối cuống-quít.

Đối với hần tôi bị dôn vào cái thế một con mồi. Và có khi đành thúc-thủ, mềm-nhũn, cảm thấy mình yếu-đuối bất-lực.

15 tháng 10 năm 1953. — Thừa hôm qua đang nằm một mình, ngủ lơ - lơ, tôi nghe tiếng chân bước vào cửa. Tiếng chân ngừng lại. Tôi biết là hần, hần đang lưỡng - lự. Mà tôi cũng hết sức lúng túng, trí không kịp soát lại sự ăn mặc của mình như thế nào, nhưng biết chắc đang có một chiếc áo lật lên bụng và cái ống quần bên trái bị dôn lên đến đầu gối. Xấu-hổ quá, tôi giả vờ ngủ. Hần không chịu lui ra, mà lặng-lẽ đứng ngắm. Rồi tôi nghe hần nhẹ-nhàng bước lại gần. Cái bóng của hần đã che mắt mắt tôi rồi. Hơi thở tôi dồn-dập. Chắc-chắn là hần đã đoán biết thái-dộ của tôi. Hần ta

cúi xuống, hôn lên mặt tôi. Tôi nằm như chết cứng, nghe thấy mùi tóc với mùi khói thuốc lẫn lộn trên một cái đầu đàn ông. Rồi hần đứng dậy. Nhưng hần vẫn không chịu bước đi. Một lát sau hần lại cúi xuống mặt tôi một lần nữa. Lần này hần áp môi mạnh hơn. Tôi như tê dại cả người, tôi cảm thấy nếu lúc ấy mà ăm-ừ một tiếng hay có một cử-dộng nhỏ chắc là hần sẽ táo-bạo hơn.

Khi hần đã đi ra khỏi cửa...

(Rách mất độ 5 hàng chữ)

...bây giờ thì tôi sợ gặp mặt hần. Tôi cố ý lần-tránh hần năm ngày rày, không dám nhìn thấy lại hần, như chính mình đã phạm lỗi chứ không phải hần. Vừa rồi khi gặp hần, thỉnh-linh bước vào nhà dì Năm tôi đỏ mặt luống-cuống trông thấy. Tôi bị chinh-phục rồi! Hần tiến đến hỏi: «*Mấy hôm nay bận việc gì ở đâu. Mãi không thấy mặt!*». Giọng hần thân-mật. Và hần đã tự-tiện bỏ hết những tiếng xưng hô. Chữ «*mấy hôm*» là ám chỉ từ ngày nào? Ngẫu-nhiên lại có một trường-hợp để ngấm thông-cảm giữa hần với tôi. Thực là khó chịu.

22 tháng 10 năm 1953. — Tại sao hần hỏi tôi ngày hôm qua đi đâu thì tôi lại nói dối là đi thăm một người bà con? Tại sao không nói thật là đi tiếp-lễ cho anh Mân. Sao lại ngượng, dấu hần như thế? Nếu nay mai mà hần hỏi ra, biết tôi nói dối với hần như vậy thì hần sẽ nghĩ thế nào về tôi? Thực là ngu dại!

30 tháng 10 năm 1953. — Ba ngày rồi, nay tôi mới dần xuống được những cảm-tưởng hỗn-loạn để chép lại chuyện này.

Trưa hôm đó hần lại chợt đến phòng tôi giữa lúc tôi nằm lim-dim. Tôi lại mất bình-tĩnh vì quần áo trễ-tràng, và đành giả vờ ngủ. Lần này hần cũng ngập-ngừng một lúc ở ngưỡng cửa, nhưng rồi

hắn quai tay lại khép cánh cửa trước khi tiến về phía tôi. Hắn áp môi lên mặt tôi. Một lúc sau hắn vòng cánh tay ôm quanh đầu tôi. Hắn bưng đầu tôi lên ghì mạnh vào mặt.

Tôi hoảng-hốt, mở mắt ra, nói lí-nhí phản-đối. Tôi cự mình, quay mặt đi. Cảm-giác lúc ấy thật là lạ-lùng. Mặt hắn sát vào mặt tôi đến nỗi không trông rõ nữa, nhưng tôi thoáng thấy nét mặt hắn có vẻ hoảng-hốt lo-sợ hơn là dữ-tợn. Con mắt hắn như thất-lạc; một mớ tóc rũ xuống lộn-xộn trước trán.

Tôi dấy-dựa, quay mặt tránh về phía bên vách. Hắn áp môi vào phía dưới mang tai tôi, gục đầu xuống, không nói gì cả. Bỗng hắn thả đầu tôi ra, đưa tay lên kéo cánh cửa sổ bên giường, khép lại. Sự lo-sợ làm tôi tắt nghẹn cổ, không cử-dộng được. Đến khi hắn lại hạ tay hắn xuống mình tôi, tôi mới giật mình vùng dậy. Hắn ôm riết lại. Tôi nhìn thoáng vào cặp mắt dữ-dội của hắn. Hình như tôi đã nói: « Anh Bình, anh đừng làm hại đời tôi! ». Hắn không trả lời, hắn không nói gì cả, nhưng vẻ mặt của hắn lúc này dữ-tợn, tàn - bạo lạ - lùng, không dung-thứ một sức kháng-cự nào.

Tôi không thể tự tha-thứ được. Trong ba ngày nay tôi đã suy-nghĩ kỹ về thái-độ của mình. Không, tôi không thể bào-chứa gì được. Chắc-chắn nếu lúc hắn khép cái cửa phòng trước khi bước đến phía tôi mà tôi mở mắt ra ngay và ngồi dậy thì đã chẳng có việc gì xảy ra. Và câu nói của tôi thật là ngu-xuẩn. Tại sao tôi lại dùng câu nói ấy với hắn? « Anh đừng làm hại đời tôi. » Câu ấy có vẻ mời-mọc nhiều hơn là kháng-cự. Ngu-xuẩn lạ. Mà tại sao câu ấy lại xuất-hiện trong trí tôi lúc đó? Đó là một câu nói rất sáo, có lẽ tôi đã gặp nhiều lần trong tiểu-thuyết,

lúc đó tự-nhiên nó vụt hiện đến. Một sự xuất-hiện linh cờ rất tai-hại.

Việc buổi trưa hôm ấy là do cái nhu-nhuộc tội-lỗi của tôi chứ không phải do hoàn-cảnh. Tôi không đáng tha-thứ. Thôi! tôi còn mặt mũi nào trông thấy anh Mân nữa! Má tôi...

(Rách mắt nửa trang giấy)

... đàn chim sẻ kêu ran lên trên khu-dĩ của ngôi nhà trống giữa đồng. Những cái đầu se-se bé loắt choắt với cái khoanh trắng quanh tai ló vào nhìn quanh-quất. Em ngồi một mình trong ngôi trường bình-dân vắng người đọc lại thư anh. Anh vẫn vẫn-tắt, giản-dị. Anh không biết có việc gì xảy ra cả. Em xấu hổ với anh quá, anh Mân ơi! Em chết mất thôi.

Phương chợt chú-ý đến cảm-giác hồi-hộp của mình. Anh ngừng đọc, xếp quyền vờ lại. Tự nhiên anh sức nhớ và quay lại ngó chừng Tính nằm bên cạnh. Tính vẫn ngủ. Khi sáng anh ta đang đi, bị một chòm lá ổi có kiến vàng quẹt trúng ngang mặt. Anh vội-vàng phủi túi-bụi, nhưng một con kiến đã kịp chích vào mép bên trái. Bây giờ phía mép bên ấy sưng lên chêu-vêu, đỏ ửng, trông thật tức cười. Phương đưa tay lên xem đồng hồ. Một giờ mười lăm rồi. Chỉ còn mười lăm phút nữa là Tính sẽ mở mắt, thức dậy, đúng-dắn như một cái máy, mặc dù bây giờ anh ta còn ngủ có vẻ ngon lành. Phương bỗng lo-ngại, anh không muốn Tính bắt gặp anh đang xem tập nhật-ký, anh muốn dấu câu chuyện này không để anh ta biết đến. Phương thấy việc mình tình cờ cảm-thông với một tâm-sự oái-oăm rắc-rối phải được giữ-gìn cho riêng anh mà thôi.

Phương cúi thẳng chân, ép lòng bàn chân vào tấm vách phía dưới, lắng nghe một cảm-giác mát-mẻ để chịu. Gương mặt

của Dung hiện lại trong trí anh, mỗi lúc một rõ. Anh chăm-chú vào cái miệng lúc nào cũng hé mở một chút, có vẻ thần-thờ ngây-thơ. Và cặp mắt đen lầy, và tròn, đã mở to ra nhìn anh dưới ánh sáng bối rối của một ngọn đèn khuya.

Không ! Anh không cho ai biết tâm-sự của Dung cả. Người con gái xa-xôi ấy đối với anh bỗng thành thân-thiết. Anh nao nao cả người, tưởng-tượng hình-dáng của Dung, cố nhớ lại, gọi lại từng điệu-bộ của Dung.

Phương lại mở quyển vở ra, lật ngược lật xuôi nhiều trang. Anh liếc mắt xem chừng Tính rồi đọc vội-vàng, nhảy từng đoạn dài :

...Má ơi, má không hiểu được con. Mà con cũng không sao nói cho má hiểu được. Không sao con có thể trình-bày đề má hiểu rằng bắt đầu con đã thù ghét khinh-bĩ anh Bình như thế nào. Tại sao từ chỗ khinh-bĩ ấy đi đến chỗ con đành xa má để theo anh Bình...

... Ở Qui-Nhơn, tránh xa làng xóm của tôi. Nhưng đi tập-kết với anh ấy được sao ? Không, tôi đã trốn má tôi, trốn anh Mân, trốn xóm làng ; nhưng tôi không thể xa má và anh Mân. Tôi phải ở quanh-quần lại miền Nam. Thế nào nay mai này anh Mân cũng được thả ra. Chòm xóm sẽ thuật lại chuyện tôi cho anh Mân nghe. Trời ơi... Tôi nhất định ở lại. Chỉ cần thoát khỏi Qui-Nhơn, trốn anh Bình trong vài tháng. Anh đi tập-kết xong là tôi có thể sống một cuộc đời mới...

Tính trở mình. Phương xếp quyển vở lại, ngàng đầu lên, giờ chiếc chiếu, cắt dẫu trên dẫu giường. Xong, anh nhìn xung quanh một lượt như sợ có người trông thấy

thái-độ vụng trộm thăm lên của mình. Nhưng nhà lúc ấy không có ai cả. Tính quay về phía bên kia ngủ lại. Còn gần mười phút nữa mới đến giờ anh ta thức giấc.

Bên ngoài, trời xanh cao, nắng ấm. Một vạt mây trắng tước dần từng sợi nhỏ, tan ra ngọt-ngào, tan lịm vào màu trời xanh. Có tiếng se-se căn loé-choé. Phương chưa thoát khỏi trạng nhật-ký, tưởng như mình đang nghe tiếng những con sẻ ở ngôi trường bình-dân giữa đồng quê của Dung.

Phương ngoặt tay lên đầu, luồn xuống dưới chiếu, đặt bàn tay lên tập nhật-ký. Bất ngờ như một chuyện chiêm bao ! Tự nhiên anh lại nắm trong tay cái tâm-sự của người con gái lạ-lùng đã ngập-ngừng trước cửa nhà anh đêm đó. Và bây giờ anh lại không biết cô ta ở đâu, cô ta đang sống với má hay đã gặp lại người chồng cũ, « cuộc đời mới » của cô như thế nào. Nhưng chắc-chắn là trên đời còn ai hiểu thấu những chỗ kín-dáo nhất trong lòng cô ta bằng Phương ! Anh nhớ cái nước da trắng nõn, vẻ mặt thanh-sạch như trẻ thơ, cái trán cao, hàng lông nheo dài và thưa. Có ai đoán được những sự xét-nét thông-minh và tế-nhị trong cái nhìn của Dung, trừ anh. Có ai gặp thấy Dung mà dám đoán cô con gái ấy đã chung sống với 2 người đàn ông rồi, trong những hoàn-cảnh oái-oăm, trừ anh. Phương tưởng-tượng cái lo sợ rụt-rè của Dung khi cô ta trở lại căn nhà cũ này, phập-phồng sợ bất-ngờ gặp lại mặt Bình. Phương đã hiểu lý-do của sự tìm kiếm suốt ngày hôm sau rồi ! Chắc khi trốn ra đi Dung cắt quyển nhật-ký

vào chỗ khác, nhưng rồi đã có kẻ đem dầu vào ruột cây quyết nên cô không tìm ra. Vậy ai đã trông thấy và cắt quyền nhật-ký ? Bình chăng ? Hay là người đẩy tờ dọn nhà ? Hay lại chỉ là do lũ chuột kéo nhét vào đấy ?

Phương nhòm dậy nhẹ-nhàng, quẹt diêm đốt diều thuốc, nghiêng đầu dựa vào song cửa, nhìn ra ngoài đường. Bên cạnh anh, Tính thở đều đều, phía mép sưng chều-vêu rung theo nhịp thở. Phương nghĩ đến cá-tính của người bạn có uôi chỗ giống với Bình một cách kỳ-quặc. Có lẽ Tính không ích-kỷ tham-lam nhưng cũng keo-cú, tỉ-mỉ, chu-dáo quá đáng. Mỗi lần mang cùn một đôi guốc anh ta đem chẻ ra cắt giữ đôi quai và mấy cái đinh. Anh không chịu mua hòm rương ngoài phố, đi đâu cũng nhất-định mang theo cái tráp do mẹ anh thuê thợ mộc trong làng đóng, trông giống như cái tráp thầy bói. Phương nhớ có lần Tính nhờ anh vác hộ cái tráp đi ngang qua thành-phố Bồng-sơn, anh thẹn đỏ cả mặt mày, nhưng lúc trao lại cho Tính, Tính thản-nhiên mang đi. Không phải Tính không sợ lỗ-bịch. Trái lại, anh ta rất lo chăm-sóc y-phục, trang-diêm mặt mày, có lẽ không thua một người con gái. Trong túi anh ta lúc nào cũng có một cái gương con. Mỗi lần đến trọ nhà ai, trước tiên anh ta múc một chén nước đem đặt lên cái đài ở trên bàn thờ. Anh làm công việc ấy kín-dáo, không để ai chú-ý. Rồi những lúc vắng người anh vào trong bàn thờ, nấp sau một cây cột, lấy tay thấm nước xoa lên cằm và... cạo râu ! Ở thôn-quê, nhà không có phòng riêng, muốn kín đến thế cũng thực là công-phu. Nhờ đó lúc nào Tính cũng nhẵn-nhịu, trẻ

măng, mà không ai thấy anh cạo râu lúc nào. Anh là một cán-bộ lúc nào cũng cần-tắc trong mọi công-tác, nhưng không có tinh-thần xung-phong...

Phương mỉm cười nghĩ nếu Dung gặp Tính chắc cô ta sẽ ghi được nhiều điều hay-ho.

Bỗng Tính sặc mấy cái liên-tiếp, vùng thức dậy.



Tháng chín năm nay Phương đi công-tác lên An-lão mấy ngày. Anh ghé lại nhà trọ của Tính vì Tính đòi về đấy được bốn tháng rồi. Nhưng hôm ấy Tính không có ở nhà, anh ta hướng-dẫn đoàn vũ-trang tuyên-truyền đi hoạt-dộng ở Vĩnh-thạnh hơn một tuần-lễ rồi. Nhà trọ của anh ta chỉ có một ông cụ già đã trên sáu mươi tuổi với một đứa cháu trai lên tám, mồ côi cả cha lẫn mẹ. Nhà vắng-vẻ nhưng không nghèo-nàn. Trái lại, người ta thấy trên bàn thờ một bộ đồ thờ bằng đồng, trên vách mấy tấm hình lồng kính, khổ lớn, chụp toàn gia-đình ngày xưa đông-dúc. Phía chái có một cái giá sách chữ nho. Phương bước đến nhìn tấm hình : thì ra trước kia ông cụ có một người con trai đi lính khổ đò, và hai người nữa mặt mày sáng-sủa ăn mặc đứng-dẫn ra về học-thức. Anh liếc mắt vào bàn thờ : cái chén mỏng dẹt trên đài còn nửa chén nước lạnh trong trẻo. Anh mỉm cười nghĩ đến lối làm đóm kín đáo của Tính.

Phương ngỏ ý xin trọ luôn tại đây năm hôm, ông cụ vui-vẻ nhận lời ngay. Chẳng bao lâu thì Phương đã hiểu nguyên-do sự dễ-dãi của ông cụ. Ông ta cần một người để nói chuyện, và để nói toàn là triết-lý với chính-trị ! Ông cụ rất

theo-dõi thời-cuộc và có một lối nhận-định suy-xét thật là kỳ-quặc. Thoạt tiên, ngay chiều hôm ấy, sau bữa cơm, Phương được nghe một quan-niệm về sự tiến-hóa của nền văn - minh. Ông buồn rầu cho rằng nhất-định thời này Đông-Phương phải nhường hẳn sự lãnh-đạo cho Tây-Phương, không thể nào cạnh-tranh nổi, cũng không thể nào theo kịp. « Cái lý nó phải như vậy. Vì rằng giống người da trắng ở Tây - Phương thuộc kim, giống da vàng thuộc thổ. Thổ sinh kim. Do đó văn-minh da vàng của Đông-Phương phát-triển sớm hơn và dàu-dắt cái văn - minh da trắng phát - triển sau. Nhưng khi con đã trưởng-thành thì mẹ tàn rụi. Người da vàng thuộc thổ, tính dũng-đĩnh ôn-hòa, thạo về đất cát, cho nên trong thời văn-minh của giống ấy thì nhân-loại chuyên về việc canh-tác ruộng đất, nông-nghiệp cực-thịnh. Tượng-trưng văn - minh của da vàng là món đồ sứ Giang-tây, làm theo một kỹ-thuật tuyệt-diệu mà trình-độ khoa-học ngày nay không sao bì kịp. Giống da trắng thuận theo đà tiến-hóa đứng lên kể - tục sự-nghiệp của người da vàng thì tính-tình lại táo-bạo, sắc bén, tích-cực hoạt-động. Đó là tính-chất thuộc kim. Nền văn-minh của giống người này đặc-biệt phát-triển về cơ-khí, vì giống da trắng thông thuộc tính-nết và khéo xử-dụng chất kim-khí. Dưới sự hướng-dẫn của da trắng, nhân-loại vùng lên tiến-bộ cấp-tốc, thế-giới có một quang-cảnh náo - nhiệt tích - cực, nhưng không khỏi có những sự cạnh-tranh gay-gắt lẫn nhau, đưa đến những trạng-huống nguy-hiêm. Cậu nghĩ có phải như vậy không ? ».

Phương đang lấy làm lạ-lùng, chăm-chú theo - dõi lý - luận của ông cụ, thì

ông cụ chợt dừng lại, phá lên cười, nhìn thẳng chăm-chăm vào mặt Phương, vẻ đặc-ý. Phương chưa kịp nói gì, thì ông cụ đã lên tiếng tiếp-tục :

— Ngộ lắm, cậu ạ. Mình thông suốt cái lý ngũ-hành rồi, đem ra suy-diễn có thể hiểu được dĩ - vãng và tương - lai. Về dĩ-vãng, có phải sách vở đã xác-nhận có một giống người da đỏ đang còn sống-sót và suy - tàn lần lần ở Mỹ-châu không ? Đó ! Thì chính là tổ-tiên của giống da vàng đó rồi chứ còn gì ! Đỏ là màu của hỏa. Hỏa sinh ra thổ. Giống đỏ sinh ra giống vàng, rồi giống vàng lại sinh ra giống trắng, thì lẽ dĩ-nhiên là giống tiền - bối kia phải suy-tàn, tiêu-diệt. Tôi tin chắc rằng sự phát-minh ra lửa trong lịch-sử nhân-loại chính là công lao của người da đỏ này.

Bây giờ suy tới một bước, tôi nhận thấy giống người da đen, thuộc thủy, sẽ chịu trách-nhiệm về vận-mạng của loài người sau này. Hiện thời họ còn bán-khai vị họ thuộc về tương-lai, họ chưa đến tuổi trưởng-thành. Nhưng người ta thấy rằng ở Mỹ, mỗi ngày họ mỗi ghi được một sự tiến-bộ, được trọng-đãi, khai-hóa. Kim sinh thủy, người Mỹ da trắng nâng đỡ bước đầu chập-chững của giống người da đen, nhưng rồi sau này giống người ấy sẽ vượt lên kiến - tạo một nền văn-minh riêng của họ. Tôi nói điều này rồi cậu nghiệm mà coi : tuy cũng là những giống thiểu-số, trình-độ văn-hóa thấp kém, nhưng mà giống da đỏ suy-lụn trông thấy, còn giống da đen thì phát-triển rõ-rệt. Có phải rõ-ràng một bên đang ở vào tuổi già lụn-bại, một bên là trẻ-thọ mới lớn không ? Rồi đây khi giống da đen này đứng lên hàng đầu dàu dắt nhân-loại thì tôi chắc-chắc là họ sẽ vận-dụng

cái khả-năng vô-biên của chất nước mênh-mông ở năm cõi đại-dương mà đem ra phục-vụ lợi-ích con người. Thời-kỳ này là thời-kỳ của vàng bạc và của sắt thép. Nhưng thời-kỳ mai sau lại sẽ là thời-kỳ của chất nước. Nước không khó tìm kiếm, cho nên khai-thác được sức mạnh của nước thì mới thực tự-do tiêu xài vô hạn-định, sức mạnh đó mới là không bờ bến.

Ông cụ toét miệng ra cười ăm-ĩ. Phương ngấm lại cái vẻ người phong-lưu vô-sự ấy, tự bảo ông cụ có thổ-tướng, thảo nào tính « dùng-dinh, ôn-hòa », không lo cạnh-tranh vụ-lợi mà lại đi nghĩ-ngợi bang-quốc. Vóc người ông to béo, nặng-nề. Cái bụng hơi lớn, cổ ngắn và to. Khuôn mặt ông cụ rộng bề ngang và không có một sợi râu nào dính nơi cằm.

Phương hỏi thăm ông cụ về sinh-hoạt của hai ông cháu dưới thời-kỳ cộng-sản. Ông cụ ngừng lại, không nói. Rồi ông công-kích chủ-nghĩa cộng-sản kịch-liệt. Chủ-nghĩa ấy trái với cái lý tự-nhiên của đất trời cho nên ông quyết rằng nó không thể tồn-tại. « Hãy cử ra một điểm : cái điểm đề-cao quần-chúng mà dìm sâu trí-thức anh-tài. Quần-chúng là số đông, số đông thuộc âm. Trí-thức tinh-hoa là số ít, số ít thuộc dương. Dương bao giờ cũng thanh-thoát, ưa vươn lên cao, âm bao giờ cũng trọng-trước, ưa chìm xuống thấp. Nay nhắc âm lên mà dìm dương xuống là trái với lẽ tự nhiên. »

Cứ thế mà buổi trưa và tối, đi làm về, là Phương lại phải hầu chuyện ông cụ về những vấn-đề triết-lý hiem-hóc.

Hôm ấy là ngày trọ thứ ba của Phương ở nhà ông cụ Hoàng. Buổi chiều ăn cơm xong, đưa cháu bưng dĩa

chén đĩa ra giếng, Phương còn ngồi rón lại nghe ông cụ đọc một bài sấm bắt đầu bằng mấy câu :

Hoàng thượng đắc ngũ ngũ
Hoàng-tử đắc ngũ ngũ
Thượng ngũ ngũ nhì ngũ
Hạ ngũ ngũ tứ ngũ.

Ông cụ dừng lại cắt nghĩa rằng bài này của một vị tiên-tri tặng vua Khải-Định cách đã trên ba mươi năm nay. Hai câu sau đã nói rõ Khải-Định làm vua mười năm (nhì ngũ), còn Bảo-Đại hai mươi năm (tứ ngũ). Ông cụ bực-tức vì quên đi một đoạn, rồi đọc đến đoạn sấm tiên-tri thời-kỳ Việt-Minh cướp chính-quyền :

Việt-hữu nhật-nguyệt xuất
Hồng-kỳ chiếm hoàn vũ
Kỳ-phong bất-khả đương...

Ông cụ chận lại hỏi Phương câu đầu nói gì. Phương lắc đầu, chịu. Ông cụ Hoàng cười ngất bảo :

— Cậu tính có lạ không ? Chữ « nhật » và chữ « nguyệt » ghép lại thành chữ « minh ». « Việt-hữu nhật-nguyệt » là Việt-minh ! Hồi thời-kỳ Khải-định mà tiên đoán sự xuất-hiện của Việt-Minh thì có lạ-lùng không. Lời sấm đoạn sau chê Việt-minh đúng ngay cái khuyết-diểm căn-bản :

Khả tích dã : trị nhân
Dụng tâm thái trị sậu

Phương đang ngồi nghe bỗng thấy trong người choáng-váng, xây-xây. Ông cụ Hoàng vừa đọc vừa giải, mà anh không theo dõi được. Đến mấy câu này ông cụ đọc và giảng loanh-quanh mãi nhưng anh không nghe rõ :

Đại-dương tùy thủy khứ
Anh hoa hựu cạnh tú

Ngã nhân tuy thịnh cường
 Dinh-du nan đoạn phầu
 Bách niên nội phân-vân
 Ngô an cảm khái khâu

Phương thấy cả trời đất xoay chuyển rất mạnh, anh suýt ngã xuống phản. Anh la « ối ! » một tiếng, chụp hai tay xuống chiếu và nhắm mắt lại, hai bên thái-dương nhức như búa bõ. Ông cụ Hoàng gọi đứa cháu ở ngoài giếng vào lấy đưa cho Phương ve dầu Nhị-thiên-đường và dầu anh vào nằm ở nhà trong. Phương phải nhắm nghiền hai mắt lại vì vừa hé mở ra là đất trời lại vùng quay tít. Mãi đến tám giờ tối, xoa đủ các thứ thuốc mà hai ông cháu cụ Hoàng lấy đưa cho, Phương vẫn không thấy bớt. Anh không chịu được ánh-sáng. Trong gian phòng không có đèn, anh đóng kín các cửa cho tối bùng mắt dần dần hé mở mắt ra được. Ông cụ Hoàng bảo rằng Phương bị trúng luồng gió độc, dặn thằng cháu bé ở lại nhà, còn ông đi sang bên xóm Đông hốt một thang thuốc.

Phương không nhớ rõ đêm ấy là mười ba hay mười bốn âm-lịch. Ngoài trời chắc là trăng sáng lắm, vì chỉ nhìn qua lán ánh sáng chiếu qua kẽ ngạch cửa Phương cũng đủ thấy choáng-váng. Nhưng cứ lâu lâu lại có một cơn mưa mây đồ rào-rạc trên lá chuối, trên mái tranh, lướt qua nhanh rồi vụt tắt nghe như một con bọ đang bay bỗng gãy cánh rơi xuống. Có lúc Phương lại nghe tiếng con chó nhảy lết-set, thờ hực-hực, giốn với cái cái bóng của nó sau hè.

Ông cụ đem thuốc về, bảo nhỏ thằng cháu bé mấy câu, nó đi xuống nhà bếp, ông cụ nằm bên cạnh hỏi thăm bệnh tình của Phương. Một lát sau Phương

nghe thấy tiếng ông cụ ngáy pho pho. Anh lại nằm mở mắt lặng-lẽ trong bóng tối. Mùi thuốc bắc ở nhà dưới thỉnh-thoảng bay phất lên nhẹ-nhàng.

Chợt cánh cửa phòng kẹt mở, ánh sáng một ngọn đèn thỉnh-lỉnh lòa vào làm Phương choáng cả đầu óc tưởng như bị vụt nhào một vòng. Anh kêu « ái ! » rồi anh quỳ mạnh trên giường làm cho người bùng đèn hoảng-hốt ngơ-ngác đứng lại. Phương nói :

— Tôi không chịu được cái ánh-sáng, ... Xin lỗi cô, từ chiều đến giờ, cái bệnh...

Mới nhìn qua một thoáng Phương đã trông thấy người vừa bùng bát thuốc và ngọn đèn xô cửa vào đó không phải là ông cụ Hoàng, không phải là đứa bé, mà là một người con gái. Và anh lại đang đoán nhớ ra người con gái ấy là ai rồi nên càng lúng-túng.

Người con gái lưỡng-lự ở ngưỡng cửa một lát, bước lui ra. Ông cụ Hoàng vẫn ngáy đều đều ở phòng bên cạnh. Ngoài ra, cả nhà nhà im lặng. Một lát sau cô ta quyết định thôi tắt ngọn đèn, và tiến vào, bước chân vững-vàng tự-tín. Phương sức nhớ ra một điều gì, vội-vàng quái tay ra sau lưng, xô cánh sò ra cho ánh trăng soi sáng phía sau mình. Người con gái vừa đưa bát thuốc vào bàn tay đang sờ-soạng của anh vừa nói :

— Thằng Lai nó buồn ngủ quá, không thức nôi ... Nhà ông cụ Hoàng chỉ có một ông già đã quá già và một đứa bé con, nên có việc gì đều gọi em sang giúp.

Phương uống xong thuốc nhưng vẫn cầm mãi cái bát trong tay chưa đưa trả lại. Anh vẫn còn bàng-hoàng, không thể quyết-định được một câu nói hay một cử-chỉ nào. Lúc này thì anh chắc-

chấn rồi, không thể nào làm được nữa. Giọng nói ấy, đúng là cái giọng nói ấy ! Mồ-hôi rướm trên trán anh.

Người con gái lại lên tiếng :

— Ông súc miệng.

Rồi cô ta lấy cái bát thuốc đi, thay vào tay anh một chén nước. Giọng nói ấy lại nổi lên lần nữa. Đích thị trước mặt Phương là cái đối - tượng cụ - thể của bao nhiêu suy-nghĩ, mơ-tưởng của anh trong hơn một năm nay. Cái bóng xa vời, bí - mật kỳ - ảo của anh đã sờ được đây rồi : Từ hơn một năm, cứ thỉnh-thoảng anh lại mang tập nhật-ký ra đọc lại và nghĩ-ngợi, tưởng-tượng, vẽ vời thêm xung quanh cái tâm - sự tình - cờ ký-thác trong tay anh. Anh gọi lại trong trí không biết bao nhiêu lần hình-ảnh của Dung. Cái hình dáng mỗi ngày mỗi trở nên thân-thiết. Dung đã cho anh theo-dõi cái qua-trình tiến-triển kín-đáo đến một tình yêu oái-oăm ở một người con gái thông-minh. Anh đã biết hết về Dung. Dung đã đến ở dưới mái nhà cùng anh một ngày và hai đêm, đã nép mình nằm ngủ bên cạnh mẹ anh. Khô người thon thon, nước da trắng muốt ấy dưới sắc áo dài đen, hai môi lúc nào cũng hé mở và đôi mắt đen láy, to tròn... Một cái hình-ảnh con gái ám-ảnh, chung-chạ với anh hơn một năm trời, thì gọi cái cảm-tình của anh đối với người ấy cũng không còn phải kiêng tiếng tình yêu. Nay thì người ấy đã ngồi đây rồi, trước mặt anh đây rồi ! ...

— Cô Dung !

Dung im-lặng. Phương hơi bối - rối nhưng sung-sướng vì biết chắc Dung không ngạc-nhiên, cô đã nhớ và nhận ra mình là ai rồi. Tuy vậy, anh vẫn hỏi :

— Cô Dung còn nhớ tôi không ?

Dung đáp :

— Xin lỗi anh, ánh sáng trắng lò-mờ vừa rồi tôi không trông rõ nên không nhận được ngay, nhưng bây giờ tôi đã nhớ ra rồi. Thưa anh, bác và cô Nguyệt vẫn mạnh giỏi ?

— Cảm ơn cô, mạnh giỏi cả.

Phương lui lại, dựa lưng vào vách. Anh cảm thấy sự im-lặng của hai người trong bóng tối đang bắt đầu làm cho Dung khó chịu từ khi có vài câu nói qua lại. Và tự-nhiên anh muốn kéo dài thêm phút im-lặng. Anh biết Dung nói dối : không phải cô vừa mới nhận ra anh sau câu hỏi. Phương đang chờ xem thái-độ của Dung thế nào, thì cô đã lên tiếng nói :

— Anh nằm xuống nghỉ cho thấm thuốc. Anh cho cắt chén nước.

Phương không đưa trả cái chén, hỏi lảng :

— Bây giờ cô ở gần đây ?

— Dạ. Nhà tôi ở sát rào nhà ông cụ Hoàng.

— Bác đã cùng ở với cô rồi chứ ?

— Dạ,... tôi vẫn ở với má tôi.

Dung cứ tiếp-tục nói dối anh, Phương hỏi ngờ : hay là cô ta có ý thử mình ? Chữ « vẫn » của Dung có ý thử cái-chính câu hỏi của anh rõ-ràng. Cô ta làm như anh không biết cô đã rời bỏ má cô trong bao nhiêu lâu để theo Bình !

Chợt Phương nghe tiếng chống tre Dung đang ngồi nhún khẽ một tiếng « rắc » Dung đã đứng dậy. Phương gọi :

— Cô Dung... Tôi muốn nói với cô cái này... Cô Dung ạ, tôi hiện đang còn giữ tập nhật-ký của cô.

— . . .

— Tập nhật-ký cô bỏ quên lại đằng nhà tôi, và tôi chắc đêm hôm nọ cô trở lại là để tìm nó.

— Thực nó còn lại nhà...

— Vâng. Chứ không phải anh Bình đã bắt gặp và mang đi.

Dung đứng im, nín bật. Phương tiếp-tục nói :

— Tôi xin lỗi cô. Tôi đã đọc suốt tập nhật-ký ấy rồi. Có lẽ ai ở vào trường-hợp ấy cũng phải đọc, vì tôi không mong có thể gặp lại cô, và chỉ coi như một tài-liệu vô-chủ.

Tôi không ngờ hôm nay lại gặp Dung. Có lẽ cô cũng đoán biết cái tác-dộng của tập nhật-ký của cô đối với người đọc nó. Tôi chắc-chắn bất cứ người nào đã tình-cờ biết đến quang đời và cái tâm-sự của một người con gái như cô, và biết người con gái ấy không phải là một nhân-vật tiểu-thuyết mà lại là một người bằng xương thịt còn đang cùng sống đầu đây với mình, thì cũng không sao khỏi nghĩ-ngợi. Thú thật với cô, tôi đã bị tâm-sự cô, bị hình-ảnh cô ám-ảnh suốt một năm trời. Tôi đã gặp một trường-hợp ám-thị. Tôi nghĩ tôi sẽ có lỗi vô cùng khi tôi dám nói với cô những thắc-mắc trong lòng tôi nếu ngày nay hoặc anh Bình, hoặc anh Mân còn ở lại với cô. Nhưng cô đã bảo rằng bây giờ cô lại về ở với má thì những lời tôi sắp nói đây cũng không có gì bất tiện...

Sự im lặng của Dung làm cho Phương bạo-dạn. Và lại anh không trông thấy Dung. Mắt anh vẫn nhắm trong bóng tối, anh có cảm-tưởng mình đang bộc-lộ tâm-sự trước một hình-ảnh xa-xôi, đang hướng về cái bóng trừu-tượng mà nói. Anh nói miên-man. Thực là quái-gở cái cảnh-tượng

một người nhắm mắt mà tỏ tình say sưa hăng-hái. Nhưng cả Dung và anh đều không để ý đến. Bỗng anh nghe tiếng Dung khóc sục-sút. Ngạc-nhiên, Phương ngừng phát lại. Dung vẫn không lên tiếng nói.

Một lúc sau Phương bảo :

— Thái-độ của tôi đêm nay quá đột-ngột, nhưng Dung tin-cho rằng tôi rất chân-thành. Tôi không chờ đợi Dung trả lời gì tôi trong lúc này. Miễn là tôi có dịp nói với cô những điều tôi vừa nói. Rồi tôi sẽ kiên - nhẫn chờ đợi cô có thì giờ định một thái-độ...

Dung vẫn không nói gì. Rồi cô ta cúi xuống nhẹ-nhàng gỡ lấy cái chén nước súc miệng trong tay Phương. Đêm khuya vắng-vẻ. Câu chuyện rì-rầm của hai người trong gian phòng vừa rồi tạo nên một không-khí thân-mật. Phương buông cái chén ra, và tự nhiên đưa cả hai bàn tay mình ôm lấy bàn tay Dung. Anh ấp bàn tay Dung lại nhẹ-nhàng, vỗ gần như kính-cần nhưng thiết-tha. Dung không giật mình, ngạc-nhiên. Nhưng anh thấy bàn tay Dung khẽ run, rồi rút ra.

— Anh đừng làm thế. Anh đừng nghĩ đến nữa. Tôi đã có chồng...

Phương ngơ-ngác :

— Cô đã gặp lại anh Mân rồi sao ?

— Không phải.

Giọng nói của Dung vẫn còn run vì xúc-dộng. Nhưng cô đã quay lại, bước nhanh ra cửa.

Phương ngồi ngẩn-ngơ trong phòng hồi lâu. Sau lưng anh, qua khung cửa sổ, ánh trăng sáng vàng-vặc, trời cao vợi-vợi. Ngoài vườn gió im phăng-phắc, mỗi cành cây ngọn cỏ đều có cái bóng sắc và đen

dưới nền đất ướt. Trời bỗng tối lại, có tiếng mưa mây rào-rào trên mái rồi vụt dứt ngang như con bọ đang bay vụt gãy cánh rớt xuống. Ở phòng bên cạnh, ông cụ Hoàng vẫn ngủ ngáy pho-pho.

Ngày hôm sau chính ông cụ Hoàng đã tình-cờ nói cho anh biết là Tính sắp cưới Dung. Hai người ở bên cạnh nhà nhau, gần-gũi nhau hơn bốn tháng nay.

À ! Đó là chồng của Dung. Lần này lại vẫn cái kiêu - nhẵn dai - dẳng của một người cần-thận, tỉ-mỉ... Không biết Dung đã ghi gì trong nhật-ký, đã bắt đầu bằng sự riều - cợt như thế nào. Nhưng cuối cùng sự run-rủi ngẫu - nhiên đã bổ-trí an-bài, lạnh-lùng quyết - định. Và Tính đã thành-công.

Phương cố ý tránh mặt Dung cho đến ngày lên đường về lại Qui - nhơn. Sáng hôm ấy, khi anh ra đi, ông cụ Hoàng còn nói với :

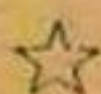
— Này cậu ! « Đại dương tùy thủy khứ » là chỉ Mỹ với Pháp rồi, không còn chạy vào đâu nữa. Chữ « đại » với chữ « dương » chồng lên nhau thành chữ Mỹ, bộ « thủy » ghép với chữ « khứ » thành chữ Pháp. Còn đoạn dưới « Ngã nhơn tuy thịnh-cường » là đích thị nói về Nga. Bộ « nhơn đứng » bên cạnh chữ « ngã » là chữ Nga. Nước Nga tuy bây giờ có vẻ mạnh - mẽ nhưng tương-lai rồi cũng không ra bề gì. Đề rồi cậu nghiệm mà

KỂ TỪ NGÀY NAY, thư từ và bài vở xin gửi về địa chỉ sau đây :

Tòa soạn **BÁCH-KHOA**
Hộp thư 339 — SAIGON

coi, việc gì cố - nhơn cũng đã xét tới rồi cả.

Lần cuối cùng đi ngang qua nhà Dung, anh liếc vào nhìn thấy Dung đang chải tóc. Tiếng con ngỗng kêu cạc-cạc làm anh giật mình ngoảnh đi. Không biết lúc ấy Dung có quay mặt ngó ra trông thấy anh không.



Phương đạp xe về đến nhà thì trời đã tối hẳn. Cô em gái đang làm cơm dưới bếp. Mẹ anh bùng cái tọa-dăng từ nhà dưới lên. Trong trí Phương hiện lên lộn-xộn cả gương mặt thanh-sạch với đôi môi hé mở, đôi mắt tròn của Dung đêm nọ đã nhìn anh dưới ngọn đèn khuya trong gian nhà này, và cả cái cánh tay trần đưa lên chải tóc, cả những nét dun trên vai áo, cả mùi lá mực, mùi đất ẩm bên bờ rào chề răng cửa.

Phương đi vào buồng trong lấy ra tập Nhật-ký, mở bóng đèn ra, đưa lên ngọn lửa đốt.

Anh đã lưỡng-lự mấy hôm nay không biết có nên gửi trả cho Dung hay không. Nhưng nghĩ lại anh muốn tự tay chôn cái dĩ-vãng của Dung, cái dĩ-vãng không lợi gì cho Dung mà không lợi cho bất cứ ai biết đến. Nhất là Tính.

Phương ngồi nhìn tập giấy cháy dưới chân bàn. Những tờ đã đứt rời ra gió xua chạy vào phía nhà trong. Ngọn lửa thấp dần rồi tắt mà tập vở vẫn chưa cháy hết. Phương lại mở đèn đốt lần nữa.

Thôi thế là hết. Anh không còn một lý - do, một cơ nào để có một liên - lạc, để nhắn gửi gì tới Dung nữa.

Ngoài đường một chiếc xe vừa vụt ngang qua nhà. Có tiếng lũ trẻ cãi nhau ầm - ĩ về phía dưới nghĩa - địa. Và các hí-viên vừa cho máy phóng thanh hát vang lên cồ-động cho đêm vui.

Cuộc sống vẫn lạnh - lùng tiến tới thản - nhiên. Phương có cảm - tưởng những léo-lắt tâm-tình của Phương, của Dung, của bất cứ ai, dù éo-le đến bậc

nào, cũng chỉ nhóm lên rồi lặng-lẽ tan biến vào giữa dòng đời đang tiến tới, không một tiếng vang, không mảy-may xao-động đến cuộc sống chung. Cả đến những xét-nét ranh - mãnh, phán - đoán thông-minh của Dung cũng bất-lực trước những run - rủi tình - cờ mà quyết - định của cuộc đời.

Phương lại nghĩ đến chút khói hương phất qua mũi bức tượng đá lạnh-lùng, uy - nghi.

9 - 12 - 1956

VỖ - PHIÊN

CÁO LỖI BẠN ĐỌC

Vì có những bài cần đăng gấp kè này nên các mục « B.K. đọc thay các bạn » và « Nói có sách, mách có chứng » xin gác lại số sau.

★ CỬ-CHỈ CỦA BẬC ĐÀN-ANH.

SÁCH Tùy-kỷ cho chép truyện Nguru-Hoảng, Nguru-Bật là hai anh em ở chung với nhau. Bật có tính thích uống rượu. Một hôm, nhân Bật uống rượu say, bắn chết con trâu của Hoảng. Khi Hoảng về, vợ Hoảng hậm-hực mách chồng :

— Bật bắn chết trâu rồi !

Hoảng điềm-nhiên đáp :

— Trâu chết thì đem đi làm thịt.

Vợ Hoảng nói :

— Bật bắn chết trâu hẳn là việc lớn lắm, không phải việc thường...

Hoảng vẫn ung-dung đáp :

— Phải, tôi biết rồi.

Nói đoạn, lấy sách mở ra coi, như không có chuyện gì cả. Vợ Hoảng không dám nói thêm nữa,

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.

910102102

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi
BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi
VIENTIANE — HONGKONG : Mardi
HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3

Mardi et Dimanche

VIENTIANE-XIENGKHOANG : Lundi, Mercredi, Vendredi

VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —

MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thành-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102



Hãy Mua Phân-Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân THẦN-NÔNG

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUISOGLIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SOCIÉTÉ
PACHOD FRÈRES ET C^{ie} D'I.C.

12 à 22, Dai-lô Hàm-Nghi

SAIGON



COMMISSION IMPORTATION

— FOLLIS — ENGLEBERT

— VELOCETTE — SACHS

— UNION — MECA - MERCIER

— L.P.C. CHEMICALS

— OSNABRUCKER DRAHTWERK

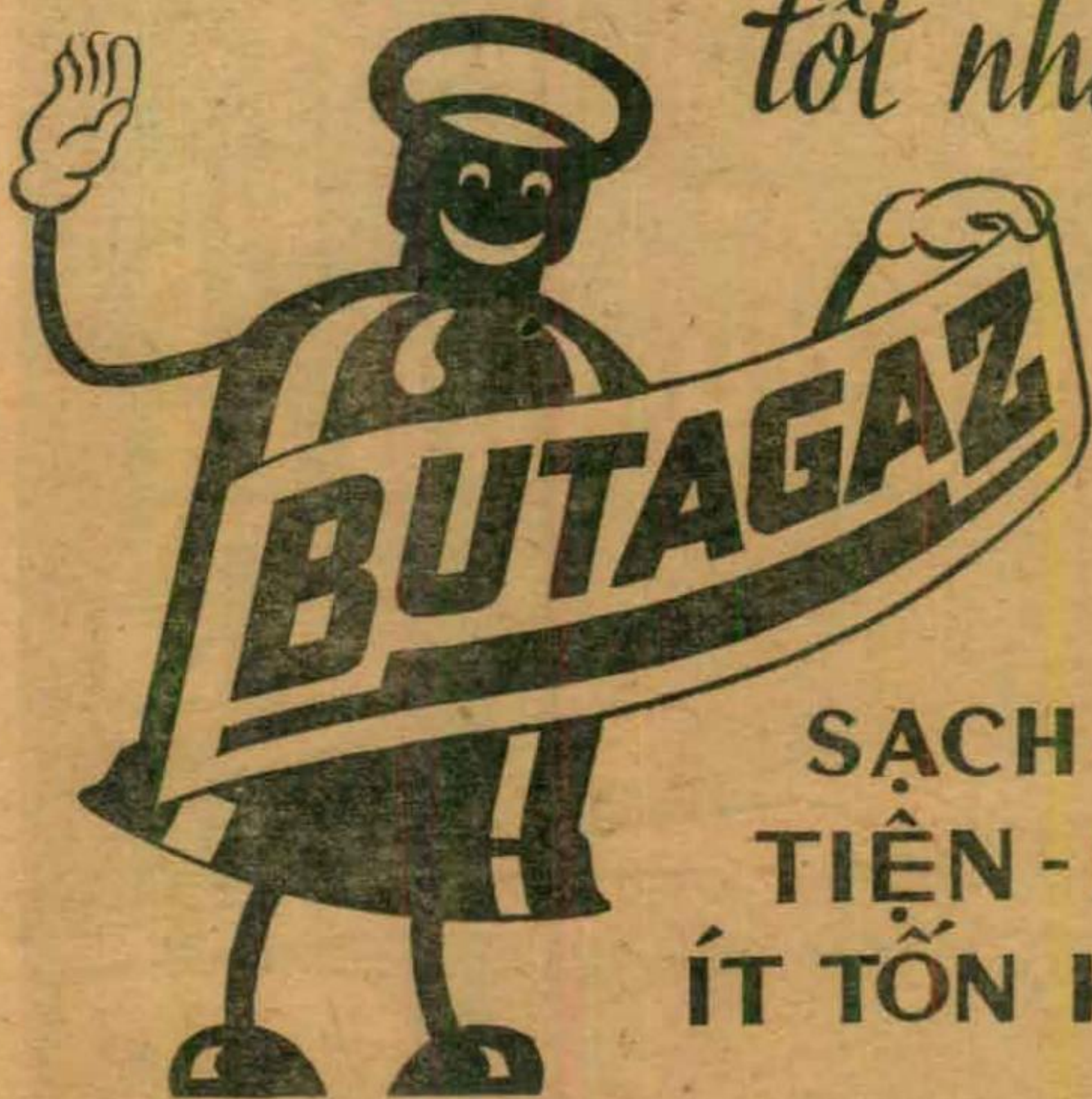


*Thuốc thơm
hảo hạng*

**Great
King**

AIP 56

*BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất*



**SẠCH - SẼ
TIỀN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** – Đốt cháy liền
U – Khởi mát ngay giờ
T – Không khói, không bụi
A – Dùng nấu nướng các thứ
G – Không làm nhứt dầu hay cay mắt
A – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
Z – Một bình hơi dùng :

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 kí-lô-vát điện



BORGWARD

BORGWARD-SERVICE

GARAGE

SIT

NHẬT GIA

TỪ-VU

Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẶC

TÓM TẮT NHỮNG KỲ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu chung sống với nhau nhưng tư-tưởng bất đồng. Trung-Nhật chiến-tranh, họ phải tản-cư xuống Thượng-Hải và đã sang được một căn nhà. Tín què nhà bị cướp phá không làm cho họ đòi nếp sống xưa là bài-bạc xa xỉ. Duy có Lâm tiên-sinh rất lo-lắng cho tương-lai vì tuy ông đã tìm được sở làm nhưng lương không đủ cho gia-đình chi-tiêu làng-phí mà tiền mang theo đã gần cạn.

Vì cụ ông hiểu lầm Lâm tiên-sinh trong việc xử-dụng số tiền còn lại nên bắt đầu có sự lũng-cung trong gia-đình. Bà Hai, vợ Lâm tiên-sinh thừa dịp đó đốc ông ra ở riêng. Ý-kiến ấy đã được đại gia-đình chấp-thuận.

Ba hôm sau, vừa đúng vào ngày chủ-nhật, Ông Hai và bà Hai dắt ba đứa con, Tổ-Nhất, Tổ-Nhị và Tổ-Tam, dọn nhà đi nơi khác. Cái tầng lầu thứ hai, nay bỏ không. Vì sự đi lên, đi xuống khó-khăn, nên cụ bà dọn xuống tầng lầu thứ hai ; còn cái tầng lầu thứ ba, Cụ nhường cho ba mẹ con bà Cả ở. Bởi vậy, cậu Ba và cậu Tư, mỗi cậu được ở riêng hẳn một cái buồng xếp. Theo cách phân-phối đó, hình như ai cũng vừa lòng, nên không ai dị-nghị. Có một điều, Cụ Ông không nghĩ vì tới cái thư phòng, mà, Cụ bà cũng chẳng nhớ tới cái kinh-đường, nữa.

Sau khi lật-đật, lụi-dụi, « bày tay, tám chân » dọn được xong-xuôi đâu đây, cả nhà mới thở ra, đánh « phào », một cái, và cảm thấy, vợ chồng bà Hai dọn ra ở riêng, thế mà tiện đáo-đề, nhá. Nhưng, cái người được dành-dang, dễ-chịu nhất, là

cái nhà chú Ba nhà ta. Từ nay, cậu sẽ tự-do, đưa Cụ ông đi đây, đi đó, đề vui-chơi, đề tiêu-xài một cách ung-dung, thông-thả, không còn e-dè, nề-sợ ai nữa.

Nào đi « sát-phạt » bài-bạc ở các nhà xã-hữu của Cụ ông ; nào đi « cá » chó chạy thi ; nào đi đến « hội lực-cầu ». Khi đó, được bạc thì đem tiền đi vung phí ở các ca-lâu, tửu-quán. Khi đến, thua-thúy thì cứ việc mà thua ; hết tiền, thì lại ra ngân-hàng lãnh về. Tồn-khoản vẫn còn, cả nhà đều sống trong sự vô-cùng khoái-chá. Ngày, cứ qua ngày, cả nhà, lúc nào cũng vui như tết.

Khốn một nỗi, mỗi lần đi lấy tiền về, cái tồn-khoản cứ mòn dần đi. Thường ngày, chẳng một ai để ý tới, nhưng, tới khi hết tháng, nhà ngân-hàng gọi tồn-lập đến, và khi xem tới số tiền còn lại, lúc đó, Cụ ông mới dờ người ra, kinh-hãi. Tiền sắp cạn đến nơi rồi !

Những ngày chủ-nhật, rỗi-rảnh, Ông Hai thường đến thăm các cụ. Thời-thường, Cụ ông không nói tới việc tiền, việc nong, bao giờ cả. Nhưng, lần này Cụ thấy không thể dừng được nữa.

Quả thiệt-tình, đối với vấn-đề « tiền », trên đời này, chẳng việc gì lại không do hai cái cứu-cánh : khai-nguyên và tiết-lưu ; phải, một đằng phải kiến thêm, một đằng phải giảm đi. Ông Hai ngồi nghĩ đi, suy lại chán, rồi ông thấy rằng, việc cần phải lo-liệu ngay tức khắc, là tìm cho cái thằng chú Ba, một công-ấn việc làm ; mà, bài-bạc, hồi lực-cầu với trường đua chó, là những cái, phải bỏ ngay, không được bẻ-mẳng tới nữa. Cả cái khách-đường ở nhà dưới này, cũng phải đem cho thuê lại đi, để cứu-cơ. Đối với điều thứ nhất, Cụ ông tán-đồng, đối với điều thứ hai, Cụ không phản-đối. Tuy có điều thứ ba, Cụ thấy khó thực-hiện.

Nhân đó, Cụ ông phải lập tức, đi đến các nhà xã-hữu để nhờ người này, cậy người kia, kiếm công-việc làm cho cậu Ba.

Ông Hai, về phần ông, ông cũng nhờ các chỗ bạn-bè thiết-pháp, để tìm việc cho em.

Hai tuần-lễ đã qua, mà chẳng có một kết-quả gì hiển-nhiên cả. Cụ ông dăm lo cuống lên. Ông Hai cũng thấy mình có phần trách-nhiệm. Cùng thế, ông bảo bà Hai cố tìm cách giúp cho gia-đình, bà cho là ông chỉ nhiều-sự. Bà nói : « Cậu lạ thiệt, mình đã ra ở riêng rồi, thì, các việc ở đằng nhà, việc gì đến cậu, mà cậu cứ rối lên. »

« Nhưng, chẳng lẽ làm thế nào ? Để như vậy, sao cho đành lòng, kia chứ ! »

« Em có thể đi nhờ người này, người khác, để người ta giúp cho, nhưng cậu

phải nhớ rằng, một khi người ta giúp mình, là mình phải đổi lại với người ta như thế nào phải đi lại, chơi bời phải giao-tình, chứ không phải, người ta hộ cho mình xong, rồi là thôi, đâu đấy nhá. Cứ khi nào cần đến người ta mới vác mặt đến, thì phiền lắm. »

Không phải bà làm khó dễ gì, hay, bà ngại công, không muốn giúp đâu, nhưng, dẫu sao, bà cũng muốn biểu-thị cái thanh-thể và uy-quyền của bà. Bà nói thêm :

« Lại còn thế này nữa, cậu ạ. Ừ, mình xin được việc cho thằng chú Ba, nếu nó ăn chẳng nên, làm chẳng ra, hay nó làm việc gì tâm-bậy, tâm-bạ, rồi ai chịu trách-nhiệm ? »

« Cái đó không ngại, anh sẽ nói với Ba, để tìm một người đứng bảo-đảm... Mình cứ biết tận-lực giúp nó, có thể thôi... Mình giúp nó cho thành-tựu, ấy là mình giúp cho gia-đình, em nghĩ có phải không ? »

Bà Hai không nói gì nữa, nhưng, như vậy, là bà đã ưng-thuận đấy. Bà đi lại giường mở chăn ra, vì lúc đó cũng đã khuya, đến giờ đi ngủ rồi. Ông cũng yên-lặng, thay áo để đi nằm.

Một đêm qua.

Ngày hôm sau, khi ông Hai đi làm khỏi, bà Hai cũng ra phố.

Đến tối hôm đó, bà Hai về nói cho ông Hai rõ, bà đã nhờ người tìm cho được cậu Ba, một chân giữ sồ-sách ở một nhà ngân-hàng nhỏ, mới mở. Đồng lương tuy không mấy, nhưng, tiền hoa-hồng, mỗi cuối năm, rất khả-quan, theo như lời họ hứa.

TÙ - VU

(Còn nữa)

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Việt-nam khuyếch-trương kỹ-nghệ đồng-hồ c^{ty}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM
DÙNG ĐỒNG - HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm.
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾCH-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ CTY

Công - ty vô - danh vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tin :

VINAWA — SAIGON

Cable address

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung-Su' nên
Kính-tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

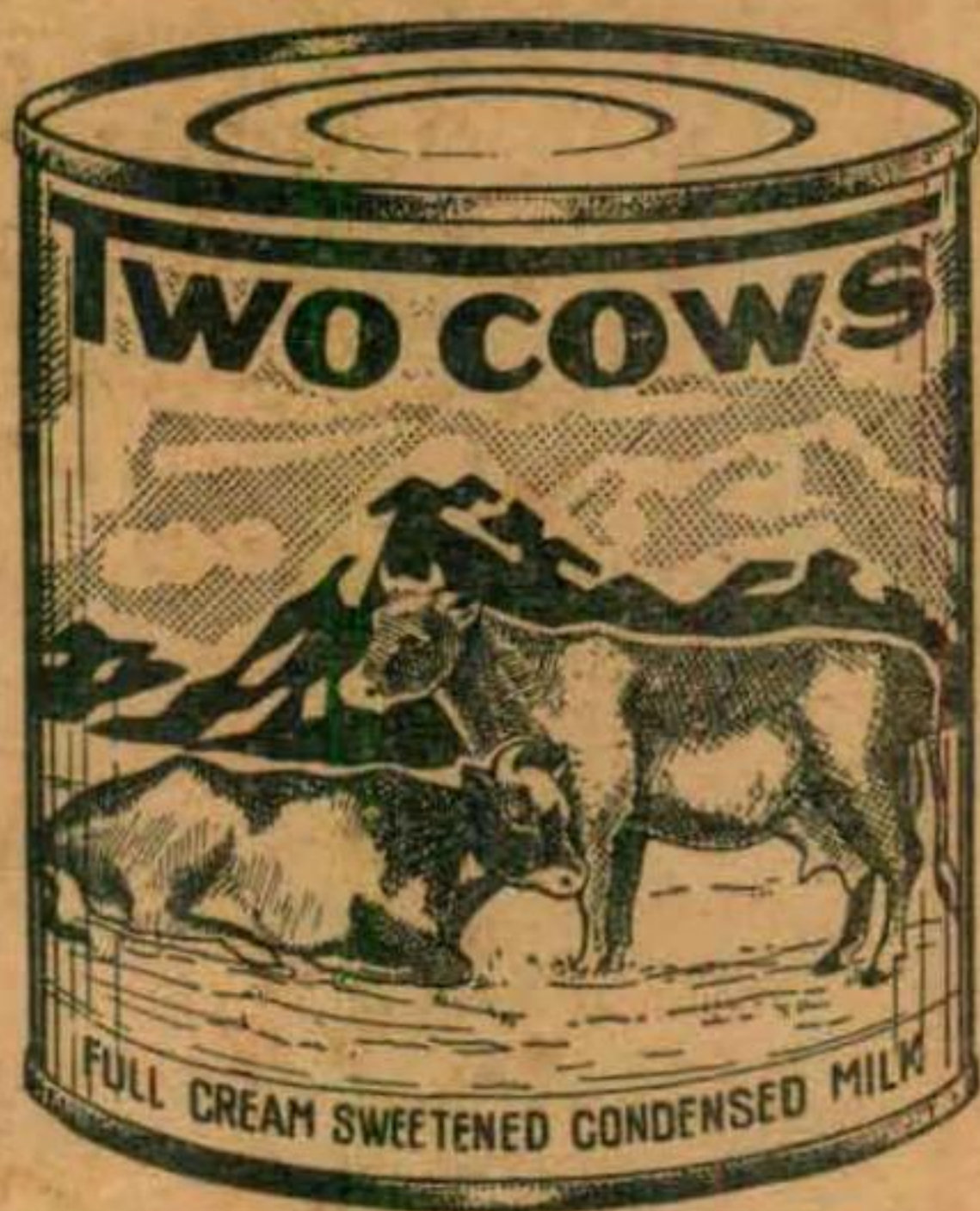
Chi Ngành : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE

SỮA « HAI CON BÒ »

Được

Viện PASTEUR

SAIGON



chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bỏ cho trẻ em dùng

CÔNG-TY BẢO HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiêm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phậ-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiêm hỏa-hoạn

Tai hại gây bởi chất nổ

Vốn : 1000 triệu phậ lăng

*Compagnie d'Assurances Générales
contre l'Incendie
et les Explosions*

Capital : 1 Milliard de francs

NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP

Bảo-hiêm tai nạn

Gian-phi — Hàng-hải — Rủi-ro

Vốn 1000 triệu phậ lăng

*Compagnie d'Assurances Générales
Accidents*

Vol — Maritime — Risques divers

Capital : 1 Milliard de francs

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances
CHI-NHÁNH SAIGON : 26, Tôn - thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26
Succursale

Giấy số : 21.253 — 23.913
Tél.



Dùng Hộp Quẹt là BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tê Quốc-Gia

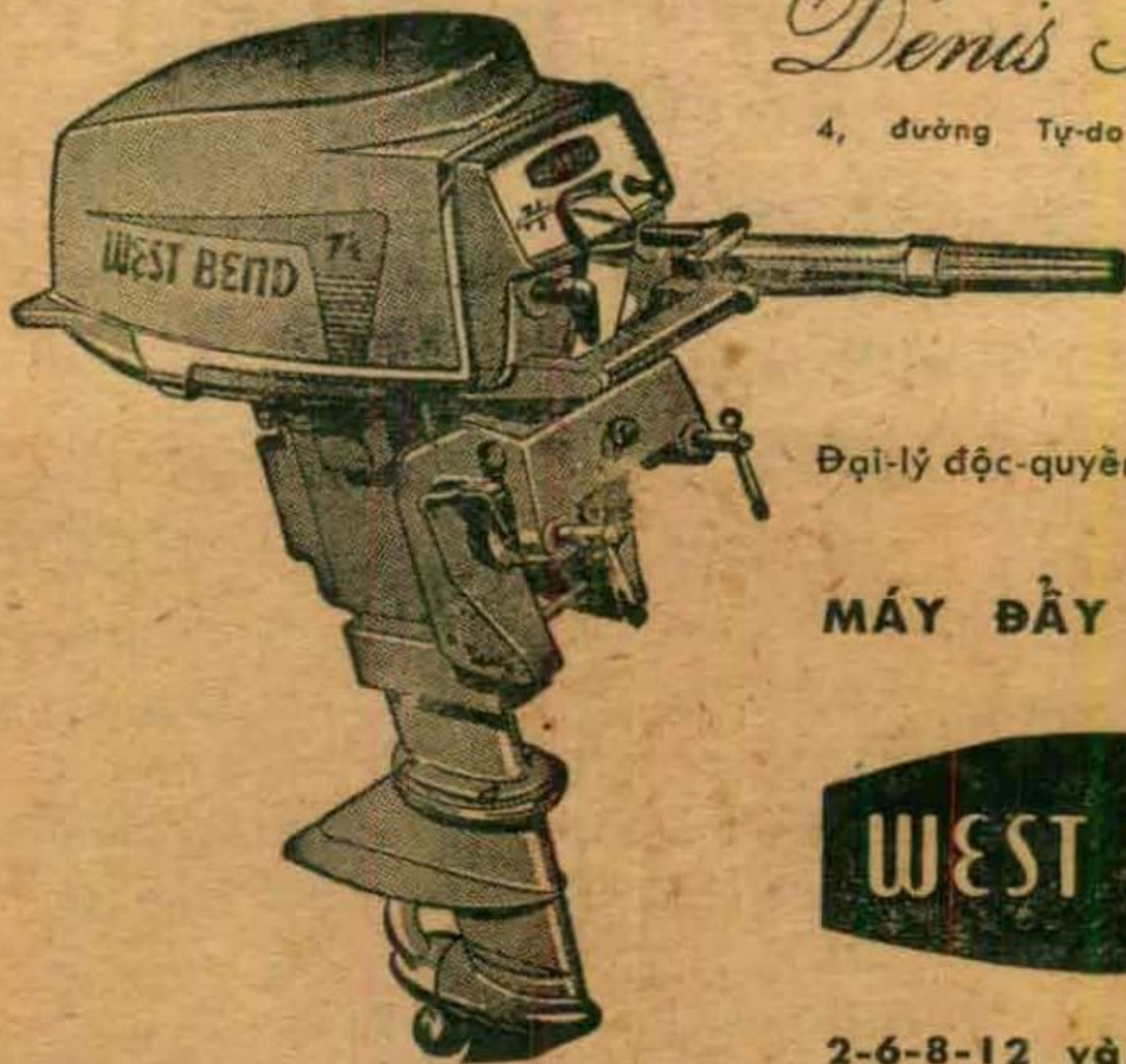
Sté Indochinoise Forestiere
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière



Denis Freres

4, đường Tự-do - SAIGON

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CÀ-NÓT

WEST BEND

2-6-8-12 và 30 mã-lực



BRIDGESTONE TIRES

S.A.V.I.C.O.

Công-ty vô-danh thương-mại V.N.

Xuất-cảng — Nhập-cảng

41, Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-tín : VICOME



ĐẠI-LÝ:

- Vô xe « BRIDGESTONE »
- Bình điện « G. S. »
- Máy lạnh dùng vào kỹ-nghệ « SURERLY »
- Xe hơi các loại, hiệu « TOYOTA »

Vật-liệu Kim-khí — Vải, sợi — Xe gắn máy, phụ tùng xe hơi

XUẤT-CẢNG : Ngũ-cốc — Cao-su, v.v...

Hãng GARAGES CHARNER

131 - 133 đại - lộ Nguyễn - Huệ

SAIGON

ĐẠI - LÝ ĐỘC - QUYỀN CÁC HIỆU XE :

— CHEVROLET

— CADILLAC

— AUSTIN

— và « rờ - mọt » CODER

Rất hân-hạnh được tiếp đón quý ngài để trình - bày những đặc-diểm về các hiệu xe này và sửa chữa đủ các loại xe hơi lớn và nhỏ.

Hãng gồm toàn thợ chuyên-môn và có máy riêng để điều chỉnh các thứ bơm dầu cặn (pompe à injection) cho xe hơi và máy tàu một cách rất tinh - mật.

Đ.T. 20.423 và 22.531

THE BANK OF EAST ASIA, LTD

(ĐÔNG - A NGAN - HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : No 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

**TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE**

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
**CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHỈ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÃN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN